

VŨ ĐỨC SAO BIỂN

KIM DUNG GIỮ ĐỒI TÔI

THIÊN HẠ ĐỆ NHẤT MỸ NHÂN

QUYÊN TRUNG



Kim Dung giữa đời tôi

(quyển trung)

HOAN NGHÊNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH

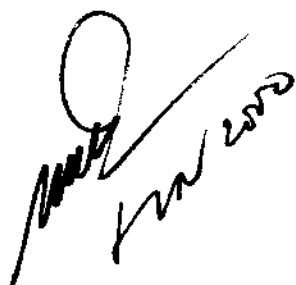
Nhà xuất bản Trẻ

161B Lý Chính Thắng, quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: 8465596 – 8444289

Email: nxbtre@hcm.vnn.vn

vũ đức sao biển



Kim Dung giữa đời tôi

(quyển trung)

Thiên hạ đệ nhất mỹ nhân

Tái bản lần thứ nhất

NHÀ XUẤT BẢN TRÈ

Dẫn nhập

Có lẽ trong 30 năm cầm bút và với trên 10 tác phẩm đã được in ra, tôi chưa bao giờ nhận được nguồn hạnh phúc tinh thần lớn lao như khi in ra tác phẩm biên khảo Kim Dung giữa đời tôi – quyển thượng – Kiều Phong, khát vọng của tự do. Ngay trong ngày đầu tiên; cuốn sách được bày bán ở các cửa hàng sách Văn Nghệ, Nhà xuất bản Trẻ, FAHASA, Công ty Phát hành sách khu vực 2 An Dương Vương...; tôi đã liên tiếp nhận được nhiều ý kiến, lời hỏi thăm của các bạn đọc qua điện thoại. Một tuần sau, tôi nhận được khá nhiều thư của các bạn đọc qua các địa chỉ của tạp chí Kiến thức ngày nay, báo Thanh Niên, báo Tuổi Trẻ Cười và báo Pháp Luật thành phố Hồ Chí Minh. Tôi còn biết nói gì hơn trước những tình cảm chân thành và những tấm lòng ưu ái như vậy?

Và cũng có lẽ chưa bao giờ, tôi nhận được nhiều lời chỉ giáo bổ ích từ cái nhìn và cách nhận thức vừa rộng rãi, vừa sắc sảo của bạn đọc đến như thế. Thư của bạn Bùi Đào Nguyên (24 Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang) viết: “Tôi đã được đọc một số bài viết về Kim Dung của ông trên tạp chí Kiến thức ngày nay. Tôi cũng vừa đọc xong quyển Khảo luận văn học Kim Dung giữa đời tôi. Những nhận xét sâu sắc của ông đã đánh đổ hoàn toàn nhận thức của tôi. Từ lâu, trước ngày giải phóng cho đến thời gian gần đây, truyện kiếm hiệp chỉ thuần túy được

xem là để giải trí, không đáng xếp hạng vào văn học... Những ý kiến cho rằng truyện đề cao anh hùng cá nhân, bạo lực không còn phù hợp nữa". Ý kiến bạn Bùi Đào Nguyên là, cần có thêm những quyển sách tốt ra đời để phục vụ đông đảo nhu cầu thưởng ngoạn và nhu cầu hiểu tri của người đọc yêu sách. Ông Tôn Thất Sảng (7B Bis, Trần Phú, Đà Lạt) thì viết rất chân tình: "Được đọc nhiều bài viết của ông về Kim Dung, tôi muốn phiền ông chỉ cho tôi có thể mua được bộ Tiểu ngạo giang hồ thứ thiệt để đọc lại. Rất mong một ngày được gặp gỡ nhà văn chuyên Kim Dung; tôi vô cùng hân hạnh". Thư của ông Hoàng Bích Khê (183/15/8 đường 68, thành phố Huế) đã chỉ ra cho tôi những điều rất thú vị: "Qua các chương khảo luận của ông, tôi thấy lại đầy đủ các tên tuổi nhân vật mà đã một thời là câu chuyện hàng ngày với bạn bè, người thân trong mỗi bữa ăn, mỗi sáng, mỗi tối uống cà phê, bia rượu với mọi người... Cũng như ông, tôi muốn thấy giải Nobel được trao tặng cho nhà văn Kim Dung. Nhưng Đông là Đông, Tây là Tây; những hội viên trong Hội đồng tuyển trách giải chắc khó cảm nhận tác phẩm Kim Dung đầy đủ như chúng ta, những người cùng chung nếp nghĩ, nếp sống trong triết lý Khổng, Phật, Lão của lịch sử hàng mấy ngàn năm hình thành văn minh phương Đông". Tình cảm của ông Hoàng Bích Khê thật đậm đà khi ông viết thêm cho tôi dòng chữ "Một người đơn cố bất tương kiến". Trong các bạn đọc trẻ, có thư của cháu Lê Thanh Bình (sinh viên Đại học Kinh tế, ngụ tại 94 Nghĩa Thục, phường 5, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh) có đoạn viết: "Cháu mong là chú tiếp tục có những bài viết, những cuốn khảo luận văn học mới về tác

phẩm Kim Dung, bởi vì theo ý kiến của cháu, tiểu thuyết Kim Dung còn rất nhiều vấn đề, nhiều khía cạnh để ta phân tích. Hy vọng rằng nhà Kim Dung học sẽ tiếp tục làm hài lòng những độc giả tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung trong thời gian gần đây”.

Đoạn trích bốn thư trên đây chỉ là những ý kiến “thay mặt” cho hàng trăm thư và câu chuyện trao đổi với bạn đọc cả nước qua điện thoại. Tâm tình đã gởi đi thì phải có tâm tình đáp ứng lại: Tôi xin cảm ơn tấm lòng các bạn đọc gần xa và theo “đơn đặt hàng” của bạn đọc, đêm đêm tôi vẫn cúi xuống trên trang viết, trước máy chữ để tiếp tục viết về Kim Dung, về tác phẩm của ông, về những điều bạn đọc gợi ý, đặt ra cho tôi từ những tác phẩm của ông.

Là một con người bình thường, lại viết rất nhiều để kịp đăng báo, tác phẩm võ hiệp của Kim Dung cũng đã vướng những mặt hạn chế nhất định. Thí dụ, về mặt tư tưởng ông vẫn chưa thoát ra khỏi “tư tưởng Đại Hán”: coi người các lân bang là mọi rợ (từ di: Nam man, Bắc địch, Đông di, Tây nhung), coi các công trình kiến trúc, đồ ăn thức uống, trang phục của các dân tộc khác ngoài Hán tộc là hủ lậu; gọi các dân tộc Tây phương như người Hà Lan, người Bồ Đào Nha, người Ý Đại Lợi, người Bỉ Lợi Thì, người Nga La Tư.... là Hồng mao quỷ. Thí dụ, về mặt kết cấu tiểu thuyết, ông đã cho Đại Tung dương thủ Phí Bán chết đi rồi sau đó... sống lại; ông đã để cho chàng trai Thạch Phá Thiên hoàn toàn không biết chữ nhưng lại biết xòe bàn tay ra sau lưng cho cô bạn là Đinh Đình Đang Đang viết vào: “Ông ngoại đã đến đó. Thiên ca ìm ìm

lên tiếng” và chàng trai đã “đọc” được! Cái gì của Hán tộc cũng quý, cũng tốt; thậm chí đến “của nợ” của Vi Tiểu Bảo cũng khiến cô gái Nga lãng mạn nhớ nhung hơn là những người đàn ông Nga mạnh khỏe khác ở cạnh mình! Thế nhưng, vượt lên tất cả những hạn chế đó, Kim Dung vẫn là một trong những tài năng lớn của Trung Hoa hiện đại, một trong những nhà văn có bút lực hùng hậu, kiến thức hoàn chỉnh của Trung Hoa thế kỷ 20.

Còn một năm nữa, toàn nhân loại sẽ già từ thế kỷ 20, bước sang thế kỷ 21. Thế kỷ 20 đang ở trong giai đoạn của nắng ban chiều, mà nắng ban chiều thì dễ làm cho lòng người băng khuâng nhớ nhau: nhớ thế kỷ mình đang sống; nhớ đất nước mình đã đánh bại cuộc chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc và đang vươn tới hòa bình, ấm no, hạnh phúc thật sự; nhớ nền văn hóa Việt Nam thâm hậu trong dòng văn hóa truyền thống của các dân tộc phương Đông. Tôi chỉ sợ một điều: choáng ngợp trước bình minh văn minh hiện đại của thế kỷ 21, chúng ta càng dễ xa rời những truyền thống văn hóa - văn minh dân tộc, dễ bị cám dỗ bởi cái cơ tâm (coeur dynamique) của văn minh máy móc và những dòng văn hóa ngoại lai phi dân tộc, phi nhân bản. Cho nên, dù viết về một nhà văn Trung Hoa; tâm ý của tôi là vẫn hướng về với những giá trị văn hóa - văn minh tinh thần truyền thống của Việt Nam, những giá trị văn hóa - văn minh tốt đẹp được xây dựng và không ngừng được vun bồi hàng mấy ngàn năm, trở thành một sức đề kháng tự nhiên qua suốt chiều dài của lịch sử dân tộc. Hẳn các bạn nhìn ra giữa những hàng chữ cái tâm ý ấy của tôi.

Thiên hạ đệ nhất đại mỹ nhân (tức Kim Dung giữa đời tôi – quyển trung) ra đời như một lời chân thành tạ lòng các bạn đọc báo và đọc sách của tôi. Sẽ có thể là khách sáo nếu tôi viết thêm rằng tôi mong nhận được những lời chỉ giáo, những ý kiến phê bình, trao đổi của các bạn đọc như khi cho phát hành Kim Dung giữa đời tôi – quyển thượng – Kiều Phong, khát vọng của tự do. Nhưng trong thâm tâm, tôi thật sự cảm thấy rất hạnh phúc nếu nhận được những lời chỉ giáo, ý kiến phê bình, trao đổi như vậy. Và tôi cũng xin trân trọng cảm ơn Nhà xuất bản Trẻ TP.HCM, Nhà xuất bản Đồng Nai, Ban biên tập báo Pháp Luật thành phố Hồ Chí Minh, Ban biên tập tạp chí Kiến thức ngày nay, các Công ty Phát hành sách, đặc biệt là Công ty Phát hành sách thành phố Hồ Chí Minh (FAHASA) đã động viên, giúp đỡ, khuyến khích tôi tiếp tục công trình biên khảo này.

TP. Hồ Chí Minh

Vũ Đức Sao Biển

讀金庸

挑燈半夜讀金庸
無忌明明月下逢
獨有超兒回故國
悲情誰泣遠方中

武德抄扁

Độc Kim Dung

*Khiêu dăng bán dạ độc Kim Dung
Vô Ky Minh Minh nguyệt hạ phòng
Độc hữu Siêu nhi hồi cố quốc
Bi tình thù khắp viễn phương trung.*
Vũ Đức Sao Biển

(Nửa đêm chong đèn đọc tác phẩm Kim Dung
Chàng Trương Vô Ky và cô Triệu Minh gặp nhau dưới trăng
Chỉ có mỗi Tiểu Siêu trở về nước Ba Tư cũ
Tình buồn ai khóc trong cõi trời xa xăm kia)

Độc tác phẩm Kim Dung

*Chong đèn khuya, đọc Kim Dung
Dưới trăng Vô Ky trùng phòng Triệu Minh
Tiểu Siêu về nước một mình
Trời xa, ai khóc cuộc tình buồn tênh.*
(Tác giả dịch)

Chương I.

Ý thiên Đồ long ký, lời ca của chủ nghĩa yêu nước

Có được một tác phẩm tiểu thuyết hấp dẫn trong tủ sách gia đình để mọi thành viên thuộc mọi lứa tuổi cùng đọc, rồi khi rảnh rỗi lại đem những tình huống bất ngờ, những nhân vật mình yêu thích ra bàn bạc, tranh luận quả là một điều thú vị. *Ý thiên Đồ long ký* (bản dịch cũ của Tiên Phong Từ Khánh Phụng lấy tựa là *Cô gái Đồ Long*) của nhà văn Kim Dung là một tác phẩm tiểu thuyết như vậy. *Ý thiên Đồ long ký* gồm 11 quyển, 104 hồi, là một bộ tiểu thuyết tương đối đồ sộ trong sự nghiệp trước tác của Kim Dung.

Kim Dung sinh năm 1924 tại Hải Ninh, tỉnh Triết Giang, Trung Hoa. Ông xuất thân trong một gia đình có truyền thống văn học; ông nội ông làm quan dưới triều vua Quang Tự, là nhà thơ khá nổi tiếng với bộ *Hải Ninh sát thị sao thi*. Tốt nghiệp Đông Ngô pháp học viện Thượng Hải, năm 1948 ông rời lục địa sang Hồng Kông làm công tác tòa soạn trong tờ *Đại Công báo*. Sau đó ông sáng lập tờ *Minh báo* và làm báo cho đến bây giờ. Trên tờ *Minh*

báo và tờ Nam Dương thương báo ở Singapore, tên tuổi Kim Dung được khẳng định như một nhà văn hiện đại có công khai sáng hệ tiểu thuyết võ hiệp và viết tiểu thuyết võ hiệp hay nhất của Trung Hoa. Nhưng phải đợi đến năm 1995, khi ông được chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mời về đại học Bắc Kinh trao hàm giáo sư danh dự và nói chuyện với hàng chục ngàn nhà nghiên cứu, nhà sư phạm và sinh viên thì tên tuổi và tác phẩm của ông mới được mọi người ở lục địa biết đến và đón nhận.

Ỗ thiên Đồ long ký là một bộ tiểu thuyết hoàn toàn hư cấu nhưng đặc điểm của phương pháp hư cấu ở đây là tác giả lồng câu chuyện trong hoàn cảnh lịch sử Trung Hoa vào cuối đời Nguyên, đầu đời Minh. Những con người thật cùng đấu tranh bên cạnh những con người được hư cấu; lịch sử được nhìn qua lăng kính văn học khiến tác phẩm vừa thực lại vừa hư, cuốn hút người đọc đi vào thế giới huyền thoại: thế giới của võ lâm Trung Hoa. Và người ta không thể ngừng lại không đọc tiếp nếu đã “lỡ” đọc một vài chương đầu.

Ỗ thiên là tên gọi của một thanh bảo kiếm, chém sắt như chém chuối, trong lòng nó chứa đựng một pho võ công rất bá đạo: bộ *Cửu âm chân kinh*. Đồ long là tên của một thanh bảo đao cũng có tính năng chém sắt như chém chuối, trong lòng nó chứa đựng một bộ binh pháp kỳ diệu: bộ *Vũ mục di thư* của nhà yêu nước Nhạc Vũ Mục (Nhạc Phi) đời Tống. Nhạc Vũ Mục đã từng là danh tướng, có công chống quân Kim (Thất Đát – tiền thân của Mãn Châu). Ông bị vua Tống giết hại bởi nghe lời súc siểm của gian thần Tần

Cối. Binh pháp của ông còn lại trong *Vũ mục di thư*, một thứ binh pháp thượng thặng nhằm chống xâm lăng cứu nước. Đồ long có nghĩa là giết con rồng, mà rồng có nghĩa là vua nhà Nguyên đang cai trị đất nước Trung Hoa. Kèm theo thanh kiếm và lưỡi đao, còn có một bài thơ được truyền tụng:

*Vô lâm chí tôn
Bảo đao đồ long
Hiệu lệnh thiên hạ
Mạc cảm bất tông
Ý thiên bất xuất
Thùy dữ tranh phong*

Do không hiểu chân nghĩa của bài thơ, đặc biệt là câu thứ ba và câu thứ tư, bọn hào sĩ giang hồ Trung Hoa cứ nghĩ là chiếm được đao Đồ long là có thể trở thành chí tôn, có quyền ra lệnh cho mọi người mà chẳng ai dám không nghe theo. Lòng tin mù quáng đó đã xui khiến nhiều môn phái, bang hội, thế lực chính trị lao vào cuộc đấu tranh giành giật đao Đồ long. Cuối cùng, quân hùng Minh giáo được lưỡi đao và bộ *Vũ mục di thư*. Trên chùa Thiếu Lâm, giáo chủ Minh giáo Trương Vô Kỵ đã học chương “*Binh quân Ngưu Đầu Sơn*” của Nhạc Vũ Mục viết trong bộ binh pháp này và ứng dụng để giải vây cho hào sĩ giang hồ Trung Hoa, đánh tan quân Mông Cổ. Trương Vô Kỵ đã long trọng trao binh pháp lại cho thuộc hạ của mình là Thường Ngộ Xuân – một nhân vật có thật trong lịch sử Trung Hoa. Và họ đã làm một cuộc khởi nghĩa thắng lợi. Đó là cuộc khởi nghĩa Hoài Tú kéo dài 15 năm của Chu Nguyên Chương, Thường Ngộ Xuân, Từ Đạt, Thang Hòa,

Trương Sĩ Thành. Cuộc khởi nghĩa thành công, Chu Nguyên Chương được tôn làm vua lấy đế hiệu là Minh Thái Tổ, mở ra Minh triều, truyền được 13 đời, kéo dài 275 năm (1368 - 1643). *Ý thiên Đồ long ký* là bài ca đẹp về chủ nghĩa yêu nước, tinh thần chống ngoại xâm. Chính lòng yêu nước đã nối kết những lực lượng kháng Nguyên sẵn sàng khếp mình đứng dưới cờ Minh giáo, nghe theo sự điều động của chàng trai Trương Vô Kỵ, cứu trăm họ ra khỏi ách thống trị của người Mông Cổ. Chân nghĩa của bài thơ được truyền tụng là như thế.

Ý thiên Đồ long ký là một bài ca đẹp về tình yêu lứa đôi. Đó là tình yêu rục rở giữa Hân Tố Tố – con gái của giáo chủ Bạch mi giáo Hân Thiên Chính – với chàng trai Trương Thúy Sơn, đệ tử thứ năm của Trương Tam Phong phái Võ Đang. Đó là tình yêu lặng lẽ của Trương Vô Kỵ, giáo chủ Minh giáo Trung Hoa, với cô gái lai Ba Tư yêu kiều Tiểu Siêu, thánh sứ nữ Bái hỏa giáo từ Ba Tư qua. Tiểu Siêu đã đi qua con đường tơ lụa và quay về Ba Tư cũng trên con đường tơ lụa. Họ chia tay nhau, ngậm ngùi đau đớn. Cả tình yêu, cuộc sống và số phận con người được đúc kết trong câu hát:

*Lai như lưu thủy hề thệ như phong
Bất tri hà xứ lai hề, hà sở chung*

(Chợt đến như dòng nước chảy
Rồi tàn như gió qua mau
Chẳng biết từ nơi nào đến
Và chẳng biết về nơi đâu)

Đó đồng thời là tình yêu tươi đẹp giữa Trương Vô Kỵ, chàng trai Trung Hoa Hán tộc, lãnh đạo lực lượng kháng Nguyên, với cô gái Triệu Minh – quận chúa của triều đình nhà Nguyên. Tình yêu ấy vượt qua mọi ngăn trở biên giới của chủng tộc, giai cấp, đối kháng chính trị. Tác giả muốn chứng minh một định đề: cái đạo lý của chính nhân quân tử có thể cảm hóa và cải tạo được những con người tàn bạo. Hán Tố Tố bị gọi là nữ ma đầu; Triệu Minh bị gọi là yêu nữ. Thế nhưng trong tình yêu và do tình yêu cảm hóa, họ trở thành những con người đích thực, biết hướng thiện sửa sai, trở thành những người phụ nữ nhu mì, giàu nữ tính, giàu đức hy sinh. Hán Tố Tố chết theo chồng là Trương Thúy Sơn để giữ vẹn lời nguyện không nói với ai chỗ ẩn cư của Tạ Tốn; Triệu Minh sẵn sàng bỏ tước hiệu quận chúa nương nương của Mông Cổ để đi theo chàng trai áo vải Trung Hoa Trương Vô Kỵ. Ngay trong những chương nói về tình yêu, Kim Dung đã chứng tỏ được sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của ông, so với những tác phẩm võ hiệp mà ông đã từng viết ra trước đó.

Ý thiên Đồ long ký là bài ca mệnh mông về lòng nhân ái, sự bao dung giữa con người với con người. Lòng nhân ái, sự bao dung đó nằm trong ý nghĩa bài *Hòa ca* của giáo chúng Minh giáo:

*Đốt tàn thân xác của ta
Ngọn thánh hỏa cháy lên đỏ rực...
Hy, Lạc, Sầu, Bi đều trở về cát bụi
Chỉ thương con người hoạn nạn lắm khi.*

Hiểu được lời ca ấy, Trương Vô Kỵ mới hiểu được Minh giáo

và nguyện xả thân để cứu quần hùng Minh giáo, tha thứ cho những kẻ thù trong sáu đại môn phái đã bức tử cha mẹ mình, tha thứ cho những kẻ đã từng có hành động hãm hại mình. Cũng thế, Tạ Tốn đã tha thứ cho Thành Khôn; các nhà sư Độ Ách, Độ Nạn, Độ Kiếp và quần hùng Trung Hoa tha thứ cho Tạ Tốn. Tính nhân bản, nhân văn của tác phẩm hiện rõ trong từng chương, từng hồi, từng trang sách. Còn bản thân những kẻ mê muội, không chịu cải hóa thì tự họ rước lấy những hậu quả từ những nguyên nhân mà họ đã gây ra. Ngay Vô Kỵ khi bị thuộc hạ là Chu Nguyên Chương phản bội, anh có thể giết Chu Nguyên Chương chỉ với một ngón tay, nhưng đã không làm điều đó. Anh nghĩ đến trăm họ Hán tộc lầm than đang cần đến một người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, nghĩ đến vai trò của Chu Nguyên Chương đang rất cần thiết cho hàng triệu giáo chúng Minh giáo và quần hùng Trung Hoa. Và anh lặng lẽ ra đi, tha thứ cho Chu Nguyên Chương để Chu yên tâm lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hoài Tứ đi đến thắng lợi.

Ý thiên Đồ long ký là sự hiện thực hóa những nguồn tư duy, tư tưởng vốn mang tính trừu tượng của triết học Đông phương. Ta có thể tìm trong tác phẩm những tư tưởng của Bái hỏa giáo (Minh giáo), Phật giáo, Lão Trang, Khổng giáo. Pho Thái cực quyền của Trương Tam Phong sáng tạo giờ hai tay nhẹ nhàng ôm lại như ôm vòng Thái cực, ung dung chậm rãi mà uy mãnh tuyệt luân. Trên đỉnh Thiên Sơn, Trương Vô Kỵ bề một cảnh mai mùa xuân đầy hoa và nụ để đấu với chính - phản Lương nghi kiếm pháp và đao pháp, mà cảnh mai không rụng một bông, một búp. Cái lặng lẽ của tư duy Đông phương đã được thể hiện đến chỗ vô cùng vô

hạn. Từ núi Côn Luân trở về Trung Nguyên, Hà Túc Đạo mang theo cây tiêu vĩ cầm và thanh kiếm. Chàng trung niên văn sĩ ấy đánh đàn kêu gọi bầy chim đến cho chim nghe và nhảy múa theo tiếng đàn, dùng kiếm vẽ bàn vi kỳ và đánh cờ một mình giữa rừng sâu trên đỉnh Thiếu Thất. Cái động và cái tĩnh, cái cơ tâm và cái phóng dật được dung hợp và thể hiện một cách tài tình khi Hà Túc Đạo vừa đấu kiếm với kẻ địch, vừa vận chỉ công để diễn tấu một đoạn nhạc tình mới sáng tác nhằm biểu lộ tình cảm và lòng mến mộ của mình dành cho cô bé Quách Tường. Triết học Đông phương, tư duy Đông phương cực kỳ lãng mạn đã được đẩy đến bến bờ mệnh mông nhất, chỉ cần cảm nhận mà không cần biện biệt.

Truyện võ hiệp không phải là truyện tình báo. Nhưng *Ý thiên Đồ long ký* bao gồm những chương hồi mà nghệ thuật tình báo được thể hiện với một thủ pháp cao cường: kẻ độc ác Thành Khôn cạo đầu vào chùa Thiếu Lâm giả làm nhà tu với pháp danh Viên Chân âm mưu triệt hạ Minh giáo và hãm hại sáu đại môn phái để chiếm ngôi võ lâm chí tôn; cô gái lai Ba Tư Tiểu Siêu nằm vùng trong nội bộ Minh giáo Trung Hoa để tìm *Càn khôn đại nã di tâm pháp*; Chu Chỉ Nhược mưu sát Hân Ly và phóng trục Triệu Minh để độc chiếm kiếm Ý thiên và đao Đồ long... Đó là những chương hồi đặc sắc, bất ngờ, đưa ta vào một thế giới lạ lùng với những tình huống đột biến thú vị và thi vị.

Ý thiên Đồ long ký cũng là một tác phẩm tập trung giới thiệu nhiều kiến thức. Đó là kiến thức sử học với cuộc khởi nghĩa kháng

Nguyên của người Trung Hoa ở Hoài Tứ, An Huy. Đó là kiến thức địa lý học với những địa danh mà các nhân vật đã đi qua, từ Đại Đô (Bắc Kinh) đến chùa Thiếu Lâm ở Hồ Nam, từ biển Đông đến đỉnh Thiên Sơn ngoại Tân Cương, biên giới thiên nhiên giữa Trung Hoa và Kirghizistan. Đó là những kiến thức y học về phương pháp sử dụng thuốc chữa bệnh, phương pháp phóng độc và đầu độc, phương pháp giải phẫu, nối xương, chỉnh hình. Đó là kiến thức về kỹ thuật luyện kim, kỹ thuật sử dụng dầu đá (dầu thô), kỹ thuật sử dụng chất nổ do quân hùng Minh giáo thực hiện. Đó là các kiến thức về thư pháp học, một thứ thư pháp được hình tượng hóa và cụ thể hóa bằng phán quan bút, chuông pháp, chỉ pháp của võ thuật...

Xét về góc độ kỹ thuật tiểu thuyết, *Ý thiên Đồ long ký* gần như là bộ tiểu thuyết có kết cấu hoàn chỉnh nhất trong những bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung. Tác phẩm mở đầu với một đoạn lung khá hấp dẫn, kể chuyện Quách Tường lên chùa Thiếu Lâm, chuyện Hà Túc Đạo gặp Quách Tường, chuyện thầy trò nhà sư Giác Viễn đánh bại Hà Túc Đạo để dẫn qua quá trình hình thành các phái Võ Đang, Nga Mi, Côn Luân. Thế giới thứ nhất của Hà Túc Đạo, Giác Viễn, Quách Tường, Trương Tam Phong khép lại để mở ra thế giới thứ hai của Trương Thúy Sơn, Hân Tố Tố, Tạ Tốn.... Thế giới thứ hai khép lại với cái chết của vợ chồng Trương Thúy Sơn – Hân Tố Tố để mở ra thế giới thứ ba với Trương Vô Kỵ, Chu Chỉ Nhược, Triệu Minh, Tiểu Siêu, Hân Ly... Những nhân vật có thật trong lịch sử Trung Hoa và lịch sử Minh giáo Trung Hoa như Dương Tiều, Chu Nguyên Chương, Thường Ngộ Xuân,

Từ Đạt, Hàn Sơn Đồng, Thang Hòa... sống và hoạt động bên cạnh những nhân vật hư cấu của tiểu thuyết như Vô Ky, Chu Chỉ Nhược, Triệu Minh, Tiểu Siêu, Hàn Thiên Chính, Phạm Dao... Tất cả làm nên tổ chất vừa lãng mạn vừa hiện thực, nối kết những chương hồi với nhau thành một chuỗi dài.

Kim Dung có tài năng đặc biệt khi nâng văn chương tiểu thuyết võ hiệp thông tục lên thành thứ văn chương cung đình sang trọng. Có những chương hồi của ông khiến người đọc cười ha hả như chương đối thoại của Ngũ tạng nhân, nhưng cũng có những chương khiến người đọc rơi nước mắt như chương Tiểu Siêu chia tay Vô Ky trên biển. Một sợi chỉ nhỏ như tơ, khi ẩn khi hiện nhưng xuyên suốt tác phẩm là câu hát ngâm ngùi: *"Lai như lưu thủy hể thệ như phong; Bất tri hà xứ lai hể hà sở chung"*.

Tôi đã đọc *Ý thiên Đồ long ký* trên 30 năm, mỗi lần đọc lại cảm thấy có cái gì đó rất mới mẻ, rất lạ lùng. Đọc đến trang cuối; tôi thở phào khi Trương Vô Ky chặt đứt dây xiềng khóa cho Triệu Minh, dẫn cô vượt nhà lao ra đi mà không nghĩ cách trả thù Chu Nguyên Chương theo cái logique bình thường ở đời. Chàng Trương đi với cô Triệu và anh làm một công việc rất thú vị, chẳng liên hệ gì đến Ý thiên kiếm và Đồ long đao, cũng chẳng liên hệ gì đến giới võ lâm Trung Hoa: kẻ lông mày cho Triệu Minh. Trương Vô Ky sống theo cách của nhà thơ Lý Bạch viết trong *Hiệp khách hành*:

Sự khứ phát y liêu

Thâm tàng thân dữ danh

(Việc xong, rũ áo ra đi

Giấu ngay thân thể, tiếc gì tiếng tăm)

Ở đời, đã có mấy ai đạt đạo được như vậy? Vô Ky – Triệu Minh đi về đâu? Tác giả không nói rõ và cũng chẳng muốn nói rõ. Ở một chân trời góc biển nào đó, khi Chu Nguyên Chương lên ngôi cửu ngũ thì Trương Vô Ky lại cầm cây bút của nhan sắc lên và kẻ lại lòng mảy cho nàng Triệu Minh.

Chương II.

Nghề kỹ nữ trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung

Khái niệm “nghề”, theo nhà kinh tế học Thomas Robert Malthus, người Anh, là một cái gì có lợi cho bản thân, vừa có ích cho xã hội. Và nếu hiểu theo cái nghĩa nghiêm túc đó thì kỹ nữ không thể là một nghề. Kỹ nữ là người con gái làm “nghề” bán phấn buôn hương, còn có nghĩa là ả đào, con hát. Nếu người ta có thể chấp nhận ả đào, con hát là một nghề thì người ta khó có thể chấp nhận được chữ “nghề” trong cái mà người ta gọi là bán phấn buôn hương. Trong thơ của Đỗ Mục, kỹ nữ còn được gọi là “thương nữ”:

*Thương nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xướng Hậu đình hoa*

(Đỗ Mục – Bạc Tản Hoài)

Nói thì nói thế nhưng trong xã hội Trung Hoa ngày xưa, một xã hội vốn trọng nam khinh nữ, một xã hội vốn coi người phụ nữ là đồ chơi của đàn ông, có thể dễ dàng mua, bán, bắt cóc, sang

nhượng hoặc đem làm quà tặng giữa những người đàn ông với nhau thì sự xuất hiện của nghề kỹ nữ cũng là điều rất bình thường, thậm chí được coi là hợp lý.

Nghề kỹ nữ có từ thời nào? Người ta khó mà xác định được thời điểm xuất hiện của nghề này, tuy nhiên cũng có thể khẳng định được nghề này gắn liền với chén rượu câu khách, mời khách, đàn ca làm vui và bán dâm cho khách. Theo tư liệu của ông Nguyễn Tôn Nhan đăng trên tạp chí *Kiến thức ngày nay*, ông tổ của nghề kỹ nữ là Bạch mi thần (thần mây trắng). Thần mây trắng có thể là Hồng Nhai tiên sinh, tên gọi Linh Luân, bấy tôi dưới thời vua Hoàng Đế, người làm ra âm luật đã được ghi lại trong *Lã thị xuân thu* của Lã Bất Vi thời Tần. Thần mây trắng cũng có thể là Liễu Đạo Chích, thời Xuân Thu; Quản Trọng (Quản Di Ngô), thời Xuân Thu, người có công lập ra 700 nhà chứa gái để đàn ông đến mua vui, thu tiền lời để lo việc quân quốc cho Tề Hoàn Công; cũng có thể là Lã Động Tân trong nhóm Bát tiên, nhân vật chuyên dạy hát kiêm trị bệnh hoa liễu cho phụ nữ làng chơi. Trong bất kỳ thời đại vua chúa nào ở Trung Hoa, nghề kỹ nữ cũng vẫn được hoạt động, các “viện” chứa gái vẫn mọc lên khắp nơi. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung trở thành một bản điều tra xã hội khá ngoạn mục khi ông phản ánh cho độc giả thấy được thêm một nghề: nghề kỹ nữ.

Trong tác phẩm *Tiểu ngạo giang hồ*, Kim Dung có nhắc đến viện Quân Ngọc dưới núi Hành Sơn. Đây là nơi mà Lệnh Hồ Xung khuyên Điền Bá Quang nên tìm đến để giải trí, buông tha cho ni

cô Nghi Lâm bé bỏng tội nghiệp. Cũng chính nơi này, Lệnh Hồ Xung đã tìm đến dưỡng thương; Nghi Lâm được cô bé Khúc Phi Yên dẫn đến tìm anh để đưa anh đến vùng hoang sơn dã lĩnh, tránh sự truy đuổi của những kẻ thù. Cũng chính nơi này, Dư Thương Hải của phái Thanh Thành tướng đã có cơ hội làm nhục hai phái Hoa Sơn và Hằng Sơn nếu bắt được Lệnh Hồ Xung và Nghi Lâm cùng ở chung trong một phòng, nhưng cuối cùng, lão đã phải chạm mặt với Điền Bá Quang và đánh nhau, bị Điền Bá Quang xuyên tạc là “đánh nhau để giành một cô gái làng chơi tên là Ngọc Bảo”.

Nhưng nghề kỹ nữ được mô tả đậm nét nhất vẫn là trong bộ *Lộc Đình ký*, Vi Tiểu Bảo xuất thân từ kỹ viện Lệ Xuân ở thành Dương Châu. Mẹ của Vi Tiểu Bảo – Vi Xuân Phương – bang giao rộng rãi với các anh em Hán, Mông, Tạng, Hồi, Mãn; không khẳng định được cha của Vi Tiểu Bảo là ai. Chính Vi Tiểu Bảo cũng đã trải qua tâm trạng buồn bực, ghen tị khi má mình đã già (trên 30 tuổi), không có được loại khách sang, khách sộp của các kỹ nữ trẻ tuổi khác. Kim Dung cũng cho ta biết những “cấp bậc” trong các viện ở Dương Châu. *Má má* là chủ viện, người bỏ tiền ra mua gái về, có toàn quyền sinh sát đối với các cô gái. *Mụ đầu* là những người đàn bà lớn tuổi, chuyên môn giới thiệu, làm môi giới mại dâm. *Kỹ nữ* là những người trực tiếp bán dâm trong các viện, lại kiêm nhiệm vụ mời khách uống rượu và kêu đồ nhậu. Nội dung công việc của họ là khuyến khích bọn khách chơi xài tiền, càng xài tiền nhiều càng tốt. *Hoa nô* là những chàng trai, cô gái có nhiệm vụ phục vụ các công việc vặt vặt trong kỹ viện: nấu nướng thức

ăn, pha rượu, dọn bàn ghế, mua đồ ăn cho kỹ nữ và... đánh đập những cô gái nhà lành, dần mất họ nếu họ không chịu bán trinh, không chịu tiếp khách.

Chính Vi Tiểu Bảo đã từng mơ ước một ngày có số tiền lớn, tìm đến một viện nào đó ăn xài phung phí cho sướng tay ba ngày ba đêm. Về sau, làm đến đại thần trong triều Khang Hy rồi, Vi Tiểu Bảo mang một số tiền lớn về cho mẹ để mẹ có thể mở một Lệ Thu viện, Lệ Đông viện hoặc Lệ Hạ viện; cạnh tranh cho cái Lệ Xuân viện mà hắn từng lớn lên và chịu nhục phải sụp tiệm rồi đời. Ngay bà Vi Xuân Phương, khi nhìn thấy đàn con dâu tươi đẹp của mình, trong đó có đủ tất cả công chúa, phu nhân, tiểu thư cao quý; đã khen con trai mình có mắt tinh đời. Trong tư tưởng kinh doanh kỹ viện của bà già chồng này, cứ cái đàn gái đó mà lập thành một viện thì ắt thành Dương Châu sẽ không có viện nào còn bóng đàn ông mò tới nữa.

Trong *Lộc Đình ký*, Kim Dung xây dựng một tình huống xảy ra tại Lệ Xuân viện khá buồn cười. Trịnh Khắc Sảng dẫn Trần A Kha (cô gái mà Vi Tiểu Bảo đang say đắm) hóa trang thành một vị công tử, xuống Lệ Xuân viện ở Dương Châu để đón bắt Vi Tiểu Bảo. Bà Vi Xuân Phương cứ tưởng đây là hai khách sộp, cố gắng rót rượu chào mời, ôm Trịnh Khắc Sảng và Trịnh A Kha hun hít hoài. Vi Tiểu Bảo thấy cảnh đó vừa bức tức vì sợ Trịnh Khắc Sảng, tình địch của hắn, sẽ thành cha hờ của hắn đêm ấy; vừa buồn cười vì mẹ ruột của mình cứ hôn hít bỏ của mình, tưởng A Kha là đàn ông phong lưu.

Thành đô nhộn nhịp có kỹ viện không lạ. Lạ nhất là ở gần những nơi tôn nghiêm như chân núi Thiếu Thất dưới chùa Thiếu Lâm, Hồ Nam cũng có kỹ viện. Chính Vi Tiểu Bảo, trong lớp áo của Hối Minh thiền sư, phó trụ trì chùa Thiếu Lâm, chịu không nổi cảnh chay tịnh của nhà chùa, đã thay áo đổi khăn lên khỏi chùa đi chơi kỹ viện. Lúc hắn đang say sưa cho tiền bọn kỹ nữ, mù dậu, hoa nô; gác chân gác tay lộn xộn thì A Kha và A Kỳ đến tìm hắn để tấn công. Hắn nhanh trí nói dối A Kỳ là vợ lớn, A Kha là vợ nhỏ, nghe hắn đi chơi kỹ viện nổi ghen đến quạỵ. Để tránh sự truy bắt của A Kỳ và A Kha, hắn dùng kế rùa đen thoát xác, mượn áo bọn kỹ nữ mặc vào, cho tiền đâm bọn kỹ nữ nhờ chúng chửi bới A Kỳ và A Kha rồi chia hai tốp kéo ra cổng trước và cổng sau. Thấy bọn kỹ nữ kéo ra, A Kỳ và A Kha không dám chém. Vì Tiểu Bảo nhờ vậy mà thoát nạn, chỉ thương cho bọn kỹ nữ vì ăn tiền chửi hăng quá, bị A Kỳ và A Kha đánh cho sứt đầu mẻ trán, kêu khóc om sòm. Sau này A Kỳ và A Kha đem vụ hắn đi chơi kỹ viện thưa lại với phương trượng chùa Thiếu Lâm là Hối Thông thiền sư. Vì Tiểu Bảo tưởng đã chết đến nơi, ai ngờ có một nhân vật là Dương Đạt Chi đứng ra đỡ đòn cho hắn. Dương Đạt Chi cho biết hắn là thái giám rất được hoàng thượng tin tưởng. Mà thái giám thì còn đi kỹ viện sao được. Cho nên mọi vị sư tăng trong chùa Thiếu Lâm đều kính ngưỡng hắn và cho rằng câu chuyện của A Kỳ và A Kha là chuyện bịa đặt, vu cáo một nhà tu hành đạo đức sáng rõ!

Nhưng thật ra, kỹ viện không phải chỉ là nơi mại dâm. Nếu trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, bọn giang hồ hào sĩ bị bọn

quan binh truy nã; người bị thương lánh vào kỹ viện dưỡng thương, thì trong thực tế, các danh sĩ thường tìm đến kỹ viện để nghe hát, làm thơ, rồi dạy cho kỹ nữ cách hát các bài thơ thành nhạc phủ. Kỹ viện trở thành nơi nương nấu những tâm hồn đơn độc, những người bị vua chúa lưu đày. Trong trường hợp đó, những kỹ nữ trở thành người bạn tri âm. Chúng ta từng biết Bạch Cư Dị bị giáng ra làm Tư mã Cửu Giang, đã từng làm bài *Tỳ bà hành* ca ngợi tiếng đàn của một kỹ nữ dài 622 câu. Trong phần đề tựa, Bạch Cư Dị đã viết: “Năm Nguyên Hòa thứ mười (816), ta bị giáng làm Tư mã huyện Cửu Giang... Tiễn khách ở bến Bồn, giữa đêm nghe tiếng đàn tỳ bà ở trên thuyền... Hỏi ra thì đó là ca nữ ở Trường An”. Tác giả đã ngồi nghe tâm sự của người ca nữ đó. Bản thân người ca nữ tỏ ra là một nhân vật có học, có lòng tự trọng, không phải khách nào mời cũng ra:

*Di thuyền tương cận yêu tương kiến
Thiêm tiêu hồi đẳng trùng khai yển
Thiên hồ vạn hóa thi xuất lai
Do bảo tỳ bà bán già diện*

(Ghé thuyền đến cạnh chào mời
Khêu đèn thêm rượu lại bày tiệc hoa
Nằm nì mời mãi mới ra
Ôm đàn che nửa mặt hoa thần thờ)

(Trần Trọng Kim dịch)

Lý Bạch cũng từng tìm thấy nguồn cảm hứng trong những chén rượu mà các nàng Ngô cơ chào mời ông trong bài *Kim Lăng*

từ từ lưu biệt:

*Phong xuy liễu hoa mãn điểm hương
Ngô cơ áp từ khuyến khách thường*

(Gió đưa hương liễu đầy nhà
Gái Ngô chúc rượu thiết tha ép nài)

Nhưng có lẽ Đỗ Mục với 10 năm lưu lạc ở Giang Nam mới hiểu được tấm lòng của người hồng nhan tri kỷ xuất thân từ giới kỹ nữ:

*Lạc phách giang hồ tái từ hành
Sở yêu tương tế chuông trung khinh
Thập niên nhất giác Dương Châu mộng
Dinh đặc thanh lâu bạc hạnh danh*

(Lưu lạc giang hồ đã bấy lâu
Cùng người nhỏ bé ở bên nhau
Mười năm sự tỉnh Dương Châu mộng
Mang tiếng trăng hoa nghĩ lại sầu)

(Hàn Giang Nhạn dịch)

Và đúng như truyền thống các bậc nhà văn tiền bối, Kim Dung cũng không hề xây dựng những nhân vật kỹ nữ chỉ thuần túy là những cô gái làng chơi trong tiểu thuyết võ hiệp của mình. Tôi sẽ có dịp khắc họa nhân vật Trần Viên Viên như một thiên hạ đệ nhất mỹ nhân, một danh kỹ, tuy xuất thân từ chốn phong trần nhưng đẹp tuyệt vời và thông minh vô hạn, có một quan hệ lạ lùng đến lịch sử Trung Hoa thời Minh mạt – Thanh sơ. Nhân vật có thật này đã trở thành nguồn cảm hứng chủ đạo cho danh sĩ Ngô Mai

Thôn đời Thanh viết thành *Viên Viên khúc*. Và ngay trong *Lộc Đình ký*, Kim Dung cũng xây dựng nên những đoạn kể chuyện các quan ở Dương Châu chiêu đãi khâm sai đại thần Vi Tiểu Bảo bằng cách mời các danh kỹ ở Dương Châu đến đàn hát giúp vui. Tác giả giới thiệu ba kỹ nữ tài năng. Người thứ nhất là Lương Ngọc Kiều, tuổi ngoài 30, ăn mặc hoa lệ nhưng nhan sắc cũng tầm thường. Người thứ hai lối ba mươi bốn, ba mươi lăm nhưng “*cử chi thuần nhã, giọng ca thánh thót; gặp những câu khúc chiết vì điệu tiếng hát càng thanh thoát lên bổng xuống trầm, biến hóa vô cùng*”. Cô hát bài *Vọng hải triều*, thơ của Tần Quan đời Tống, ca ngợi đất Dương Châu. Người thứ ba là một kỹ nữ tuổi ngoài bốn mươi, trán nhiều vết nhăn, mắt nhỏ tí hí nhưng được đánh giá là đệ nhất danh kỹ Dương Châu. Cô ôm đàn tỳ bà hát một bài mới của Tra Thận Hành (viễn tổ của Kim Dung); các quan ở Dương Châu ngồi nghe mà tâm hồn bay bổng. Chỉ có Vi Tiểu Bảo là chán nản bởi vì gã chỉ thích gái trẻ, mà có hát thì phải hát những bài dâm đẳng như *Thập bát mô*. Cho nên khi gã đòi cô danh kỹ này hát *Thập bát mô*, cô đã liệng đàn, ôm mặt khóc và bỏ chạy khỏi bữa tiệc.

Với tiểu thuyết võ hiệp, Kim Dung đã hé mở cho ta thấy được sự tồn tại của giới kỹ nữ và các kỹ viện trong những chế độ quân chủ Trung Hoa. Biết sao được, pháp luật của các chế độ quân chủ ấy công nhận kỹ nữ là một nghề thực thụ. Điều đáng quý ở nơi ông là ông đã nhìn những kỹ nữ với đôi mắt của nhà văn nhân bản và nhân đạo: không lên án cái nghề ti tiện của họ, mà thậm chí, còn có khuynh hướng biếu dương, ca ngợi các danh kỹ như

các nhà văn tiền bối đã làm. Nhưng tôi cho rằng cái can đảm nhất ở ông là ông đã để cho một thằng nhóc con của một kỹ nữ, lớn lên trong kỹ viện trở thành công tước của triều Thanh, đề đầu cõi cổ thiên hạ, kể cả những bậc vương công đại thần. Đó là Vi Tiểu Bảo. Kim Dung muốn chứng minh một điều: trước những ba động của lịch sử thì một gã lưu manh, con một gái điếm, cũng có thể trở thành con người “cao quý” nhất thiên hạ. Định đề đó quả đáng buồn và thật đáng cay!

Chương III.

Bang giao Trung - Nga nhìn qua Lộc Đỉnh Ký

Ở một chừng mực nào đó, ta có thể gọi *Lộc Đỉnh ký* của nhà văn Kim Dung là một bộ tiểu thuyết lịch sử. Thật vậy thông qua bộ tiểu thuyết này, Kim Dung đã cung cấp cho độc giả những sự kiện lịch sử có thật, khá quan trọng, từng xảy ra dưới thời vua Khang Hy, triều Thanh. Một trong những sự kiện quan trọng ấy là mối bang giao Trung - Nga, đưa đến việc ký kết hòa ước Hắc Long Giang năm 1684.

Ba tỉnh vùng Đông Bắc Trung Quốc ngày nay chính là vùng đất phát tích của các bộ tộc Mãn Châu (Manchourie) mà người Trung Quốc ngày xưa thường gọi là dân Kim hay Thát Đát (Tartare). Mô mả tổ tiên của vua Khang Hy thuộc bộ tộc Ái Tân Giác La (Aisin Gioro) được chôn ở vùng Bắc ngạn sông Amour (tiếng Mãn Châu: A Mộc Nhĩ Hà; tiếng Trung Quốc: Hắc Long Giang) dưới chân núi Lộc Đỉnh. Sông Amour phát xuất từ ngọn núi Tchita thuộc đài nguyên Oulan Oude (tiếng Trung Quốc: Ô Tu

Ô Đức) cận hồ Baikal (tiếng Trung Quốc: hồ Bối Gia Nhĩ) vòng lên hướng Bắc, đổ về phương Đông qua thành phố Khabarovsk rồi đổ xuống hướng Nam gặp cảng Vladivostok.

Từ ngàn xưa, các bộ tộc Mãn Châu thường sống du mục theo đôi bờ Hắc Long Giang, có khi vượt qua phía Tây đến biên giới Mông Cổ. Đây là vùng đất gần như băng giá quanh năm. Từ địa đầu biên giới Mông Cổ - Mãn Châu Lý kéo dài lên hướng Bắc hợp lưu với Hắc Long Giang, có thêm dòng sông Ngạch Nhĩ Cổ Lạp. Hắc Long Giang trở thành biên giới thiên nhiên giữa hai nước Trung - Nga bây giờ, một biên giới bền vững, rất dễ phân định. Vâng, đó là chuyện bây giờ. Còn chuyện xưa thì sao?

Ngày xưa, người Trung Quốc gọi nước Nga là nước La Sát. Trong kinh Phật, La Sát là tên một loài quỷ dữ, nhưng khi gọi nước Nga là nước La Sát, thực sự người Trung Quốc không có hàm ý khinh thị người Nga. Trong cuốn thứ chín bộ *Thanh sử cảo*, Lang Viên giải thích: “Nga La Tư hay La Sát chỉ là cách đọc phiên âm chậm hay mau mà thôi. Đọc La Sát tương đối giống hơn” (với từ Russe).

Bất kỳ của Mãn Châu tiến đánh nhà Minh năm 1643, và chiếm được Bắc Kinh. Vua Thuận Trị lập ra nhà Thanh trên đất Trung Quốc. Trăm họ người Trung Quốc vẫn tự coi mình là Hán tộc, gọi nhà Thanh là bọn Di Địch. Thế nhưng, bọn Di Địch đó đã làm nên một kỳ tích: sửa chữa những sai lầm của tổ tiên, duy trì đế chế phong kiến 268 năm; trong đó có ít nhất hai đời vua được coi là minh quân, đem lại hòa bình hạnh phúc cho Trung Quốc, vượt

xa trăm lần các ông vua triều Minh dòng Hán tộc. Một biểu tượng của thái bình thanh trị là Khang Hy (1662 - 1722), đăng minh quân mà cả Hán tộc và Mãn tộc đều tôn kính.

Lộc Đình ký của Kim Dung lấy tên núi Lộc Đình trên biên giới Trung - Nga làm tựa truyện, nên đã dựng lại khá rành mạch những quan hệ Trung - Nga dưới triều Thanh, theo sát những diễn tiến lịch sử. Vào năm Thuận Trị thứ 6 (1650), nhà vua đã cho quân đồn trú ở mạn Đông Bắc để ngăn chặn quân của Sa hoàng Nga La Tư, không cho xâm phạm vùng Lộc Đình Sơn và Hắc Long Giang. Năm Thuận Trị thứ 9 (1653), tướng Thanh là Hải Sắc đánh với quân Nga La Tư tại Hắc Long Giang; một tướng Thanh khác là Minh An Đại Lý đánh với quân Nga ở Tùng Hoa Giang (nằm sâu trong tỉnh Cát Lâm ngày nay). Năm Thuận Trị thứ 16 (1660), nhà vua sai hai tướng Nhĩ Hổ Đạt và Ba Hải đồn trú ở Ninh Cổ Tháp để ngăn chặn bước tiến quân của đoàn kỵ binh Nga La Tư danh tiếng Kha Tát Khắc (Cosaque).

Sử Nga cho biết công chúa Sophia (tiếng Trung Quốc: Tô Phi Á) lên nắm quyền Nhiếp chính năm 1680. *Lộc Đình ký* của Kim Dung hư cấu chuyện Vi Tiểu Bảo, bá tước của triều Khang Hy, đi đánh Thân Long giáo, lưu lạc qua Nga, giúp công chúa Tô Phi Á kêu gọi binh lính Hỏa thương thủ làm binh biến, đưa công chúa lên ngôi Nhiếp chính. Tính ra đây là năm thứ 18 triều Khang Hy.

Thực ra việc Vi Tiểu Bảo lưu lạc sang Nga chỉ là việc cá nhân của gã. Trước đó, vào năm Khang Hy thứ 15 (1677), đại sứ Nga là Tư Ba Tháp Lôi (Spatinary) đã sang Bắc Kinh, dẫn theo nhiều

chuyên gia về bảo thạch và dược tài (làm thuốc súng) đến trình ủy nhiệm thư lên Khang Hy, xin nhà vua trao đổi chuyên gia làm thạch kiều (cầu đá) về giúp Sa hoàng xây dựng Mạc Tư Khoa (Moscou) và Cơ Phụ (Kiev). Viên đại sứ này không chịu quỳ trước Khang Hy nên bị nhà vua đuổi về. Sau đó, Sa hoàng ra lệnh cho quân Cosaque đồn trú ở các thành Irkoutsk (tiếng Trung Quốc: Ái Nhĩ Tư Khắc) và Nertohinsk (tiếng Trung Quốc: Ni Bố Sở) tuần tiểu mạn Bắc bờ sông Amour. Vua Khang Hy cho đây là hành động xâm lấn lãnh thổ của Đại Thanh nên đã đưa kỵ binh và pháo binh lên Hắc Long Giang đối phó.

Trong *Lộc Đình ký*, Kim Dung thuật chuyện Vi Tiểu Bảo được Khang Hy phong làm nguyên soái, đệ nhất Lộc Đình công, thừa lệnh nhà vua đem hai vạn quân gồm bộ binh, kỵ binh, pháo binh đi đánh quân Nga. Vi Tiểu Bảo hạ luôn hai thành Ni Bố Sở và Nhĩ Tư Khắc, khiến công tước Phí Diêu Đa La (Feodore), một trọng thần của Nhiếp chính vương Tô Phi Á, phải xin cầu hòa và đề nghị đàm phán, ký hòa ước phân chia cương giới. Bởi vì tước của Vi Tiểu Bảo là Lộc Đình công mà núi Lộc Đình lại ở phía Bắc của bờ Bắc Hắc Long Giang, nên Vi Tiểu Bảo buộc Phí Diêu Đa La bằng mọi cách phải cắt phần đất đó vào lãnh thổ của Thanh triều. Phí Diêu Đa La không thuận; Vi Tiểu Bảo dọa sẽ liên kết cùng quân nước “Thụy cái gì đó” (Thụy Điển nhưng gã nhớ không nổi) để dưới đánh lên, trên đánh xuống, chiếm Mạc Tư Khoa! Gã lại học sách *Tam quốc chí*, thực hiện kế “Chu Du hí Tuồng Cấn”, giả vờ phát lệnh tiễn cho các tướng Thanh đưa quân về phía Tây, đi

đọc biên giới Mông Cổ để đến Mạc Tư Khoa khiến Phí Diêu Đa La sợ vỡ mật, phải xin kiềm dìm hòa ước!

Những thủ đoạn kỳ kèo trong quá trình đàm phán không phải là không có cơ sở lịch sử. Ta nhớ rằng, Nguyên Thế Tổ Thành Cát Tư Hãn lên ngôi ở Trung Hoa, mở ra nhà Nguyên, sau đó thân chinh đi đánh nước Nga. Chỉ với hai vạn nhân mã, Thành Cát Tư Hãn đã đánh cho 18 vạn lính Nga La Tư thua to. Mà trong thời Khang Hy, nước Mông Cổ lại thuộc Trung Hoa, cho nên khi bọn Vi Tiểu Bảo, Sách Ngạch Đồ, Đồng Quốc Cường nói với Phí Diêu Đa La rằng Mạc Tư Khoa đã từng bị người Trung Hoa đến đánh và cai trị thì cũng không phải là điều khiên cưỡng. Vả chăng, năm 1238, danh tướng triều Nguyên là Bạt Đô đã đánh chiếm được Cơ Phụ (Kiev) và Mạc Tư Khoa, lại còn muốn đánh sang Ba Lan và Hongrie (Hung Gia Lợi) và vượt dòng Đa Nao Hà (Danuble) để tấn công châu Âu! Năm 1240, nhà Nguyên dựng nên tòa Kim trưởng Hãn quốc bên thành Tát Lai (Toula) ở cửa sông Phục Nhĩ Gia (Volga). Nhân vật đứng ra cai trị toàn Nga lúc đó được gọi là Khả Hãn. Sách *Đại anh bách liệu toàn thư*, mục *Nga La Tư* thuật lại rằng, những vương công người Nga phải đến Kim trưởng Hãn quốc của Khả Hãn tại thành Tát Lai để được phong. Họ đã chịu nhiều điều khổ nhục. Người Mông Cổ đã thống trị đất Nga 240 năm (từ 1240 đến 1480), sau đó mới bị người Nga đánh đuổi.

Hòa ước Hắc Long Giang ký năm 1684 giữa Trung Hoa và Nga La Tư do hai vị đặc mệnh toàn quyền Sách Ngạch Đồ của Thanh triều và Phí Diêu Đa La của Nga kiểm thực. Hòa ước được

viết thành ba thứ chữ: Hán văn, Nga văn là Lạp đính văn (Latin). Đó là bản hòa ước đầu tiên mà Trung Hoa ký kết với nước ngoài, mang lại cho nhà Thanh một thắng lợi ngoại giao rực rỡ. Trong sáu điều của hòa ước, điều nào cũng có lợi cho Trung Hoa: cương giới được qui định tới núi Đại Hưng An ở phía Bắc; hai tỉnh A Mịch Nhĩ và Tân Hải của Nga thuộc vào lãnh thổ Trung Hoa; phía Đông và Đông Nam kéo dài ra tới biển; nước Trung Hoa có thêm đến 80 vạn dặm vuông Anh. Hòa ước giúp Trung Hoa yên ổn đến 150 năm sau. Bia biên giới được viết bằng năm thứ tiếng: Mãn Châu văn, Hán văn, Nga văn, Latinh và Mông Cổ văn. Những đời vua sau của nhà Thanh nhu nhược; địa đồ biên giới có thay đổi...

Tất nhiên, trong *Lộc Đỉnh ký*, tác giả Kim Dung để cho “nguyên soái” Vi Tiểu Bảo làm đại sứ đặc mệnh toàn quyền ký hòa ước với Phỉ Diêu Đa La. Sách Ngạch Đồ chỉ làm phó sứ! Vi Tiểu Bảo không biết chữ, nên chỉ ký được chữ Tiểu trong tên của mình. Chữ Tiểu của gã rất cổ quái: ở giữa có một cái gạch, hai bên có hai hột tròn tròn, giống với bộ sinh dục nam giới. Các quan coi tới, cười ồ, cho rằng cổ lai chưa có ai ký tên như vậy cả!

Trong cuộc chiến tranh ở biên giới Trung – Nga, các tướng lãnh của triều Thanh có đưa ra một số hàng binh Nga về Bắc Kinh cho vua Khang Hy hỏi chuyện họ để tìm hiểu lịch sử, địa lý, văn hóa của Nga La Tư. Tiều Nhất Sơn trong *Thanh đại thông sử* ghi nhận: “Hàng binh đưa về kinh sư đều được tha hết, cho vào Tá lãnh. Đó là kỳ binh của Nga La Tư. Con cháu họ đến nay hãy còn”. Trong sách *Quý Ty loại cáo* có chương *Nga La Tư tá lãnh khảo*

xác nhận đội lính Nga La Tư tá lĩnh có khoảng 200 trăm người, mặc đồ Thanh binh, rất kiêu dũng. Đây là một đòn phép ngoại giao hòa hoãn, khôn khéo của Khang Hy. Những người lính Nga được lấy vợ là người Trung Quốc; những kiến thức về hỏa dược, vũ khí của họ giúp ích rất nhiều cho việc kiện toàn vũ khí của người Trung Hoa.

Công chúa Tô Phi Á (Sophia) là một nhân vật có thật trong lịch sử nước Nga. Bà đã giết hoàng hậu chuyên quyền Na Đạt Lệ Á (Natalia), đưa em của mình là Pierre (Bỉ Đắc) hãy còn nhỏ tuổi lên làm Sa hoàng; bà giữ quyền Nhiếp chính. Bà đã từng gửi thư bày tỏ tình hữu nghị với vua Khang Hy. Tô Phi Á và cả triều đình Sa hoàng không ai biết Hán văn. Vua Khang Hy có gửi cho bà một giác thư ngoại giao viết trên vàng lá. Bà trả lời: “Vừa qua, Hoàng đế bệ hạ có tặng cho chúng tôi một lá vàng nhưng chẳng ai biết dùng để làm gì”. Trong *Lộc Đình ký*, tác giả Kim Dung xây dựng nhân vật Tô Phi Á thành người tình của Trung Quốc tiểu hài đại nhân Vi Tiểu Bảo. Chữ Phi được ông viết với bộ thảo đầu, có nghĩa là phát phơ (phương thảo phi phi – cỏ thơm phát phơ). Cái nghĩa ấy không được chính đáng, nhất là đối với một nữ Nhiếp chính vương. Sau này, Vi Tiểu Bảo sai gia sư viết hộ bức thư gửi cho Tô Phi Á, thông qua hai thân binh Hoa Bá Tư Cơ (Vabovsky) và Tề Lạc Nặc Phu (Delanov); tay gia sư tự động sửa tên nàng lại là Tô Phi Hà diện hạ. Y viết chữ *Phi* có nghĩa là bay, chữ *Hà* có nghĩa là ráng chiều (trong “Lạc hà dữ cô vụ tề phi”). Vậy tên nàng có nghĩa là ráng chiều bay, vừa thơ mộng, vừa đẹp lại cực kỳ thanh

nhà. Tiếc thay, đối với Tô Phi Á và Vi Tiểu Bảo, Phi Á hay Phi Hà cũng vậy, vì cả hai đều không biết Hán văn! Về sau, Bì Đắc đại đế (Pierre le Grand hay Peter) truất phế Tô Phi Á. Ông trở thành một Sa hoàng vĩ đại trong lịch sử những Sa hoàng của Nga La Tư.

Chương IV.

Cảnh mai trên Thiên Sơn

Thiên Sơn là tên của một rặng núi hiểm trở thuộc khu vực ngoại Tân Cương, phía Tây – Tây Bắc Trung Hoa, là biên giới thiên nhiên giữa Trung Hoa và Kirghizistan. Không hiểu từ giấc mơ lãng mạn nào, nhà văn Kim Dung đã để cho chàng thiếu niên Trương Vô Kỵ mới 15 tuổi dắt tay cô bé gái Dương Bất Hối 11 tuổi đi từ An Huy, vượt qua khoảng 18.000 dặm lên tới đỉnh Côn Luân trong rặng Thiên Sơn, giúp Bất Hối tìm được người cha Dương Tiêu. Cơ duyên đã đưa cậu bé gầy gò Trương Vô Kỵ bò lọt qua một hang đá nhỏ, tìm ra một thung lũng đẹp, học được thần công trong Cửu dương kinh. Cơ duyên đã khiến cậu bé ở đó năm năm làm bạn với cỏ cây, khỉ vượn, rồi lên đến Quang Minh Đỉnh (đỉnh Pobedy cao nhất của Thiên Sơn - 7439 mét) nơi đặt tổng đàn của Bái hỏa giáo (Minh giáo) Trung Hoa, học được thần công trong *Càn khôn đại nã di* của Bái hỏa giáo. Lại cũng chính cơ duyên đã đưa Trương Vô Kỵ – bây giờ đã là chàng thanh niên 20 tuổi – phải đối đầu với sáu đại môn phái Trung Hoa khi họ muốn tuyệt diệt Bái hỏa giáo. Kinh qua những đoạn đời đau khổ, chàng thanh niên đôi mươi

đó đã đủ chín chắn để biết tự dặn mình không được giết người, không được gây oán thù nhưng phải bảo vệ cho được những tình hoa của Bái hỏa giáo bởi vì họ là những người yêu nước, kháng Nguyên.

Mùa xuân là mùa hoa mai nở. Hoa mai trên núi Thiên Sơn thích nghi với khí hậu giá lạnh quanh năm, đến tháng 3 tháng 4 dương lịch hãy còn mãn khai. Trong tư duy lãng mạn đậm màu sắc Đông phương, tác giả Kim Dung đã để cho nhân vật của mình bề một cành mai Thiên Sơn làm vũ khí để chống lại song đao, song kiếm. Vợ chồng Hà Thái Sung – Bang Thục Nhân của phái Côn Luân sử chính Lương nghi kiếm pháp. Hai trưởng lão của phái Hoa Sơn sử phản Lương nghi đao pháp. Chính (thèse) và phản (antithèse) là hai mặt đối lập triệt để nhưng khi đã hợp bích (synthèse) thì oai lực mạnh vô song, bởi nguyên tắc âm dương tương điều, thủy hỏa tương chế. Chính biến của kiếm pháp có 64 thế, kỳ biến của đao pháp có 64 thế; 64 nhân cho 64 thành ra 4096 thế liên miên bất tuyệt. Bốn dịch thủ của Trương Vô Kỵ cụ thể hóa triết học Đông phương thành bài bản chiến đấu: phía Nam quẻ Càn, phía Bắc quẻ Khôn, phía Đông quẻ Ly, phía Tây quẻ Khảm. Ngoài bốn chính phương còn có bốn bàng phương: Đông Bắc quẻ Chấn, Đông Nam quẻ Đoài, Tây Nam quẻ Tốn, Tây Bắc quẻ Cấn. Chính Lương nghi kiếm pháp của phái Côn Luân đi từ Chấn vị tới Càn vị; phản Lương nghi đao pháp của phái Hoa Sơn đi từ Tốn vị tới Khôn vị. Chính đi thuận, phản đi nghịch; ai rơi vào thế liên thủ giáp công của họ chắc khó tránh được cái vòng biến ảo huyền diệu của nguyên lý âm dương.

Vô Ky biết rằng mình không đơn giản chỉ đấu với chính - phản Lương nghi mà đang đấu với một dạng triết lý thực chứng của Đông phương. Anh nhớ lại những lời đã học được trong *Cần dương kinh*: “Gió thổi qua mồm núi mặc cho nó ngang tàng, ánh trăng vẫn chiếu trên sông lớn” và “Quý hồ ta vẫn giữ được một hơi chân khí sung mãn”. Đó chính là nguyên lý: “Dĩ bất biến ứng vạn biến” trong tư duy Đông phương. Anh cũng nhận ra rằng chính - phản Lương nghi thể hiện được là do gốc ở bộ pháp. Bước chân của bốn đại cao thủ sẽ đi từ Qui muội qua Vô vọng, Vô vọng qua Đồng nhân, Đồng nhân qua Đại hữu... Anh khéo léo sử dụng phương pháp bốn lạng chống ngàn cân, lấy cái nhẹ nhàng bay bướm để hóa giải cái cường ngạnh, lấy chậm chế nhanh, lấy cái vụng về chế cái tinh xảo, lấy chiêu thức của người để đẩy về phía người. Trương Vô Ky sử dụng một cành mai dịu dàng tươi đẹp bay nhảy trong rừng đao núi kiếm. Ấy thế mà cành mai không rụng một bông!

Vận dụng tư duy Đông phương, triết lý Đông phương vào tiểu thuyết một cách lãng mạn đến thế là cùng. Trong văn chương và triết học Trung Hoa, mai được nâng lên hàng bạn hữu của con người, đứng đầu tứ hữu mai, lan, trúc, cúc. Chưa thấy có tác phẩm nào nói chuyện con người sử dụng cành mai làm vũ khí để chiến đấu và chiến thắng, trừ bộ *Ỗ thiên Đồ long ký* của Kim Dung. Tôi nghĩ đến một ý đồ khác của nhà văn. Ông muốn cho cái đẹp chiến thắng cái thô bạo; cái nhân tính tiềm ẩn trong cành mai chiến thắng cái tàn bạo tiềm ẩn trong đao, kiếm; cái hồn hậu của tự nhiên chiến thắng cái cơ tâm của con người!

Quả thật lãng mạn khi nhà văn cho phép cảnh mai đấu với dao kiếm. Tôi cho rằng tư duy lãng mạn đó chỉ có thể có trong tiểu thuyết phương Đông, trong triết học phương Đông. Cả ba thứ cảnh mai, chính Lương nghi kiếm pháp, phản Lương nghi đao pháp là những hình tượng mang nặng tính ẩn dụ; cuộc chiến đấu đó cũng chỉ là một cuộc chiến đấu ẩn dụ. Văn chương cho phép người ta bay bổng tuyệt vời mặc dù cả tác giả và độc giả đều chỉ sống trên mặt đất. Tôi đọc lại hai thiên *Tiêu dao du* và *Tề vật luận* trong *Nam hoa kinh* của Trang Tử rồi so sánh với cảnh mai dụ đàn, tươi đẹp, thanh thoát trong *Ý thiên Đồ long ký* và cảm thấy hạnh phúc vì cái đẹp còn tồn tại mãi bên đời chúng ta.

Chương V.

Con trâu trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung

Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung không phản ánh về hoạt động nông nghiệp của nông dân Trung Quốc mà chỉ phản ánh thế giới võ hiệp – một thế giới hoàn toàn được hư cấu do trí tưởng tượng phong phú của tác giả. Tuy nhiên, xuất thân từ một đất nước rộng lớn trong một giai đoạn mà nền nông nghiệp còn sản xuất nhỏ và lạc hậu, Kim Dung đã đưa vào trong tiểu thuyết của mình hình ảnh nông thôn Trung Quốc, những nông dân và sinh hoạt nông nghiệp Trung Quốc. Ta thử bàn về con trâu trong tác phẩm của ông.

Trong ngôn ngữ Trung Quốc, trâu là *ngưu* hoặc *hắc ngưu*, để phân biệt với con bò là *hoàng ngưu*. Ở chừng mực nào đó, Kim Dung cũng đã thể hiện tình cảm của mình với con trâu, sức kéo tiêu biểu trong nông nghiệp truyền thống Trung Quốc. Trong bộ *Thần điêu hiệp lữ*, trí tưởng tượng của tác giả đã được phát huy đến cao độ khi ông để cho chàng trai Dương Qua “mượn” tạm một

con trâu của người nông dân, mặc bộ áo quần của trẻ chăn trâu, đốt đuốc phía sau đốt trâu để trâu phóng thực mạng vào vòng vây của quân Mông Cổ xâm lược. Con trâu của Dương Qua xông trận hữu hiệu hơn cả con ngựa chiến Mông Cổ. Phải chăng đó là hình tượng tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa nông dân tại thành Tương Dương? Cuộc khởi nghĩa Tương Dương đã bị quân Nguyên tắm máu, giang sơn Trung Quốc chìm trong ách Di Địch nhưng hình tượng Dương Qua cỡi trâu xông trận vẫn còn mãi với *Thần điêu hiệp lữ* và được hiện thực hóa bằng điện ảnh.

Chàng trai Quách Tĩnh trong *Xạ điêu anh hùng truyện* được thầy mình là Hồng Thất Công đặt tên cho là Thủy Ngưu (trâu nước), còn có biệt hiệu là Ngưu Canh Điền (trâu cày ruộng). Ấy bởi vì tướng mạo Quách Tĩnh mộc mạc quê mùa, nước da ngăm ngăm đen, ít miệng lưỡi, chậm hiểu, tướng phục phịch như con trâu.

Con trâu có mặt khắp nơi trong tiểu thuyết của Kim Dung. Trâu chết đi, để lại cho con người thịt và da. Bọn quần tiên 36 động 72 đảo trong *Thiên Long bát bộ* tức *Lục mạch thần kiếm truyện* chuyên ăn thịt trâu khi tấn công lên cung Linh Thứu, núi Phiêu Diêu. Và bọn họ ăn như ngựa, uống như trâu (mã thực, ngưu ẩm). Bọn quần hào Trung Nguyên, từ đám bàng môn tả đạo ủng hộ Lệnh Hồ Xung tấn công lên chùa Thiếu Lâm núi Thiếu Thất trong *Tiểu ngạo giang hồ* đến bọn lên ủng hộ chùa Thiếu Lâm nhân anh hùng đại hội trong *Lục mạch thần kiếm truyện* đều đánh trống bằng da trâu. Có lẽ da trâu dai và dày hơn da bò mới chịu được “công lực” của các vị đại gia ấy chăng? Cái tiết tấu ồn ào,

phức tạp của họ làm cho ma quỷ, thánh thần cũng kinh hãi. Da trâu được dùng làm vũ khí và đôi khi là công cụ để thi hành hình luật. Đó là roi da trâu, tức ngư bì tiên, đánh đến đâu nghe đến đó! Sừng trâu được cưa làm chung đựng rượu. Trong *Tiểu ngao giang hồ*, Tổ Thiên Thu đã thuyết Lệnh Hồ Xung rằng rượu trắng quan ải đựng trong sừng trâu. Sở dĩ dùng sừng trâu làm chung rượu vì chất sừng tanh tanh, có như thế mới chế ngự được mùi cay nồng của rượu trắng.

Tên tuổi của con trâu cũng được nhà tiểu thuyết mượn tạm để chế ra môn phái, ám khí và võ công. Các vị đạo sĩ tu theo phái Võ Đang như Xung Hư, Xung Linh trong *Tiểu ngao giang hồ*, Thạch Thanh Tử trong *Lục mạch thần kiếm truyện*, Trương Tam Phong trong *Xạ điêu anh hùng truyện* được gọi là các lão “lỗ mũi trâu”. Mô phỏng theo hình dáng sừng lông trâu, bọn bàng môn tả đạo chế ra thứ ám khí gọi là Ngư mao châm. Trong *Lục mạch thần kiếm truyện*, Tang Thổ Công, động chủ động Bích Lâm, đã bắn thứ này vào bọn Mộ Dung Phục khiến phe Mộ Dung Cô Tô ngựa ngáy vô cùng vô kể. Tuy nhiên điểm sáng nhất của Kim Dung lại nằm trong môn Cách sơn đả ngư thần công. Như tên gọi, loại công phu này có điểm đặc biệt là đánh được con trâu mà giữa con trâu và người đánh có một vật cản là hòn núi. Tất nhiên cả hai khái niệm trâu và núi ở đây đều mang tính ẩn dụ cao độ. Trong *Lục mạch thần kiếm truyện*, Kim Dung đã để cho quốc sư nước Thổ Phồn là Cưu Ma Trí biểu diễn công phu này. Cưu Ma Trí vận chưởng của phái Thiếu Lâm, đứng từ xa vươn tay đánh cách không

vào chiếc lư hương đồng. Phía bên này của lư hương vẫn bình thường nhưng ở phía bên kia, phần đồng bị cắt ra một miếng đúng như bàn tay của Cưu Ma Trí. Trong *Lộc Đình ký*, Kim Dung cũng để cho Vi Tiểu Bảo biểu diễn Cách sơn đả ngư thần công. Hắn vận “công lực” và đâm vào các vị Lạt ma Tây Tạng những thế võ nhẹ hều. Nhưng các nhà sư Tây Tạng lại lăn ra chết. Tại sao vậy? Trong cái tay áo thùng thình, hắn đang cầm một lưỡi trủy thủ bén ngọt. Hắn vung tay lên không phải để đánh quyền mà là dùng trủy thủ đâm lên. Da thịt nào chịu nổi loại thần công gớm ghiếc như vậy?

Người đời thường bảo ngư như trâu, dơ như trâu. Nhưng trong tác phẩm võ hiệp Kim Dung, con trâu đã chẳng ngu mà lại chẳng dơ chút nào. Cuốn *Ý thiên Đồ long ký* xây dựng một nhân vật thầy thuốc mà y thuật đạt đến độ thần thông, mang tên là trâu xanh: Hồ Thanh Ngư. Ngoại hiệu của Hồ Thanh Ngư là Diệp Cốc y tiên và chỗ ở của ông ta là Hồ Diệp cốc. Cả ngoại hiệu và chỗ ở của Hồ Thanh Ngư cho thấy được chất lãng mạn mệnh mông của nhân vật này.

Có một con trâu khác trở thành đối tượng được các cô thiếu nữ nhan sắc kien tướng công huân say mê như điên đổ. Đó là chàng Trương Vô Kỵ, khi trốn vào hang núi mới có 15 tuổi. Trong năm năm học võ, chàng trở thành bậc thượng thừa. Trượt tuyết rớt xuống chân núi gãy cả hai chân, chàng tự xưng là Tăng A Ngư (Tăng Văn Trâu). Lên đến Quang Minh Đỉnh giải vây cho quần hùng Minh giáo, chàng vẫn là Tăng A Ngư. Tăng A Ngư có đến bốn

cô bạn gái sắc nước hương trời, một “tài sản” mà không có vị hoàng đế Trung Hoa nào có được: Triệu Minh, quận chúa hoa hậu Mông Cổ; Tiểu Siêu, hoa khôi thánh sứ nữ Minh giáo Ba Tư; Chu Chỉ Nhược, chủ môn phái Nga Mi; Hân Ly tức Thù Nhi, em cô cậu. Cuối cùng Tăng Văn Trâu chọn Triệu Minh vui chơi bốn biển năm hồ mặc dù anh có đủ tài năng và tư cách lên nắm ghế lãnh đạo cao nhất trong lực lượng khởi nghĩa kháng Nguyên ở Hoài Tứ. Đệ tử của anh là Chu Nguyên Chương đã nắm quyền khởi nghĩa thành công, xưng đế hiệu là Minh Thái Tổ, mở ra nhà Minh (1368 - 1643), truyền được 13 đời. Tăng A Ngưu Trung Hoa đi theo đóa hoa lài Mông Cổ nhưng trong trường hợp này, chẳng một ai dám chế giễu nhà văn Kim Dung đem bông hoa lài cấm bãi cắt trâu!

Chương VI.

Con trâu thông thái

Con trâu thông thái mà chúng tôi đề cập đến ở đây là Hồ Thanh Ngưu, một nhân vật thầy thuốc được xây dựng trong tác phẩm vô hiệp *Ý thiên Đồ long ký* của Kim Dung. Hồ Thanh Ngưu là giáo đồ của Minh giáo, cư ngụ trong hang Hồ Điệp, một thung lũng cạnh hồ Nữ Sơn thuộc tỉnh An Huy. Y thuật của Hồ Thanh Ngưu thông thần nên được xưng tụng là y tiên. Kết hợp cả ngoại hiệu và tên họ, Kim Dung gọi nhân vật của mình là Điệp Cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu.

Hồ Thanh Ngưu có cái phong cách của một đạo gia Lão Trang. Chẳng thế mà nhân vật này chọn chỗ ẩn thân trong một vùng hang động có nhiều bướm (Điệp Cốc). Ngoại hiệu của tiên sinh khiến người đọc nhớ đến hai câu thơ danh tiếng của nhà thơ Lý Thương Ẩn trong bài *Cầm sắt*:

*Trang Chu hiếu mộng mê hồ điệp
Thục đế xuân tâm thác đồ quyên*

(Mộng sớm, Trang Chu thành bướm lượn
Lòng xuân, Thục đế gởi hồn quyên)

Kim Dung mô tả Hồ Thanh Ngưu là một người trung niên, mặt mũi thanh tú. Về trình độ y thuật, nhân vật này thông thái đến nỗi khi mới xem mạch cho Thường Ngộ Xuân, một đệ tử Minh giáo có thật trong lịch sử Trung Quốc, viên thầy thuốc này đã biết ngay giáo hữu của mình bị Triệt tâm chưởng của Phiên tăng đánh và bị điểm huyết theo phương pháp của phái Võ Đang, trong khoảng giữa giờ Tý và giờ Sửu. Mới cảm đến mạch Trương Vô Kỵ, viên thầy thuốc này đã biết ngay bệnh nhân của mình trúng Huyền Minh thần chưởng, tràn đầy khí âm hàn trong tạng phủ, lại bị đả thông hai mạch Nhâm - Đốc, khiến nội thương sang tim! Tuy nhiên tiên sinh là một nhân vật quái dị, đã lập lời thề: chỉ chữa thương cho người Minh giáo và từ chối chữa thương cho những người thuộc các bang phái, môn hội khác. Thế nhưng Thường Ngộ Xuân mang ơn của phái Võ Đang, đã đặt điều kiện nhờ Hồ Thanh Ngưu cứu Vô Kỵ mà khỏi phải cứu mình. Hồ Thanh Ngưu nhận chữa cho Vô Kỵ nhưng trong thâm tâm, tiên sinh định chữa cho Vô Kỵ lành mạnh hẳn để khỏi mất uy tín hai chữ y tiên của mình rồi sau đó, sẽ giết Vô Kỵ đi.

Hồ Thanh Ngưu là một nhà y học có hai công trình nghiên cứu giá trị: bộ *Đới mạch luận* và bộ *Tý Ngộ châm cứu kinh*. Trong thời gian được Hồ Thanh Ngưu chữa trị, chàng trai Vô Kỵ 15 tuổi cực kỳ thông minh đã học cách châm cứu, cách ra toa hốt thuốc, đọc thuộc lòng hai bộ sách của Hồ Thanh Ngưu trước tác và khám phá ra phương thức trị Triệt tâm chưởng. Thế là cậu bé vót cọng tre làm kim châm, kê toa hốt thuốc, sắc thuốc cho Thường Ngộ

Xuân. Hồ Thanh Ngưu nhìn toa thuốc của Vô Ky ra, cực kỳ kinh ngạc vì sự thông minh của cậu bé nhưng cũng cười ruồi vì phân lượng của toa thuốc quá cao so với sự chịu đựng của Thường Ngô Xuân. Đoán ra nụ cười ruồi đó, Vô Ky đã giảm tới đa phân lượng. Khi Vô Ky bung bát thuốc đã sắc đến cho Thường Ngô Xuân uống xong, Hồ Thanh Ngưu mới cho biết rằng toa thuốc ấy làm giảm thọ bệnh nhân 30 năm!

Hồ Thanh Ngưu bị kẻ thù tìm đến tận nơi ẩn cư của mình. Biết mình trốn tránh không được, y tiên bèn ra cho Vô Ky một toa thuốc sau cùng: *Đương qui*, *Viễn chí*, *Sinh địa*, *Độc hoạt*, *Phòng phong*, dùng *Xuyên sơn giác* để dẫn và phải uống cho đúng vào canh ba. Đọc toa thuốc, Vô Ky hiểu ra ngay được tấm lòng của y tiên: phải quay về (*Đương qui*), chạy cho xa (*Viễn chí*), sống một mình (*Độc hoạt*), phải biết đề phòng (*Phòng phong*) và nhớ canh ba đi xuyên qua núi để thoát hiểm (*Xuyên sơn giác*).

Cuối cùng, Điệp cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu uống độc được quyền sinh. Vô Ky học được y thuật của ông rồi về sau, đắc thủ vô công trong *Cửu dương kinh*, y thuật càng thêm thâm hậu. Anh đã ra tay cứu nhiều người thoát qua căn bệnh hoặc vết thương hiểm nghèo, trở thành một bậc danh y mà trình độ chuyên môn còn cao cường hơn cả Hồ Thanh Ngưu.

Chương VII.

Thiên hạ đệ nhất đại mỹ nhân

Đọc qua 12 bộ võ hiệp tiểu thuyết của nhà văn Kim Dung, tôi chọn Trần Viên Viên trong *Lộc Đình ký* và bầu nhân vật này là đệ nhất đại mỹ nhân. Trần Viên Viên là một nhân vật có thật trong lịch sử Trung Hoa thời Minh mạt – Thanh sơ. Cuộc đời gian nan chìm nổi và nhan sắc tuyệt thế của nhân vật này trước những ba động lịch sử trở thành nguồn cảm hứng chủ đạo cho một nhà thơ đương đại là Ngô Mai Thôn viết thành *Viên Viên khúc*, một bài thơ dài được phổ nhạc truyền tụng trong suốt lịch sử triều Thanh (1643 - 1911). Đi vào trong tiểu thuyết của Kim Dung, Trần Viên Viên trở thành nhân vật tiểu thuyết xuất hiện trong ba chương, 48 trang nhưng đã để lại một ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc.

Đời vua Minh Sùng Trinh (1628 - 1643), lầu hồng kỹ viện mọc lên khắp nơi, đặc biệt là ở Tô Châu và Dương Châu. Trần Viên Viên là danh kỹ đệ nhất thành Tô Châu. Cuộc đời của nhân vật này quan hệ một cách lạ lùng đến Sùng Trinh hoàng đế, Lý Tự Thành hoàng đế và Bình Tây vương Ngô Tam Quế – ba thế lực phong kiến biểu trưng của thời Minh mạt – Thanh sơ.

Trong *Lộc Đình ký* của Kim Dung, nhân vật Vi Tiểu Bảo 16 tuổi, làm Tứ hôn sứ cho vua Khang Hy, đi công cán tại Vân Nam và gặp Trần Viên Viên trong một ngôi chùa nhỏ ngoại thành Côn Minh. Khi ấy, Trần Viên Viên 40 tuổi, đã đi tu, lấy pháp danh là Tịch Tĩnh. Thế nhưng *"giọng nói ôn hòa trong trẻo"* đúng khẩu âm Tô Châu, *"cặp lông mày xinh như vẽ, nét mặt thanh tú không bút mực nào tả xiết"* và *"màu da trắng hồng khác nào bạch ngọc điểm phấn son"* của người phụ nữ ấy đã làm cho gã thiếu niên 16 tuổi phải sững sờ đến nỗi *"Tay gã cầm chung trà, miệng há hốc ra không ngậm lại được, chân tay bủn rủn"*. Kim Dung gọi đó là *"tấm dung quang tuyết thể"*. Ấy là Trần Viên Viên năm 40 tuổi trong lớp áo đạo cô. Nếu là một Trần Viên Viên 20 tuổi với son phấn và xiêm y của kỹ nữ thì sắc đẹp kia đã được nâng lên mấy bậc nữa. Bạn đọc và bạn xem phim *Lộc Đình ký* hẳn nhớ rằng Vi Tiểu Bảo đang say mê A Kha, con gái của Trần Viên Viên, một người mà dẫu ai đánh đổi cả ngôi hoàng đế gã cũng chẳng thèm đổi. Ấy vậy mà Vi Tiểu Bảo phải công nhận A Kha chưa đẹp bằng một nửa Trần Viên Viên.

Ngoài tài năng đàn giỏi, múa đẹp, hát hay, Trần Viên Viên còn là người phụ nữ có văn hóa. Những lời tự nhận định của nhân vật này thể hiện một chiều sâu về trí tuệ, khác hẳn những đại mỹ nhân có thật trong lịch sử Trung Hoa: *"Mỹ sắc làm hư việc nước, xưa đã thế mà nay cũng thế. Con người bất tường được trời ban cho tấm dung nhan khuynh quốc chỉ tổ làm đau khổ lẽ dân trong thiên hạ. Tiện thiếp dù khua chuông gõ mõ, niệm nát chân kinh cũng không đủ đền tội trong muôn một"*. Tư duy ấy quả là tư duy

của một trí thức, một nhà tu đắc đạo, không thể nào là tư duy của một kỹ nữ về hưu!

Nguyên khi còn là kỹ nữ tại Tô Châu, không biết bao nhiêu tài tử thời Sùng Trinh đã hăm mộ tài năng và nhan sắc của Trần Viên Viên. Vua Sùng Trinh sủng ái Điền quý phi; Chu hoàng hậu bèn nổi lòng ghen tức. Cha ruột của Chu hoàng hậu đến kỹ viện bỏ tiền mua Trần Viên Viên, đưa vào hoàng cung phục vụ cho vua Sùng Trinh. Gặp Viên Viên, Sùng Trinh như bị hấp hồn, ở lì ba ngày trong cung không thiết triều, còn hứa phong cho Viên Viên làm quý phi. Cũng trong ba ngày ấy, một tay đại khấu là Lý Tự Thành tức Lý Sấm đánh lấy ba thành trì lớn của Sùng Trinh. Các quan đưa lời can gián, Sùng Trinh bừng tỉnh giấc mơ nịch ái nữ nhân, bèn gởi Viên Viên ra ở trong phủ của Chu quốc trượng.

Trong một bữa tiệc đãi các quan lại, Chu quốc trượng cho mời Trần Viên Viên ra múa hát. Nhan sắc Trần Viên Viên lọt vào mắt xanh của một viên tướng vô biên lỗ mãng là Ngô Tam Quế. Vua Sùng Trinh xuống lệnh bổ nhiệm Ngô Tam Quế ra trấn thủ Sơn Hải Quan để ngăn chặn quân Mãn Châu và ban Trần Viên Viên cho Ngô Tam Quế. Trần Viên Viên trở thành vợ hờ của viên tướng này, vẫn ở lại Bắc Kinh trong phủ Chu quốc trượng.

Tại Sơn Hải Quan, Ngô Tam Quế đầu hàng lực lượng của Lý Tự Thành. Lý Tự Thành đánh vào Bắc Kinh; Sùng Trinh thua chạy rồi tự vận ở Môi Sơn. Bộ thuộc của Lý Tự Thành bắt được Trần Viên Viên, đem nạp cho Lý Tự Thành. Thế là đêm đêm, sau những cơn chém giết đẫm máu, Lý Tự Thành lại quay về

cung, ăn ở với Trần Viên Viên. Lý Tự Thành lên ngôi, xưng là Đại Thuận hoàng đế.

Được tin Lý Tự Thành chiếm đoạt Trần Viên Viên, Ngô Tam Quế làm cuộc binh biến, mở cửa Sơn Hải Quan đầu hàng quân Mãn Châu rồi trở thành mũi tiên phong của quân Mãn Châu kéo vào đánh Bắc Kinh. Lý Tự Thành phải bỏ chạy vào Vân Nam. Hậu duệ của Sùng Trinh lên ngôi, xưng là Minh Vĩnh Lịch, đóng tại Côn Minh, Vân Nam. Thuận Trị hoàng đế lên ngôi tại Bắc Kinh, mở ra nhà Thanh, ra lệnh cho Ngô Tam Quế tiến đánh Vĩnh Lịch. Ngô Tam Quế đuổi Vĩnh Lịch chạy đến biên giới nước Miến Điện (Myanmar), giết Vĩnh Lịch, được nhà Thanh phong tước Bình Tây vương, trấn thủ Vân Nam và Quý Châu. Trần Viên Viên trở thành vợ của Ngô Tam Quế. Nhưng khi nghe tin sắp được phong vương, Ngô Tam Quế không dám đưa tên Trần Viên Viên ra trình Thuận Trị hoàng đế vì nguồn gốc xuất thân của nàng rất ti tiện và làm như vậy là tiết mạn hoàng đế. Y phải cưới vợ khác và bố trí Viên Viên ra đi tu tại một ngôi chùa nhỏ ở ngoại ô thành Côn Minh. Ngô Tam Quế yên chí đưa con gái lớn của Trần Viên Viên tên A Kha là con mình. Sự thật, đó chính là con của Sấm vương Lý Tự Thành.

Cuộc đời của Trần Viên Viên đúng là bi kịch của nhan sắc: hết làm trò chơi cho các danh sĩ và nhà phú hào đất Tô Châu; nàng lần lượt trở thành trò chơi cho Sùng Trinh hoàng đế, Sấm vương Lý Tự Thành rồi Bình Tây vương Ngô Tam Quế. Cuộc chiến giữa Ngô Tam Quế và Lý Tự Thành tại Nhất Phiến Thạch làm chết cả

vạn người, bị dư luận lịch sử Trung Quốc trút lên đầu của Trần Viên Viên. Chỉ có một người thông cảm với kiếp hồng nhan, làm một bài thơ dài để giải bày hộ Trần Viên Viên. Đó là danh sĩ Ngô Mai Thôn với *Viên Viên khúc*. Chúng ta biết rằng cuối triều Đường Minh Hoàng, chính sự đổ nát; lịch sử cũng đã từng kết tội đại mỹ nhân Dương Ngọc Hoàn (Dương Thái Chân). Nhà thơ Bạch Cư Dị đã viết *Trường hận ca* thanh minh cho Dương Ngọc Hoàn và bài thơ đã được coi là danh tác trong thi ca thời nhà Đường. Ngô Mai Thôn thời Thanh sơ cũng làm cái công việc mà bậc tiền bối Bạch Cư Dị đã làm. Cả hai bài thơ đều có mẫu số chung là bày tỏ niềm thương hương tiếc ngọc của danh sĩ đối với giai nhân. Kim Dung đã trích một số đoạn trong *Viên Viên khúc* và mượn tiếng hát của chính Trần Viên Viên cất lên hòa trong tiếng đàn tì bà cho Vi Tiểu Bảo nghe.

Trong thời gian Thuận Trị làm vua, các hậu duệ của triều Minh nổi lên dưới chiêu bài “phản Thanh phục Minh”, tự xưng là Đường vương, Quế vương, Phúc vương, Lỗ vương. Nhưng rồi họ cũng bị nhà Thanh tiêu diệt. Cho đến khi Khang Hy lên ngôi và ở ngôi đúng 60 năm, mở ra một triều đại cực kỳ thái bình thịnh trị cho lịch sử Trung Hoa (1662 - 1722) thì không còn ai có thể hoài nghi về hùng tâm tráng chí của vị minh quân này nữa. Chính vì vậy, Ngô Tam Quế nổi loạn ở Vân Nam, lên ngôi hoàng đế đã không được người Trung Hoa ủng hộ. Vua Khang Hy bình định được cuộc nổi dậy của Ngô Tam Quế; không ai còn nghe nhắc tới Trần Viên Viên.

Với 48 trang giấy đầy ấn tượng, Kim Dung đã nêu ra trong tiểu thuyết của mình một phản đề: sự sụp đổ của các triều đại phong kiến Trung Hoa không phải do nhan sắc phụ nữ làm ra như dư luận lịch sử đã kết án. Bản thân nhan sắc không có tội. Cái tội đó là tội của những hôn quân vô đạo nịch ái nữ sắc, lãng quên số phận của trăm họ. Qua *Lộc Đình ký*, Kim Dung cũng đã công nhận một ông Khang Hy người Mãn Châu làm vua còn tốt đẹp hơn một ông Sùng Trinh người Hán gấp ngàn lần. Vậy thì đừng nên đem những cái thất bại lịch sử của đàn ông để trút lên đôi vai của những người phụ nữ. Với một bút pháp kể chuyện có xen mô tả khá tinh tế, Kim Dung đã xây dựng một Trần Viên Viên trở thành đệ nhất đại mỹ nhân trong hàng ngàn nhân vật nữ trong tiểu thuyết của mình. Những Tiểu Long Nữ, Doanh Doanh, Triệu Minh, Tiểu Siêu, Hân Tố Tố, Viên Tử Y, Nghi Lâm, Vương Ngọc Yến... cũng là những đại mỹ nhân nhưng là đại mỹ nhân ở tuổi 18 - 20. Họ không thể sánh bằng Trần Viên Viên ở tuổi 40 tươi đẹp, chân tình, trí tuệ, tài hoa và đau khổ!

Chương VIII.

Thử bình bầu thập đại mỹ nhân

Mỹ nhân thì bao giờ chẳng có. Ngay trong cuộc sống của chúng ta, hàng năm vẫn có những cuộc thi bình chọn hoa hậu, người đẹp thời trang, diễn viên điện ảnh...; đã có những ban giám khảo nghiêm túc và nghiêm khắc nhất thay mặt cuộc đời phán xét, cân đo đong đếm các thứ kích cỡ và trao vương miện cho các mỹ nhân, đâu chờ đến thứ như tôi bình bầu. Cũng có những ý kiến nghi ngờ các mỹ nhân giữa cuộc sống chúng ta: kiến thức nghèo nàn lạc hậu khiến các bạn có những câu trả lời vớ vẩn; cái đẹp nội tâm không đạt; tư duy sống không đẹp đưa đến tình trạng kinh doanh nhan sắc, dùng nhan sắc như một thứ mồi câu phú quý. Đại để, các hoa hậu và á hậu đã để lại một cái hậu không lấy chi làm ngọt ngào cho cuộc sống khiến đời buồn vô hậu. Tôi không dám bàn về các mỹ nhân đó chứ đừng nói đến quyền dám bình bầu. Cho nên trong phạm vi chương này, tôi chỉ dám bình bầu thập đại mỹ nhân trong... truyện võ hiệp Kim Dung; những người chưa hề dự thi một cuộc thi hoa hậu, người mẫu, diễn viên nào; những người chưa từng tuyên bố huênh hoang rồi sau đó đi lấy người...

ngoại quốc. Thế giới các mỹ nhân mà tôi đề cập đến là thế giới của truyện võ hiệp và sự “bình bầu” này đương nhiên là cách đánh giá rất chủ quan căn cứ vào ba tiêu chuẩn nhan sắc, tài năng, tâm hồn. Tôi chỉ dám chọn 10 người bởi vì đưa ra nhiều quá, e rằng có lỗi với cái đẹp, một vốn quý trời ban cho con người muôn nơi, muôn thuở. Danh sách tôi “bình bầu” như sau:

1. Triệu Minh

Đây nguyên là Hán danh của một cô gái Mông Cổ. Tên thật của cô là Minh Minh Đặc Mục Nhĩ, con gái của Nhữ Nam vương, người chỉ đứng sau vua nhà Nguyên, nắm hết quyền bính chính trị và quân sự cai trị toàn Trung Quốc. Cô là nhân vật nữ chính trong *Ý thiên Đồ long ký*, một cô gái tươi đẹp như hoa nở, không một cô gái Trung Hoa nào có thể sánh kịp. Tham vọng của Triệu Minh rất lớn: tụ họp bọn giang hồ, đặc biệt là Phiên tăng Tây Vực, triệt hạ sáu đại môn phái của Trung Hoa đang nuôi mộng chống đối nhà Nguyên là Thiếu Lâm, Võ Đang, Cái bang, Hoa Sơn, Không Động và Côn Luân.

Lần đầu tiên cô đã bao vây được các thủ lĩnh của Minh giáo và đã nhốt được Vô Ky dưới hầm sâu. Nhưng Vô Ky vốn là thầy thuốc, võ công lại cao cường, đã khống chế cô và “tra tấn” cô bằng cách dồn Cửu dương công vào gan bàn chân khiến cô ngứa ngáy, khó chịu phải dầm hàng, thả chàng ra. Chính việc cù chân đó đã làm nảy sinh trong lòng cô mối tình ôn nhu với chàng Trương Vô

Ky. Cô đã đem Hắc ngọc đoạn tục cao tặng cho chàng để chàng cứu chữa vết thương cho người sư bá thứ ba, chuộc lại lỗi lầm của mẹ mình ngày xưa. Thông minh, lém lỉnh, chân tình, Triệu Minh trước sau vẫn giữ cốt cách của một phụ nữ giàu tình cảm hơn là một quận chúa Mông Cổ. Cô đánh nhau với Trương Vô Ky để rồi đêm đêm, lại ra quán rượu ngồi đợi chàng trai, mong cùng đôi ẩm với nhau mấy chung và quên hết những chuyện đốit chùa, giết người Mông Cổ, cứu quần hùng Trung Hoa của tập thể Minh giáo.

Cuộc đời cô là cả một chuỗi tháng ngày rong ruổi theo tình yêu. Vô Ky đi đâu, cô mong được đi theo anh đến nơi đó, dù chân trời hay góc biển. Cách tỏ tình của cô cũng rất rõ ràng, giản dị, không e dè khép nép như những cô gái Trung Hoa. Cô đã cảm Ỡ thiên kiếm, lặn xả vào đám sủ giả Ba Tư và đánh những chiêu thế cận chiến có thể khiến mình và kẻ địch cùng chết để cứu chàng Trương Vô Ky. Khi Vô Ky hỏi tại sao cô liều mạng như vậy, cô đã trả lời thẳng thắn: vì Trương Vô Ky ôm lấy Hân Ly (em cô cậu của Vô Ky) trước mặt cô. Thời thơ ấu, Vô Ky đã cắn vào bàn tay Hân Ly một nhát đến chảy máu, khiến Hân Ly nhớ hoài hình bóng Vô Ky. Triệu Minh cũng làm như thế: cô cắn vào tay Trương Vô Ky một nhát để được Vô Ky nhớ cô trọn đời. Thực ra, cô không làm như vậy thì cũng đủ để chàng Vô Ky chọn cô làm người bạn gái tâm đầu ý hợp. Lòng hy sinh của Triệu Minh thật bao la: bỏ tất cả vương tước, cuộc sống cao quý, xa cha, xa anh để được sống bên Vô Ky. Thậm chí khi Vô Ky đã bị vây, sắp bị quân Nguyên bắt, cô đã nói dối với cha và anh rằng cô đã có thai với Vô Ky và

nếu họ giết Vô Ky thì cô cũng tự tử theo chàng cho trọn mối tình. Đoạn tiểu thuyết thuật lại chuyện Triệu Minh xin cha và anh tha cho Trương Vô Ky thật đầy kịch tính. Tồi kính phục người phụ nữ có một tình yêu tha thiết và trái tim dũng cảm như Triệu Minh. Tình yêu bao la đó đã được chàng Trương Vô Ky đền đáp một cách xứng đáng: anh nhường ngôi giáo chủ Minh giáo Trung Hoa lại cho Dương Tiêu, cùng Triệu Minh dắt tay rong chơi bốn biển năm hồ. Và mỗi khi lông mày Triệu Minh đã nhạt thì theo ba điều ước hẹn với cô, anh lại làm một công việc hợp với lương tâm, không đi ngược lại với quyền lợi võ lâm Trung Hoa và cũng chẳng ảnh hưởng gì đến việc chống quân Nguyên giành lại đất Trung Quốc cho người Hán tộc: cầm cây bút và vẽ lại lông mày cho Triệu Minh.

Tôi chọn Triệu Minh vào ngôi vị đệ nhất đại mỹ nhân, một cô gái Mông Cổ vượt xa ngàn hoa Hán tộc hẳn là điều dễ khiến chúng ta nghi ngờ. Nhưng rõ ràng tác giả Kim Dung muốn vậy. Và có lẽ điều này phản ánh chủ nghĩa dân tộc tiến bộ của chính ông. Hóa ra người Mông Cổ – dân tộc sống trên đất nước phen giầu (Phiên bang), dân tộc mà người Hán tộc thường khinh bỉ xếp vào loại Di Địch vẫn sáng lung linh một đóa hoa hương sắc, tài năng, thông minh, chung tình: Minh Minh Đặc Mục Nhĩ.

2. Tiểu Siêu

Người thứ hai tôi chọn bầu làm đệ nhị đại mỹ nhân là cô gái chỉ có một nửa huyết thống Hán tộc; nửa còn lại thuộc huyết thống

Ba Tư, nghĩa là cũng thuộc loại Di Địch dưới mắt nhìn của Hán tộc. Cha cô là Hàn Thiên Diệp, người Hán; mẹ cô là Đại Ý Ty, thánh sứ nữ của Bái hỏa giáo Ba Tư. Tiểu Siêu thâm nhập Trung Quốc qua con đường tơ lụa lúc cô mới 15 tuổi. Mẹ cô nguyên là thánh sứ nữ, đáng lẽ phải giữ mình trong trắng để về Ba Tư lên ngôi giáo chủ. Nhưng bà đã yêu chàng trai Trung Hoa Hàn Thiên Diệp, phản lại giáo quy của Bái hỏa giáo, đáng phải lên giàn hỏa thiêu. Bà hóa trang thành một người đàn bà xấu xí trên là Kim Hoa bà bà. Tiểu Siêu phải làm một việc khó khăn để chuộc lỗi cho mẹ: tìm mọi cách thâm nhập Quang Minh Đỉnh của Bái hỏa giáo Trung Hoa và lấy cho được bộ *Đại nữ di tâm pháp* của Bái hỏa giáo – nhiệm vụ mà mẹ cô không hoàn thành.

Giống lai bao giờ cũng được thừa hưởng những nét ưu tú của cha và mẹ, nên Tiểu Siêu đẹp cái đẹp rực rỡ ngay từ khi 15 tuổi. Nhưng Dương Tiêu, tả sứ của Minh giáo Trung Hoa, là một tay rất cơ trí, khó mà qua mắt được y. Cho nên, để đóng trọn vai trò con hầu của Dương Bất Hối, con gái Dương Tiêu, Tiểu Siêu đã phải làm một việc rất khó khăn: giả vờ méo miệng trong suốt thời gian ở cạnh Bất Hối. Cô học thuộc hết lý thuyết về âm dương, bát quái trận đồ, biết nhiều võ công nhưng chẳng bao giờ hé lộ. Cha con Dương Tiêu nghi ngờ cô, đã đem dây xiềng quấn chân cô; cô đi đầu tiếng dây xiềng leng keng đến đó. Diệp vụ của Tiểu Siêu là một diệp vụ cực kỳ gian nan và cô đã tìm ra đường hầm trên Quang Minh Đỉnh.

Khi Vô Kỵ lên làm giáo chủ Minh giáo, việc đầu tiên của anh

là hứa sẽ tháo xiềng khóa cho Tiểu Siêu. Nhờ Tiểu Siêu chỉ dẫn, Trương Vô Kỵ tìm ra đường hầm, tìm được *Càn khôn đại nã di tâm pháp* và đại triển thần lực đẩy được hai cánh cửa đá để bảo toàn lực lượng Minh giáo Trung Hoa. Tiểu Siêu trở thành con hầu của Trương Vô Kỵ, lặng lẽ thương yêu Trương Vô Kỵ. Cũng như Triệu Minh, Vô Kỵ đi đến đâu là Tiểu Siêu đi đến đó, và cô đã chứng tỏ được bản lĩnh của mình: cảm cờ của Minh giáo để chỉ huy năm đội Ngũ hành kỳ chống đỡ không cho quân Nguyên xông vào bắt giết những thủ lĩnh của Minh giáo. Tiểu Siêu sẽ không bao giờ nói rõ thân phận của mình cho Vô Kỵ biết nếu không có một ngày cô tình cờ gặp lại mẹ mình đang bị đưa lên giàn hỏa thiêu của Bái hỏa giáo Ba Tư. Để cứu mẹ, cô phải nói rõ với các Bào thủ vương Ba Tư rằng cô là trinh nữ, sẵn sàng thay mẹ về Ba Tư lên ngôi giáo chủ Bái hỏa giáo. Cô nói tiếng Ba Tư lưu loát cho đến khi những người Ba Tư quỳ xuống tung hô cô thì Vô Kỵ mới biết rằng con hầu của mình chính là thánh sứ nữ của Bái hỏa giáo Ba Tư.

Lần cuối cùng được phục vụ thay áo, dóc tóc cho Trương Vô Kỵ, Tiểu Siêu mới nói thật tình yêu của mình dành cho Vô Kỵ và diệp vụ của mình trên Quang Minh Đỉnh. Họ ôm nhau, hôn nhau; nước mắt cô chảy dài ướt đầm vạt áo chàng Trương. Năm đó, có lẽ Tiểu Siêu mười tám và Vô Kỵ mới hai mươi hai. Tôi chưa bao giờ đọc một đoạn văn nào tràn đầy xúc động như đoạn văn Tiểu Siêu chia tay với Trương Vô Kỵ trên biển. Tình yêu của hai người sao mà đẹp đến thế; đẹp đến nỗi Vô Kỵ không cần lau nước mắt

trước mặt Triệu Minh, người tình của mình đang đứng đấy. Tiểu Siêu về Ba Tư, đi theo con đường tơ lụa. Trương Vô Kỵ chỉ còn biết trông theo, tưởng như tiếng khóc của cô còn vọng đâu đây trong tiếng gió, tiếng sóng.

Trong văn chương Trung Hoa, tiếng “tướng công” được hiểu theo hai nghĩa: (1) Tiếng của người hầu gọi ông chủ và (2) Tiếng của người vợ gọi chồng. Tôi nghĩ Kim Dung dùng chữ “tướng công” cho Tiểu Siêu gọi Vô Kỵ với cả hai ngữ nghĩa trên. Cái đẹp của mối tình Tiểu Siêu – Vô Kỵ là họ gần nhau suốt mấy năm mà vẫn giữ được sự trong trắng. Tiểu Siêu nhờ vẫn còn là trinh nữ nên mới cứu được mẹ khỏi tội hỏa thiêu. Chữ tình, chữ hiếu ở trong cô gái lai này rất rõ ràng, khiến tôi càng kính phục cô hơn và xin bầu cô làm đệ nhị đại mỹ nhân.

3. Hân Tố Tố

Hân Tố Tố là con gái của Hân Thiên Chính, giáo chủ Bạch mi giáo, một tà giáo hoạt động trên sông Trường Giang. Bản thân cô cũng là một đường chủ – Tử vi đường đường chủ. Hân Tố Tố là một cô gái giết người không gớm tay: chính cô đã giết chết 72 người trong Long Môn tiêu cục, bởi tiêu cục này không hoàn thành hợp đồng đưa Du Đại Nham (đang bị thương) về trao trả cho phái Vô Đang. Nữ ma đầu này có nụ cười rất lạnh nhạt, say đắm lòng người. Kim Dung không trực tiếp mô tả nhan sắc của cô, mà chỉ thuật rằng khi mới gặp cô, hai “kiếm khách” của phái Côn Luân

là Trương Đào và Cao Tắc Thành đã gần như đứng tim, lú lười. Rồi họ sinh ra đánh nhau, đâm chém thật tình như hai kẻ thù không đội trời chung.

Hân Tố Tố và Trương Thúy Sơn, đệ tử thứ năm của phái Võ Đang, gặp nhau trong tình huống khá lạ lùng: Trương Thúy Sơn vâng lệnh thầy xuống bảo vệ cho gia đình của Đồ Đại Cẩm, tổng tiêu đầu của Long Môn tiêu cục, trong khi Hân Tố Tố lại hóa trang giống như Trương Thúy Sơn để giết chết 72 mạng của tiêu cục này và một số đệ tử khác của phái Thiếu Lâm. Cho nên món nợ của vụ huyết án đó đều trút lên đầu của Trương Thúy Sơn. Trương Thúy Sơn gặp cô lần đầu dưới tháp Lục Hòa, bên sông Tiền Đường. Lối bày tỏ tình yêu của Hân Tố Tố rất lạ: cô đập mạnh cho ba mũi Mai hoa châm đâm sâu vào cánh tay trắng như tuyết của mình để được Trương Thúy Sơn dùng nội công tâm pháp của phái Võ Đang chữa trị. Trương Thúy Sơn là đệ tử của danh môn chính phái, rất căm thù Bạch mi giáo nên không muốn gần gũi Hân Tố Tố. Nhưng hoàn cảnh đã nối kết họ lại bên nhau: hai người đi Vương Bàn Sơn để dự lễ dương đao Đồ long lập oai của Bạch mi giáo; Tạ Tốn đã đến cướp đao và thấy họ là một đôi nam thanh nữ tú không nỡ giết đi nên đã bắt cóc họ, buộc họ đến Băng Hỏa đảo với lão để giữ bí mật về Đồ long đao. Chính Hân Tố Tố vì cứu Trương Thúy Sơn nên đã dùng kim châm bắn mù đôi mắt của Tạ Tốn. Họ trốn lên Băng Hỏa đảo, ăn ở với nhau và sinh ra chàng Trương Vô Kỵ.

Hân Tố Tố là một nữ ma đầu cực kỳ thông minh, thuộc hết sách của Trang Tử. Trang Tử là một triết gia mà tất cả các đạo gia

Trung Hoa như phái Võ Đang đều tu dưỡng và học tập theo. Cô đọc cho Thúy Sơn bài *Thu thủy* của Trang Tử: “*Nước của thiên hạ không đâu lớn bằng biển, muôn vạn sông ngòi đều đổ về biển, không biết bao giờ nước những sông ngòi đó mới ngừng chảy và biển mới không đầy như thế này*”. Khi nghe Thúy Sơn trả lời: “*Dù ngàn dặm xa xôi cũng không thể sánh với sự rộng lớn của biển cả, dù ngàn trượng cũng không đo được độ sâu của lòng biển*”; Hàn Tố Tố biết ngay Trương Vô Kỵ đang nhớ tới sư phụ của mình là Trương Tam Phong. Cô dẫn đoạn thầy Nhan Hồi ca ngợi Khổng Tử trong cuốn *Trang Tử* ra: “*Tiên sinh bước ta cũng bước, tiên sinh đi ta cũng đi, tiên sinh chạy ta cũng chạy. Nhưng tiên sinh giờ hết lực ra chạy như bay, ta mới hay còn kém tiên sinh rất nhiều*”. Chính câu nói đó đã hình tượng hóa được tài đức và vô công của Trương Tam Phong trong lòng Trương Thúy Sơn, nên Trương Thúy Sơn càng yêu thương, mến mộ Hàn Tố Tố hơn.

Khi họ sống thành lứa đôi, Hàn Tố Tố đã tỏ ra là một hiền phụ biết vâng lời dạy bảo của chồng, bỏ hết những ác nghiệp ngày trước. Lòng hy sinh của cô thật vô hạn, chưa có một nhân vật nữ nào của Kim Dung sánh kịp. Cho nên, khi sáu đại môn phái lên núi Võ Đang ép buộc vợ chồng cô phải nói ra chỗ ẩn nấp của Tạ Tốn để bọn họ đi tìm đao Đồ long; Trương Thúy Sơn đã tự tử và Hàn Tố Tố cũng chết theo chồng. Đoạn văn mô tả cái chết của vợ chồng Trương Thúy Sơn – Hàn Tố Tố là một khúc ca bi tráng, thể hiện một cách tuyệt vời tài năng hư cấu của tiểu thuyết Kim Dung. Năm ấy, Hàn Tố Tố mới ngoài ba mươi; con trai của cô – Trương Vô Kỵ – chỉ mới lên mười.

Hân Tố Tố xứng đáng được chọn làm đệ tam đại mỹ nhân. Cái chết của cô mở ra một thế giới mới: thế giới của tình yêu Triệu Minh – Trương Vô Kỵ.

4. Nhậm Doanh Doanh

Ngôi vị đệ tứ đại mỹ nhân tôi xin dành cho Nhậm Doanh Doanh, cô gái 17 tuổi đẹp như ngọc, con gái của giáo chủ Triệu dương thần giáo Nhậm Ngã Hành, một thứ tà ma ngoại đạo trong *Tiểu ngạo giang hồ*.

Có lẽ Kim Dung đã đem hết tâm lực của mình ra để xây dựng nhân vật Nhậm Doanh Doanh: một nhân vật nữ tươi đẹp trong sáng, giỏi âm nhạc, võ công cao cường, mưu trí sâu sắc, cai trị bọn bàng môn tả đạo bằng trái tim thép nhưng rất mẫn cảm với tình yêu và sống với tình yêu bằng trái tim dịu dàng vô kể. Cô gặp Lệnh Hồ Xung trong khi chàng trai lãng mạn này đã mất hết công lực, bị sư phụ và các đồng môn đập xuống hố sâu của sự nghi ngờ khinh bỉ. Trong ngõ Lục Trúc thành Lạc Dương, cô tiếp Lệnh Hồ Xung qua tấm rèm không cho chàng trai thấy mặt; nhận tặng vật của chàng trai là bộ nhạc phổ *Tiểu ngạo giang hồ* và lắng nghe chàng trai kể lại nỗi đau tình khi bị Nhạc Linh San phụ bạc để đi theo “gã mặt trắng” Lâm Bình Chi. Vì không thấy mặt cô nên Lệnh Hồ Xung cứ gọi cô là “bà bà”.

Doanh Doanh có một nhận định khá lạ lùng về tình yêu: hễ ai không chung tình với quá khứ thì sẽ không chung tình với hiện

tại và tương lai. Cho nên, cô gái 17 tuổi này đã rời bỏ ngõ Lục Trúc, ra đi để bảo vệ Lệnh Hồ Xung, đàn khúc *Thanh tâm phổ thiện trú* để xoa dịu những vết thương thể xác và tâm hồn của chàng trai mà cô mới gặp đã cảm thấy yêu mến. Giữa vùng hoang sơn dã lĩnh, cô bắt éch nướng cho Lệnh Hồ Xung ăn. Cho đến khi Lệnh Hồ Xung kiệt sức, cô đành cõng chàng lên chùa Thiếu Lâm nhờ Phương Chứng đại sư chữa trị và tự đem thân mình cho phái Thiếu Lâm cầm tù để đổi lấy sinh mạng của Lệnh Hồ Xung. Khi lành bệnh, hiểu ra được lòng thương yêu và đức hy sinh vô hạn ấy của Doanh Doanh, Lệnh Hồ Xung đã thống lĩnh hết toàn bộ bọn hào sĩ bàng môn tả đạo, trống rong cờ mở, lên chùa Thiếu Lâm đòi thả Doanh Doanh ra. Chính hành động vô pháp vô thiên ấy của Lệnh Hồ Xung khiến Doanh Doanh cảm thấy được an ủi rất nhiều và thấy được sự hy sinh của mình là không uổng phí. Họ yêu nhau nhưng Doanh Doanh biết trong lòng chàng trai chưa phai mờ được hình ảnh của Nhạc Linh San. Cô không hề ghen tức, ngược lại vẫn đối xử với Nhạc Linh San như là người bạn tốt. Chính cô đã cứu Nhạc Linh San, chính cô đã động viên Lệnh Hồ Xung đến bên cạnh Nhạc Linh San nghe tâm trạng của sư muội trước khi chết. Trong con người Doanh Doanh nhỏ bé có trái tim nhân hậu vĩ đại của một phụ nữ công bằng.

Nhậm Doanh Doanh thật thông minh, bén nhạy. Nghe Lệnh Hồ Xung kể chuyện, cô biết ngay là chàng không phải thủ phạm giết bạn đồng môn của mình, biết ngay là chàng bị sư phụ lừa dối. Chính cô đã khám phá ra chiêu số võ công của Nhạc Bất Quần

giống như chiêu số vô công của gã lại cái Đông Phương Bất Bại; từ đó phán đoán ra *Tịch tà kiếm phổ* còn có nghĩa là *Quy hoa bảo điển*, và biết Nhạc Bất Quần đã “Dẫn đạo tự cung” (tự thiên bộ phận sinh dục). Cũng chính cô chứ không ai khác đã nhắc bảo cho Lệnh Hồ Xung biết rằng Nhạc Bất Quần là một gã nguy quân tử. Và cũng chỉ có cô mới kiểm chế nổi Nhạc Bất Quần, bảo vệ mạng sống cho tình lang: bóp mũi Nhạc Bất Quần và cho lão uống Tam thi nảo thần đan, một loại độc dược mà ngoài cô ra, không ai ở trên đời có thuốc giải được.

Kết thúc *Tiểu ngạo giang hồ*, Kim Dung để cho Doanh Doanh nhường ngôi giáo chủ lại cho Hưởng Vân Thiên, làm đám cưới với Lệnh Hồ Xung và hai vợ chồng song tấu khúc *Tiểu ngạo giang hồ*. Họ đã hoàn thành tâm nguyện mà Lưu Chính Phong và Khúc Dương ngày xưa chưa làm được: hắc đạo và bạch đạo vẫn có thể sống với nhau trong một không khí hòa bình hạnh phúc thật sự, xóa đi biên giới của hận thù và nghi kỵ. *Tiểu ngạo giang hồ* chính là khát vọng của tác giả Kim Dung đối với đất nước và đồng bào Trung Hoa của ông. Và Doanh Doanh chính là biểu tượng của cái đẹp Trung Hoa, một cái đẹp đi vào phạm trù tinh thần chứ không còn ở phạm trù vật chất nữa.

Doanh Doanh toàn mỹ quá khiến tôi đâm ra nghi ngờ, không hiểu khi xây dựng nhân vật này, Kim Dung có đặt cái mà tôi gọi là “chủ nghĩa Đại Hán” của ông vào hay chăng? Tôi đã định chọn cô ở ngôi vị số một, trên cả Triệu Minh, nhưng vì sự nghi ngờ đó đã khiến tôi xếp cô vào ngôi vị số bốn. Đã bảo tôi là một người

đầy cảm tính, không thể có sự khách quan, trung thực và khoa học của các nhà giám khảo chấm thi hoa hậu nghiêm khắc, nghiêm túc và đầy kinh nghiệm ngày nay cơ mà. Cho nên tôi cứ liều mạng đưa một cô gái Mông Cổ lên ngôi vị số một và đặt cô Doanh Doanh Hán tộc xuống ngôi vị số bốn. Mà số bốn thì cũng cực kỳ vinh dự rồi.

5. A Châu

Có lẽ số phận đau thương nhất, bi kịch nhất trong hàng trăm nhân vật nữ của tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung chỉ dành cho một nhân vật A Châu. Tên thật của cô là Đoàn A Châu, con của Trấn Nam vương Đoàn Chính Thuần nước Đại Lý và bà Nguyễn Tinh Trúc, người nước Tống. Mối tình ngoại hôn giữa hai người đã sản sinh ra hai cô gái xinh đẹp: Đoàn A Châu và Đoàn A Tử.

Cũng có lẽ trong thế giới tiểu thuyết võ hiệp, ta chưa bắt gặp một nhân vật đàn ông, một người cha nào vô trách nhiệm như Đoàn Chính Thuần. Ngay đến hai đứa con gái của mình, ông cũng chẳng biết chúng được đặt trên gì. Nguyễn Tinh Trúc thấy con gái lớn thích mặc áo đỏ, đặt tên cho con là A Châu; thấy con gái nhỏ thích mặc áo tím, đặt tên là A Tử. Cùng sinh ra từ một gốc nhưng A Châu và A Tử là hai tính cách khác biệt: A Châu dịu dàng, nhân hậu, chung tình bao nhiêu thì A Tử lại tàn bạo, ngang ngược, thủ đoạn bấy nhiêu. Do phải tránh kẻ thù truy bức, Nguyễn Tinh Trúc phải đưa hai con gái ra Nhận Môn Quan tạ nạn. Cho nên ba chữ “Nhận

Môn Quan” trở thành nỗi đau, sự lỗi lầm lớn trong tâm hồn Đoàn Chính Thuần, khiến Đoàn Chính Thuần phải chịu một sự oan khuất lớn sau này dẫn đến cái chết của A Châu.

A Châu gặp Kiều Phong tức Tiêu Phong, người nước Khất Đan, nguyên bang chúa Cái bang Trung Hoa, trong một hoàn cảnh khá đặc biệt trên chùa Thiếu Lâm. Kiều Phong lên chùa Thiếu Lâm thăm lại người thầy thân yêu của mình là Huyền Khổ đại sư, để xác nhận lại quá khứ của mình; A Châu lên chùa Thiếu Lâm là để đánh cắp bộ *Dịch cân kinh* về tặng cho chủ nhân của cô là Cô Tô Mộ Dung Phục. A Châu có thuật cải trang thần tình, đã cải trang thành nhà sư Trí Thanh, lấy được bộ *Dịch cân kinh* nhưng lại bị một chuông của các nhà sư Thiếu Lâm. Một chuông đó có thể làm tan bìa vỡ đá huống chi thân thể mảnh khảnh của một cô gái mới mười tám tuổi cỡ A Châu. Kiều Phong đã nhanh trí ném ra một tấm gương đồng làm tấm đệm cản bớt kinh lực của phát chuông nhưng A Châu vẫn bị thương nặng. Ông cứu A Châu, rời khỏi chùa Thiếu Lâm. Năm ấy ông ba mươi và A Châu chỉ mới mười tám tuổi.

Không gặp nhau thì thôi, gặp nhau là đã có duyên phận; Kiều Phong nhất quyết phải cứu A Châu. Nhưng sức ông có hạn, lại không thông hiểu y lý, ông đành đưa A Châu về Tụ Hiền trang, nơi mà quân hùng Trung Nguyên đang hội họp bàn kế hoạch giết ông, một tên Khất Đan mọi rợ, để cầu cứu thần y Tiết Mộ Hoa chữa thương cho A Châu. Khi hiểu được tấm lòng Kiều Phong không ngại sinh tử, đưa mình vào hiểm rùng rợn để cầu mong

cái sống cho cô, A Châu mới nhận ra được rằng trên đời này, chưa có một người đàn ông nào nặng tình nặng nghĩa như vậy. Sau khi gửi gắm A Châu, Kiều Phong cùng quần hùng Trung Nguyên đã ác đấu một trận. Ông bị thương và may mắn được một người giấu mặt cứu ra khỏi Tụ Hiền trang, đưa về một sơn cốc...

A Châu được Tiết thân y chữa lành vết thương. Cô bé mảnh khảnh vượt mấy ngàn dặm tìm về Nhạn Môn Quan giữa mùa đông tuyết phủ, chờ gặp Kiều Phong. Cô biết thế nào Kiều Phong cũng trở lại, đến bên phiến đá xưa nơi cha ông Tiêu Viễn Sơn trước khi chết đã dùng chỉ công ghi lại văn tự trên đó. Quả nhiên, Kiều Phong trở lại Nhạn Môn Quan đúng như trong một kịch bản đầy khát vọng mà mọi độc giả của *Thiên Long bát bộ* tức *Lục mạch thần kiếm truyện* đều mong ước được nhìn thấy. A Châu nhào vào lòng Kiều Phong và khóc lên rưng rức vì hạnh phúc, vì hổ thẹn, vì tủ thân. Nhưng cho đến lúc ấy, Kiều Phong vẫn chưa biết được đó là sự biểu lộ của một tình yêu đầu đời thâm kín. Trọn cuộc đời ông, ngoài chuyện chiến đấu, ông chỉ biết có bát rượu, không hề nghĩ đến nữ sắc. Ông lại mang mặc cảm mình là người Khất Đan – dân tộc hạ đẳng, trong khi Đoàn A Châu lại là người Trung Hoa – dân tộc thượng đẳng, nên ông không hề để ý đến tấm chân tình của A Châu. Tuy nhiên, giữa trời đất Nhạn Môn Quan đầy tuyết phủ, được làm bạn với một cô gái xinh đẹp dịu dàng và nhất là được nghe cô thổ lộ “*Sẽ cùng đại gia qua bên kia Nhạn Môn Quan sẵn chôn dưới thỏ*” thì ông mới hiểu rằng A Châu thương mình. Họ yêu nhau nhưng miệng chưa bao giờ thốt ra chữ “yêu”, vượt qua mấy ngàn

dậm trở lại thành Biện Lương, trai vẫn giữ được chữ lễ; gái vẫn giữ được băng thanh ngọc khiết.

Do một lời vu cáo để trả thù riêng của Ôn Khang, Kiều Phong và Đoàn A Châu nhận lầm rằng Đoàn Chính Thuần là người chỉ huy đánh giết Tiêu Viễn Sơn – cha của Kiều Phong ngày trước tại Nhạn Môn Quan. Họ trở lại rừng Phương Trúc giữa lòng Thái Hồ, Giang Nam để Kiều Phong ước hẹn cuộc chiến đấu rửa thù với Đoàn Chính Thuần. Cả Kiều Phong và A Châu đều nguyên rằng sau cuộc trả thù này, họ sẽ sang bên kia Nhạn Môn Quan sống với nhau một đời bình yên trên thảo nguyên Khất Đan, không chen chân vào cõi giang hồ nữa. Cho đến bây giờ, A Châu vẫn chưa biết mình là con gái của Đoàn Chính Thuần. Chỉ đến khi nhìn thấy A Tử có một miếng ngọc bội giống như miếng ngọc bội của chính cô, cô mới đau xót nhận ra rằng Đoàn Chính Thuần là cha; Nguyễn Tinh Trúc là mẹ và A Tử là em ruột của cô.

Nhưng khát vọng trả thù của người tình Kiều Phong thì nặng như núi Thái Sơn, cô biết xử lý làm sao giữa hiếu và tình. Kim Dung đẩy nhân vật đáng thương của ông vào bi kịch: cho A Châu hóa trang làm Đoàn Chính Thuần, đến bên cầu giữa đêm mưa gió, chấp nhận cuộc chiến đấu rửa hờn của Kiều Phong. Kiều Phong chỉ đánh một chuồng và ông khám phá ngay ra điều khác lạ. Ông ôm địch thủ lên, gỡ bỏ hết những vật hóa trang và dưới ánh chớp của sét, ông nhận ra đó là A Châu, tình yêu của ông, cứu cánh hạnh phúc của đời ông. Cô thổ thê tóm tắt lại cho ông hiểu mọi sự. Lần đầu tiên trong suốt mười sáu cuốn của *Lục mạch thần kiếm*

truyện, tác giả Kim Dung mới để cho Kiều Phong khóc. Nước mắt ông hòa lẫn với nước mưa, đầm ướt người A Châu. Ông như điên như khùng, bỗng cô gái thân yêu chạy khắp rừng Phương Trúc, gọi tên từng người, gọi Đoàn Chính Thuần ra giết mình để trả thù cho con gái. Nhưng chẳng có ai đáp lại lời ông.

Chương Kim Dung viết về chuyện đánh lâm vào A Châu giữa đêm mưa tầm tã và sấm chớp liên hồi có cái mức độ đau thương của lớp cuối cùng khi nhân vật Phương và Xung vương phải dây điện, cùng chết bên nhau trong hồi cuối vở kịch *Lôi vũ* của Tào Ngưu. Tác giả Kim Dung đẩy Kiều Phong đến độ chót của bi kịch, tước mất của ông nguồn sống, tình yêu và khát vọng về một đời du mục tầm thường trên thảo nguyên Khất Đan.

A Châu không đẹp rực rỡ, võ công không cao cường, mưu trí chẳng bằng ai, lại chỉ là một con hầu trong nhà Mộ Dung Phục. Nhưng cái đạo hiếu của cô, mối tình trong sáng của cô dành cho Kiều Phong, tâm hồn ôn nhu phương Đông của cô thì không có một người phụ nữ nào trong hàng ngàn nhân vật nữ của Kim Dung có thể sánh kịp. Để làm nổi bật nhân vật A Châu, Kim Dung đã xây dựng nhân vật A Tử điều ngoa, xảo quyết, tàn bạo; chẳng khác nào trong kỹ thuật chụp ảnh ta chú trọng đến tính chất *contrast*. Chính vì thế là A Châu rực rỡ; Kiều Phong một đời chỉ biết có A Châu, chỉ yêu A Châu và không thể yêu bất kỳ cô gái thứ hai nào trên thế gian, không muốn ôm bất cứ một người phụ nữ nào trên thế gian.

Xưa nay, bi kịch tình – hiếu vẫn là một chủ đề thường gặp

trong tác phẩm tiểu thuyết Việt Nam và Trung Hoa. Thúy Kiều yêu Kim Trọng nhưng phải bán mình 300 lạng để chuộc tội cho cha, để rồi phải sống 15 năm trong lầu xanh. Nhưng Thúy Kiều còn có Thúy Vân thay thế để đền đáp tình yêu cho Kim Trọng, còn A Châu thì chẳng có ai. A Tử không có cái nhu mì của Thúy Vân và Kiều Phong cũng chẳng có cái tình cảm văn nhân ấm ớ của Kim Trọng. Bi kịch tình hiếu A Châu – Kiều Phong trong *Lục mạt thân kiếm truyện* là vô kiện và tuyệt đối. A Châu trở thành nhân vật mẫu mực, tượng trưng cho lòng hy sinh cao cả của người phụ nữ phương Đông. Chính vì cái đẹp nhân bản đó trong tâm hồn cô gái mười tám tuổi này mà tôi mạnh dạn bầu cô làm đệ ngũ đại mỹ nhân.

6. Tiểu Long Nữ

Không một ai, kể cả tác giả Kim Dung, nếu hiểu rõ được họ tên cô gái này. Tác giả chỉ cho ta được biết rằng, ngay từ thuở nhỏ, Tiểu Long Nữ đã được nuôi nấng, học võ công và trưởng thành trong ngôi cổ mộ của phái Cổ Mộ sau núi Chung Nam, kế tục sự nghiệp của sư tổ Lâm Triều Anh để trở thành một trong những nhân vật nữ chính hoạt động trong suốt hai tác phẩm *Thần điêu hiệp lữ* và *Xạ điêu anh hùng truyện*.

Những người sống trong ngôi cổ mộ thường vẫn mang theo một huyền thoại, một vẻ thần bí ly kỳ: họ sống cũng như chết, rất xa cách với thế giới bên ngoài. Kim Dung tự giới thiệu Tiểu Long

Nữ hay Long cô nương của mình cũng tương tự như thế:

Chung Nam sơn hậu

Hữu hoạt tử nhân

(Sau núi Chung Nam

Có người sống chết)

Tiểu Long Nữ là một cô gái trong sáng từ thân xác đến tâm hồn; đối với cô hoàn toàn không có biên giới giữa sự việc nên làm và không nên làm, nên tránh và không nên tránh. Đắc thủ toàn bộ võ công của phái Cổ Mộ được ghi lại trong *Ngọc nữ tâm kinh*, Tiểu Long Nữ trưởng thành hồn nhiên như viên ngọc không gợn chút tí vết. Cô trở thành người hàng xóm vừa dịu dàng xinh đẹp vừa khó chịu của phái Toàn Chân (cũng ở trong núi Chung Nam). Cô thương yêu một người đồ đệ kém mình hai tuổi và trọn đời cô, chỉ có mối tình ấy, không còn một mối tình, một hình bóng nào khác.

Đối với xã hội phong kiến Trung Hoa, mối tình ấy là cả một sự thách thức, thậm chí là sự phỉ báng các nguyên tắc của đạo đức, luân lý. Mọi người đều cho phép mình khinh bỉ, lên án cặp thầy trò Tiểu Long Nữ – Dương Qua, kể cả Quách Tĩnh và Hoàng Dung, hai người chịu ơn cặp thầy trò này. Người ta lấy cái luân lý, đạo đức cứng nhắc ngàn năm để đo một mối tình trong sáng của đôi trai gái trong sáng, cho rằng mối tình ấy đã xâm phạm nền đạo lý Trung Hoa, tư duy đạo đức Trung Hoa. Người ta làm mọi cách, kể cả vu cáo và bôi nhọ, cho lứa đôi phải xa nhau, phải rời bỏ nhau.

Kim Dung, trong *Thần điêu hiệp lữ*, đã nhấn thêm một bước

nữa: ông cho cô gái trong trắng như ngọc của mình thất trinh. Tiểu Long Nữ luyện *Ngọc nữ tâm kinh* và gã đồ đệ phái Toàn Chân tình cờ đã đi ngang qua đó, đã bế cô đưa vào bụi rậm... Chỉ tội nghiệp cho Tiểu Long Nữ: cô cứ nghĩ người đó là Dương Qua, trong sự bề bàng đau đớn còn có niềm hạnh phúc được dâng hiến. Cũng tội nghiệp cho Dương Qua: anh phải chịu một cái án oan, một vụ án tình dục mà anh không phải là thủ phạm. Cho đến khi Tiểu Long Nữ biết ra được rằng kẻ phá hại đời mình là Doãn Chí Bình, rằng Dương Qua đồ đệ của mình vẫn trước sau là một người trong sáng, thì cô thật sự tuyệt vọng. Cô lẳng lặng từ bỏ mối tình lớn trong đời, ra đi... Dương Qua cũng từ bỏ tất cả ra đi để tìm sự phụ. Cuộc rượt đuổi đi tìm hạnh phúc, tình yêu đó thật nào nung. Luân lý, đạo đức Trung Hoa đã không cấm cản được trái tim họ, tình yêu của họ. Chỉ có niềm đau khổ của tuổi đầu đời đã chia sẻ họ.

Tiểu Long Nữ chuyên mặc một màu áo trắng, ăn nói đơn giản, cốt cách như thần tiên. Cô gái ấy say mê học trò, vì phạm đạo đức, lại bị cưỡng hiếp, không còn là một người trinh bạch nữa. Thế nhưng, dưới mắt mọi bạn đọc *Thần điêu hiệp lữ*, Tiểu Long Nữ vẫn là một con rồng nhỏ, trong sáng như gương, dịu dàng như ngọc. Tôi bầu cô làm đại mỹ nhân thứ sáu và vẫn mạnh dạn coi cô là con người trinh bạch. Đúng ra cô trinh bạch rất nhiều so với hàng triệu con người trinh bạch (hoặc tự nhận mình còn trinh bạch) hiện nay.

7. Song Nhi

Song Nhi chỉ là một con hầu của người vợ thứ ba của Trang Kiến Long, một nhà nho Trung Hoa đã có công tụ họp người trí thức triều Khang Hy soạn bộ *Minh thư tập lược*, bị Ngao Bái của nhà Mãn Thanh giết. Song Nhi người gốc Hàng Châu, ngay từ thuở thơ ấu, đã chịu chung cái số phận đau thương của bà chủ mình: bị đẩy lên khu vực ngoại thành Bắc Kinh. Trong *Lộc Đình ký*, Kim Dung để cho Vi Tiểu Bảo 16 tuổi, gặp Song Nhi và nhận Song Nhi làm người hầu lúc cô 14 tuổi. Quan hệ giữa hai người vừa là chủ tớ, vừa là bạn bè. Song Nhi mở miệng ra gọi Vi Tiểu Bảo luôn luôn là “Tướng công”; Vi Tiểu Bảo mở miệng ra gọi Song Nhi luôn luôn là “Hảo Song Nhi” (Song Nhi tốt đẹp).

Cô gái nhỏ này võ công cao cường, nhân phẩm đoan chính, có học vấn và có tấm lòng trung thành vô hạn đối với chủ, nên tôi xin đề nghị xếp cô vào hàng đại mỹ nhân thứ bảy dù nhan sắc cô hãy còn thua xa Phương Di, người mà Vi Tiểu Bảo nhận làm vợ lớn.

Gần như Song Nhi là cái bóng của Vi Tiểu Bảo. Vi Tiểu Bảo đi đến đâu, cô theo anh chàng này đến đó, phục vụ cơm nước, áo quần, bàn chuyện tính mưu định kế. Cô đã đánh cho bọn Lạt ma Tây Tạng chống càn gây gọng để cứu Vi Tiểu Bảo, cùng Vi Tiểu Bảo tham gia cứu mạng Thuận Trị hoàng đế, ra trận đánh bọn Hỏa thương thủ và các tay hảo thủ khác của quân Sa hoàng Nga, hóa trang khi làm sư, khi làm ngự lâm quân Thanh triều để bảo vệ Vi

Tiểu Bảo. Gần như Song Nhi chưa hề biết sợ một ai, kể cả danh thủ kiếm pháp Phùng Tích Phạm của đảo Đài Loan. Hắn có ngoại hiệu là Nhất kiếm vô huyết, ấy vậy mà khi hắn muốn giết Vi Tiểu Bảo; Song Nhi đứng ra liều mình cứu chủ; mũi kiếm của hắn không giết nổi Song Nhi, chỉ làm cho cô bị thương chảy máu chút đỉnh. Từ chiến công của Song Nhi, bọn giang hồ gọi giễu Phùng Tích Phạm là Bán kiếm hữu huyết (nửa chiêu kiếm đã có máu đổ ra rồi).

Song Nhi đi theo Vi Tiểu Bảo ăn tuyết nằm sương nhưng không bán mình cho họ Vi. Cô bỏ công ra cả tháng, thức đêm để khâu lại những mảnh vải nhỏ lấy được trong tám bộ *Tứ thập nhị chương kinh* thành một bản đồ lớn mô tả kho châu báu ở Lộc Đỉnh Sơn mà không hé miệng than thở một lời. Vi Tiểu Bảo hay chột nhả, luôn miệng nói với cô câu: “*Đại công cáo thành, phải hôn một cái*” nhưng thực sự hắn chưa bao giờ ôm hôn được cô, vì cô cũng chẳng bao giờ dễ dãi để hắn ôm hôn. Ngay đến khi cô ngủ gục vì mệt, Vi Tiểu Bảo bồng cô vào giường cũng chẳng dám ghé môi hôn cô một cái, vì hắn biết làm như vậy là tiết mạt phẩm giá con hầu của mình. Trong khi đó, với Kiến Ninh công chúa, em vua Khang Hy; với A Kha, con gái của Trần Viên Viên; với Phương Di, tiểu thư của một dòng tộc danh giá ở Vân Nam; với công chúa Sophia của nước Nga, Vi Tiểu Bảo muốn hôn là hôn, muốn sờ ngực là sờ ngực, thậm chí muốn chăn gối là chăn gối.

Điều gì đã khiến nhà văn Kim Dung tôn trọng nhân phẩm của một con hầu, nâng cô lên trên cả hai vị công chúa, hai vị tiểu thư

thiên kim? Đó chính là cái nhìn của ông về bản chất của cái gọi là tầng lớp quý tộc trong chế độ quân chủ Trung Hoa. Những huyền thoại cao quý về tầng lớp đó đã băng hoại, còn lại những sự thật phũ phàng: Kiến Ninh công chúa chỉ mong được ngủ với Vi Tiểu Bảo; Phương Di danh giá lại có những hành động lừa dối; A Kha cao quý ngu muội đi theo hào quang của gã bạch vệ Trịnh Khắc Sảng, trở thành cô gái bất trình; thậm chí hiền lành ngây thơ như Mộc Kiếm Bình, tiểu thư của Mộc vương phủ Vân Nam, cũng bị tác giả cho vẽ lên má một con rùa. Qua nhân vật Song Nhi, tôi thấy tác giả Kim Dung có một tình cảm sâu nặng đối với những người bình dân Trung Quốc, đặc biệt là đối với những phụ nữ suốt đời chỉ biết làm con hầu, kẻ ở. Vi Tiểu Bảo có thể mở miệng chửi tất cả những “phụ nữ cao quý” là con điếm, con đực non, mụ điếm, nhưng không bao giờ trong lòng hắn dám gợn lên một tư tưởng bất kính đối với con hầu Song Nhi.

Song Nhi trở thành một trong bảy người vợ của Vi Tiểu Bảo, nhưng cô vẫn giữ được phẩm giá chân chính của một người phụ nữ: không hề cạnh tranh, so bì, tị nạnh. Các đứa con khác của Vi Tiểu Bảo do Tô Thuyên, A Kha, Kiến Ninh công chúa sinh ra đều được cô nuôi nấng, chăm sóc dịu dàng như con của chính mình. Thậm chí, cô cảm thấy rất hạnh phúc khi có một đứa bé được đặt tên là Vi Song Song bởi vì trong cái tên này, có chữ “Song” trong tên của cô. Chính từ cái đẹp nội tâm trong cô gái bé nhỏ này, tôi mạnh dạn bầu cô làm đệ thất đại mỹ nhân trong thập đại mỹ nhân mà tôi mạo muội bình chọn.

8. Vương Ngọc Yến

Là một cô gái đẹp tuyệt trần, nhân vật mà Kim Dung thường gọi là “Thần tiên nương tử”, hình ảnh hóa thân của pho tượng ngọc dưới đáy Cung Kiếm hồ mà Đoàn Dự đã từng gặp. Vương Ngọc Yến là con gái ngoại hôn của Đoàn Chính Thuần, người nước Đại Lý, với Vương phu nhân, thuộc họ Mộ Dung, người Tiên Ty.

Vương Ngọc Yến là cô gái rất thông minh, đọc thuộc lòng những quyển kinh võ học trong thiên hạ, đến nỗi ai đánh ra một thức, một chiêu, cô đều gọi đúng tên chiêu thức đó, đồng thời biết luôn cả cách đánh phá giải. Cô trở thành quyền từ điển sống võ học, và do cô không biết võ công, nên nhiều thế lực thêm khát bất cóc được cô để làm áp lực với họ Mộ Dung, và để cô dạy cho mình những đòn thế võ công đã thất truyền.

Một đời Vương Ngọc Yến chỉ biết say mê Mộ Dung Phục, người anh em cô cậu của mình (người Trung Hoa cho phép anh chị em cô cậu, anh chị em bạn đi lấy nhau). Thế nhưng, Mộ Dung Phục là một gã huênh hoang, khoáng lạc, hấn chỉ say sưa giấc mộng phục hồi nước Đại Yên, sẵn sàng đập đổ tất cả tình yêu, tình bạn bè, tôn kẻ thù làm cha, miễn là có thể lợi dụng được những hoàn cảnh để phục hưng Đại Yên. Ngược lại với Mộ Dung Phục, Đoàn Dự của nước Đại Lý sẵn sàng đánh đổi tất cả các thứ ở trên đời, kể cả ngôi hoàng đế Đại Lý, để được kề cận bên Vương Ngọc Yến. Tình yêu xảy ra giữa ba nhân vật này là một quá trình rượt đuổi buồn cười.

Khi Mộ Dung Phục sang nước Tây Hạ để dự lễ tuyển phu của Văn Nghi công chúa nước này, Vương Ngọc Yến chỉ sợ võ công của biểu ca mình cao cường, có thể làm rể Tây Hạ và phụ rẫy mối tình của mình. Cô đã nhờ Đoàn Dự ra tay viện trợ: dùng Lục mạch thần kiếm danh tiếng của họ Đoàn đánh thắng Mộ Dung Phục, phá vỡ âm mưu trở thành rể vua Tây Hạ của Mộ Dung Phục. Nhưng rồi Mộ Dung Phục đánh cho Đoàn Dự lọt xuống đáy giếng và nói rõ tham vọng của mình cho Vương Ngọc Yến nghe rằng hẳn chẳng bao giờ thương yêu Vương Ngọc Yến cả. Cô gái tuyệt vọng, gieo mình xuống đáy giếng sâu. Và lạ thay, ở trên mặt đất thom tho dưới ánh sáng chói chang của mặt trời bao nhiêu năm mà Vương Ngọc Yến không nhìn ra tấm chân tình của chàng Đoàn Dự, thì chỉ trong chốc lát dưới đáy giếng sâu hôi hám tối tăm, Vương Ngọc Yến đã chấp nhận mối tình ấy. Và họ nguyện sống đời lứa đôi bên nhau.

Nhưng như ta biết, Đoàn Chính Thuần là cha của Đoàn Dự. Lẽ nào ông anh Đoàn Dự có thể cưới hỏi cô em cùng cha khác mẹ là Vương Ngọc Yến? Cái mâu thuẫn ấy đã được đẩy lên đến đỉnh điểm của *Thiên Long bát bộ* tức *Lục mạch thần kiếm truyện*, khi độc giả kinh hoàng nhận ra mối quan hệ huyết thống giữa hai nhân vật trai gái trung tâm này. Ta có thể tưởng tượng ra cái thảm kịch để giúp họ hóa giải mối tình loạn luân, cũng như Roméo và Juliette trong bi kịch của Shakespeare tìm cái chết để họ chuộc tội với đời và để cho đời lứa đôi có thể chia lìa nhau vĩnh viễn. Nhưng Kim Dung đã có một lối giải quyết khá thần kỳ, xứng đáng là bậc

thầy trong nghệ thuật hư cấu tiểu thuyết: ông lật ngược lại dĩ vãng, không cho Đoàn Dự làm con của Đoàn Chính Thuần. Nguyên vợ của Đoàn Chính Thuần là Thư Bạch Phụng, người nước Bài Dy, giận Đoàn Chính Thuần say mê nhan sắc của người phụ nữ khác. Bà đã làm một hành động cực kỳ thương luân bại lý: đem tấm thân cao quý của mình hiến dâng cho một gã ăn mày hôi hám, trôi sông dạt chợ. Gã ăn mày ấy chính là Đoàn Diên Khánh, người trong hoàng tộc Đại Lý, kẻ xứng đáng lên ngôi vua Đại Lý nhất nhưng lại không được lên ngôi. Đoàn Dự chính là con của Thư Bạch Phụng và Đoàn Diên Khánh; Đoàn Chính Thuần chỉ là ông cha hờ. Mà trong qui định hôn nhân của nước Đại Lý, anh em cùng tôn tộc có thể cưới hỏi lẫn nhau (chính nhà Trần ở Việt Nam đã áp dụng qui định ấy để ngai vàng khó lọt vào dòng tộc khác).

Cho nên Đoàn Dự vẫn có quyền cưới hỏi và ăn ở với Vương Ngọc Yến, và chẳng riêng gì Vương Ngọc Yến, cả đến Mộc Uyển Thanh (con gái Tần Hồng Miên), Chung Linh (con gái Vương Ngọc Bảo) đều là con ngoại hôn của Đoàn Chính Thuần; Đoàn Dự say mê ai có quyền cưới người ấy. Câu chuyện ấy của Đoàn Dự có đến năm người biết: mẹ Đoàn Dự, Đoàn Dự, Đoàn Diên Khánh, Đoàn Chính Minh (vua nước Đại Lý) và... chúng ta, những người đọc Kim Dung. Đoàn Dự lên ngôi hoàng đế nước Đại Lý; Vương Ngọc Yến trở thành chánh cung hoàng hậu. Đáng lẽ với tài sắc ấy, tôi đã định bầu cô vào ngôi vị đệ nhất, đệ nhị đại mỹ nhân, nhưng vì cô quá say mê “thằng mặt trắng” Mộ Dung Phục cho nên “trong lý lịch cô có vấn đề”, tôi chỉ dám xếp cô vào hàng thứ tám.

9. Viên Tử Y

Viên Tử Y là cô bạn nhỏ mới 16 tuổi của tiểu anh hùng Hồ Phỉ trong *Phi hồ ngoại truyện* tức *Lãnh nguyệt báo đao*. Cô gái này có lý lịch rất hồ đồ, luôn luôn hiện diện cạnh Hồ Phỉ trong suốt con đường hai người hành hiệp cứu đời, thông minh và giàu tri thức. Ngay cái tên của cô cũng rất mơ hồ: cô xưng họ Viên, chuyên mặc áo tía nên tác giả gọi luôn tên cô là Viên Tử Y.

Thực sự, Viên Tử Y là cô gái bất hạnh. Mẹ cô là người phụ nữ trong trắng, đã bị một gã đạo đức giả trong giới giang hồ cưỡng hiếp rồi chối bỏ. Gã giang hồ đó khéo léo che giấu lý lịch, trở thành một con người khả kính, một biểu tượng đạo đức của võ lâm Trung Hoa. Hồ Phỉ và Viên Tử Y cùng có chung một mục đích: muốn lật mặt nạ con người đạo đức giả đó. Hồ Phỉ muốn giết hắn nhưng Viên Tử Y thì lại cứu hắn. Chẳng lẽ cô lại dễ dàng chấp nhận cho bạn mình giết cha mình mặc dầu người cha ấy chẳng ra gì?

Bi kịch trong đời Viên Tử Y vẫn là bi kịch tình – hiểu nhưng xét ra ở góc độ cấu trúc tiểu thuyết, bi kịch này được xây dựng khác hẳn những tình huống của Triệu Minh và Tiểu Siêu đối với chàng Trương Vô Kỵ. Cuối tác phẩm *Lãnh nguyệt báo đao*, Viên Tử Y chia tay Hồ Phỉ, ra đi. Tội bầu cô làm đại mỹ nhân thứ chín nhưng cũng chẳng biết cô đi về đâu giữa mênh mông năm tử rười con người.

10. Bạch A Tú

Tôi dành ngôi vị đệ thập đại mỹ nhân cho cô gái mới 15 tuổi này, một cô gái chẳng lấy gì làm xinh đẹp cũng chưa hề biết nói một lời yêu thương nào đối với anh bạn trai thân yêu Thạch Phá Thiên. Người đời có thể cho tôi dốt nát, đặc biệt đối với các vị giám khảo giàu kinh nghiệm có thể gọi tôi là đồ đui, là không hiểu gì hết về chỉ số ba vòng của các hoa hậu, để nhắm mắt bầu một con bé mỏng lép, ngực lép vào trong đội ngũ các Top Model, tôi cũng vẫn bảo lưu ý kiến của mình.

Bạch A Tú là con gái của Bạch Vạn Kiếm, cháu nội của Bạch Tự Tại chưởng môn phái Tuyết Sơn. Năm 12 tuổi, cô bị một “thằng mặt trắng” là Thạch Trung Ngọc cỡi hết áo quần, cột tay chân toan giở trò đồi bại nhưng rồi được tác giả Kim Dung cứu vớt, cho người đuổi đánh kẻ đồi bại chạy trốn. Ấy thế mà A Tú giàu lòng tự trọng đã gieo mình xuống vực sâu của núi Tuyết Sơn để rửa nhục cho mình. Nội một hành động đó đủ chứng tỏ cô cương liệt và vượt xa những người phụ nữ khác.

Khi mọi người lớn bắt được Thạch Phá Thiên mà cứ yên chí đây là tên phản đồ, tên dâm tặc Thạch Trung Ngọc thì chỉ có đôi mắt thơ ngây của cô bé A Tú 15 tuổi mới nhìn ra rằng: “Vị đại ca này không phải là tên phản tặc ấy”. A Tú đã có cái nhìn thơ ngây, đạt đến tận cùng bản chất của sự vật, cái trực giác tuyệt đối đúng mà những người lớn, kể cả đến Mẫn Nhu – mẹ đẻ Thạch Phá Thiên – cũng không có được.

Tuy chỉ 15, 16 tuổi nhưng cô đã tự khẳng định mình là một nhân vật trí tuệ tuyệt vời, biết nhìn xa trông rộng. Thấy bà nội mình dạy cho Sử Ưc Dao (tên mới đặt của Thạch Phá Thiên) học Kim Ô đao pháp, Bạch A Tú đã trầm ngâm suy nghĩ. Thử hỏi cha cô là Bạch Vạn Kiếm (đánh ra chục ngàn thế kiếm) làm sao chống chọi nổi với anh bạn trai Sử Ưc Dao (sử dụng liên tiếp một trăm ngàn thế đao). Phái của nhà cô là phái Tuyết Sơn (núi tuyết) mà đấu nhau với phái Kim Ô (mặt trời) thì chỉ có tan tành vì mặt trời lên, tỏa sức nóng thì núi tuyết phải chảy tan thành nước. Hơn nữa, đao pháp của anh bạn nhỏ Thạch Phá Thiên toàn là những chiêu thức khắc tinh của kiếm pháp phái Tuyết Sơn của cha cô và ông nội cô. Chính vì nhìn ra những điều ấy mà Bạch A Tú đã xin anh bạn nhỏ ngày sau dung tha cho ông nội và cha của mình và dạy cho anh bạn nhỏ chiêu *Bàng xao trác kích*: chém bên trái một đao, bên phải một đao, trên một đao, dưới một đao rồi ghim đao đứng lại; khen ngợi địch thủ một câu và đề nghị địch thủ bãi chiến để giữ danh dự cho địch thủ. Thạch Phá Thiên làm đúng như “giáo khoa” của cô bạn gái; anh thắng tất cả mọi người nhưng những địch thủ của anh vẫn mang ơn anh về thái độ rộng lượng, tâm hồn nhân ái.

Mười sáu tuổi, A Tú tiễn Thạch Phá Thiên và ông nội mình ra biển để nghiên cứu pho võ công *Hiệp khách hành*. Cô ước hẹn với chàng trai: nếu anh không trở lại, cô sẽ gieo mình xuống biển sâu. Và như trong một kịch bản hoàn chỉnh nhất của tiểu thuyết phương Đông, Thạch Phá Thiên đã trở lại, kịp thời cứu cô bạn gieo mình từ trên cao xuống lòng biển cả. Tình yêu của họ đi về đâu,

tác giả không nói đến nữa. Ông để cho chúng ta tưởng tượng... Tôi tưởng tượng ra chuyện họ cưới nhau; Kim Ô cùng Tuyết Sơn vẫn tồn tại, chẳng ai phải sử ỨC ĐẠO và cũng chẳng ai phải bạch vạn kiếm. Chính A Tú là biểu tượng của khát vọng hóa giải hận thù, nghi kị, phân biệt. Cô xứng đáng được ngồi vào hàng ghế danh dự của đệ thập đại mỹ nhân.

Bạn đọc có thể bất bình với tôi, có thể nghi ngờ tôi ăn hối lộ của mười nhân vật trên đây, gạt những cô gái thông minh lanh lợi, sắc nước hương trời khác như Hoàng Dung, Mộc Niệm Từ (trong *Xạ điêu anh hùng truyện*); Mộc Uyển Thanh (trong *Lục mạch thần kiếm truyện*); Đinh Đinh Đang Đang (trong *Hiệp khách hành*); Chu Chỉ Nhược (trong *Ý thiên Đồ long ký*) hoặc Nhạc Linh San (trong *Tiểu ngạo giang hồ*) ra khỏi danh sách Top Ten võ hiệp Kim Dung. Tôi xin nói rõ: tôi rất ghét sự ma lanh, ghét cái cơ tâm, ghét sự thay đổi và ghét những ai thiếu niềm tin, dù họ thông minh, tài giỏi, tươi đẹp.

Trong mười đại mỹ nhân của tôi bình bầu, có một trường hợp bị cưỡng hiếp đến nổi mất trinh, một người bị cưỡng hiếp không thành có thể khiến cho các nhà đạo đức chau mày khi nghĩ đến câu: “Trinh tiết là tiêu chuẩn đầu tiên của cái đẹp”. Tám người còn lại, ai cũng đã từng bị thương chút ít, thân thể có chỗ tù vết, thậm chí có người bị sẹo to, da dẻ không được mịn màng như các “đại mỹ nhân” ngày nay. Họ cũng chẳng phải là những người ngực cao mông tròn, biết sử dụng son phấn, nước hoa, để làm xiêu lòng khách mày râu ham của lạ. Trong mười đại mỹ nhân, tôi chưa được nắm

tay, ôm eo cô nào theo cái kiểu mà ban giám khảo hoa hậu hiện nay vẫn làm. Nói chung, tôi bình bầu khá khách quan, không “ăn hôi lộ” để đưa ai lên, đẩy ai xuống. Có hai trường hợp là Di Dịch: một chánh cống Mông Cổ; một lai Ba Tư. Có một trường hợp lai Tiên Ty, nhưng xét ra Tiên Ty cũng thuộc giống nòi Trung Hoa nên tôi xếp vào vùng sâu, vùng xa để gọi là chiếu cố. Họ là những Top Ten sống giữa một đời bình dị, không bao giờ biết đến chuyện kinh doanh nhan sắc. Ấy, những mỹ nhân đích thực trên đời như thế đó.

Chương IX.

Đào Cốc lục tiên một luật sư đoàn ngộ nghĩnh

Trước đây, trong chế độ Pháp thuộc, nhân dân ta thường gọi các vị luật sư là trạng sư hay thầy cãi. Khi đọc *Tiểu ngạo giang hồ* của nhà văn Kim Dung, tôi thấy khái niệm “thầy cãi” thật xứng đáng với nhóm Đào Cốc lục tiên. Câu chuyện *Tiểu ngạo giang hồ* xảy ra vào khoảng đời Tống bên Trung Hoa mà thời ấy làm gì đã có trường luật đào tạo ra các vị luật sư, làm gì có tòa án được thiết lập dân chủ như thời đại chúng ta để các vị luật sư đứng ra biện hộ cho thân chủ của mình. Tuy nhiên, tôi vẫn mạnh dạn gọi sáu vị trong Đào Cốc lục tiên là một luật sư đoàn bởi vì họ rất thích cãi, cãi suốt ngay trong khi bị thương gần chết, cãi cho sướng miệng, vừa bảo vệ cho những người đáng bảo vệ lại vừa làm trò vui cho thiên hạ. Và chính vì thế mà tôi gọi họ là một luật sư đoàn ngộ nghĩnh.

Trong quyển thứ ba bộ *Tiểu ngạo giang hồ*, Đào Cốc lục tiên

xuất hiện khá đột ngột: vâng lệnh một ai đó lên Ngọc Nữ phong phái Hoa Sơn bắt cóc chàng Lệnh Hồ Xung về cho cô nữ ni Nghi Lâm phái Hằng Sơn thỏa lòng mong nhớ. Tác giả không giới thiệu “hành trạng” của sáu vị Đào Cốc lục tiên có lẽ vì chữ tiên cũng không phù hợp với ngoại hình của sáu vị này. Tác giả chỉ cho ta biết đó là sáu anh em ruột thịt, xếp thứ tự từ lớn đến nhỏ như sau: Đào Cán Tiên, Đào Căn Tiên, Đào Chi Tiên, Đào Diệp Tiên, Đào Hoa Tiên, Đào Thực Tiên. Nghe đến khái niệm Đào Cốc, ta cũng chỉ biết đó là núi hoa đào, còn núi đó ở địa phương nào, tác giả không hề thuật qua. Tuy nhiên, tên tuổi của luật sư đoàn này khá thú vị bởi nó khởi đi từ dưới lên trên: Cán (thân cây), Căn (rễ cây), Chi (nhánh cây), Diệp (lá cây), Hoa (bông của cây) và Thực (trái cây); từ lớn tới nhỏ; từ gốc đến ngọn; từ có trước đến có sau.

Riêng giữa Đào Chi Tiên và Đào Diệp Tiên thì hai vị này không phân biệt được ai là lão tam, ai là lão tứ; cả cha mẹ của họ cũng quên bống vì hai gã được đẻ sinh đôi và thời ấy cũng chưa có ai làm khai sinh. Xét ở khía cạnh lý lịch bản thân, đó là một việc khá hồ đồ nhưng vì Đào Chi Tiên cái quá đời đứng thứ ba nên Đào Diệp Tiên đành chịu lép vế làm em thứ tư. Tương mạo các vị này được Kim Dung mô tả là “xấu xa như quỷ sứ”; riêng Đào Hoa Tiên có khuôn mặt đỏ hồng đứng như màu hoa đào và Đào Thực Tiên có khuôn mặt dài như mặt ngựa. Vì Đào Cốc lục tiên ưa giỡn cợt, cái chày cái cối và ngoài năm mươi tuổi nhưng vẫn bị người đời chê bai là “hạng non nớt, đơn bạc” nên khi Lệnh Hồ Xung nịnh: *“Tên các vị hay quá; già tí tại hạ có được cái tên*

hay như vậy thì sướng chết đi được” thì sáu lão đều vui mừng, cho chàng Lệnh Hồ Xung là con người tốt nhất trong thiên hạ.

Thế nhưng, ta chớ được phép coi thường sáu vị. Dù họ ham cái chày cái cối nhưng về mặt võ công, họ là những hảo thủ đứng hàng đệ nhất: nội công thâm hậu, khinh công cao cường, tâm ý tương thông. Họ có một chiêu thức rất độc đáo: tóm tứ chi của kẻ địch giơ bổng lên... Trong thiên hạ, họ chỉ chịu thua có một người là chàng Lệnh Hồ Xung. Lý do: họ tóm được Lệnh Hồ Xung nhưng không giữ và không xé được anh chàng này bởi Lệnh Hồ Xung sử dụng *Hấp tinh đại pháp* hút công lực của họ, khiến họ kinh hoàng phải thả ra! Sáu anh em đã tranh đua với bọn hào sĩ giang hồ hắc đạo, đòi làm minh chủ tiến lên chùa Thiếu Lâm giải cứu Nhậm Doanh Doanh ra cho Lệnh Hồ Xung lấy làm vợ nhưng vì không tóm được Lệnh Hồ Xung, họ đành chịu nhường cho chàng cái danh “minh chủ”.

Từ ngàn xưa, người Trung Hoa đã ca ngợi môn thiết chiến (đánh võ lười) tức... cãi lộn. *Tam quốc chí* của nhà văn La Quán Trung có thuật đoạn Gia Cát Lượng thiết chiến quần nho ở Đông Ngô khiến các nhà nho Đông Ngô cúng hòng. Tài thiết chiến của Đào Cốc lục tiên còn xuất sắc hơn cả nhà nho Gia Cát Lượng của Tây Thục ngày trước, chỉ tiếc rằng nội dung thiết chiến hơi tào lao. Thí dụ khi Lệnh Hồ Xung bị thương nặng, Đào Thục Tiên và Đào Hoa Tiên cứ cái nặng xị lên. Đào Thục Tiên: “*Rõ ràng gã sống mà sao người cứ nói là đánh chết gã?*”. Đào Hoa Tiên: “*Ta có bảo nhất định là gã chết đâu, mà chỉ nói là gã có thể chết được*”.

Đào Thực Tiên: *“Gã đã sống lại thì không thể nói là gã có thể chết”*.

Vốn tính sáu vị hồ đồ nhưng lại rất hiếu sự, sợ Lệnh Hồ Xung chết đi thì sáu vị bị Nghi Lâm mắng cho là sáu con mèo vô dụng cho nên họ tranh nhau dùng công lực thượng thừa chữa bệnh ngay cho Lệnh Hồ Xung. Gã này cho là Lệnh Hồ Xung bị thương ở Túc thiếu âm thận kinh, gã khắc cái lại là bị thương ở Thủ thái dương phế kinh; lại gã khắc cái là ở Dương minh đại trường kinh; lại gã nữa cái là ở Túc thái âm tỳ kinh... Cho nên Đào Căn Tiên phóng công lực chữa các huyết Dương đạo, Dương quang, Phong thị, Hoàn khiêu của Lệnh Hồ Xung thì Đào Chi Tiên lại đưa chân khí vào Tam tiêu chữa tim; Đào Căn Tiên lại phóng chân khí vào các huyết Trung phủ, Xích trạch, Khổng tổ, Thái uyên... Âm dương lộn xộn như vậy nhưng Đào Hoa Tiên vẫn cố làm ra nhà bác học, lý luận: *“Âm sinh ra dương, đó là hai mặt của một vật. Hợp lại là một, phân là thành hai, khác nào Thái cực sinh Lương nghi, Lương nghi hợp thành Thái cực. Thiếu dương và Thiếu âm nương tựa nhau như mặt trong mặt ngoài vậy”*. Họ vừa cãi và vừa chữa bệnh khiến Lệnh Hồ Xung đau đớn chịu không nổi, phải... chết giấc.

Tôi nghĩ rằng khi xây dựng nhóm nhân vật Đào Cốc lục tiên, Kim Dung đã cho ta thấy được một “hội chứng” thâm căn cố đế của người Trung Hoa: ưa cãi. Hội chứng đó có trong tư tưởng của AQ., nhân vật của Lỗ Tấn với phép “thắng lợi tinh thần”. Mà AQ. là đại biểu lớn của con người qua 3.000 năm quân chủ Trung Hoa, không cái lớn được thì cái thẳm, không chữ to được thì chữ nhỏ;

thậm chí chỉ nghĩ ra lời chửi để một mình mình nghe cho hả dạ, coi như đã chửi được “nó”. Lý luận của anh em Đào Cốc lục tiên đứng giữa danh học (nominalisme) và ngụy biện (sophisme) nghe ra khá thú vị. Ta có thể nghe đoạn cãi vã của sáu vị khi đi viếng Dương tướng quân miếu ở trấn Chu Tiên, phủ Khai Phong. Gã này: *“Ta bảo miếu Dương tướng quân nhất định thờ Dương Tái Hưng”*. Gã kia: *“Trong thiên hạ có nhiều tướng quân họ Dương, sao lại cứ nhất định là Dương Tái Hưng?”*. Đào Diệp Tiên: *“Có lẽ là Dương Tứ Lang”*. Đào Chi Tiên: *“Dương Tứ Lang đầu hàng Phiên bang, không ai định miếu”*. Đào Diệp Tiên: *“Ta đứng hàng thứ tư. Người lại nói chuyện đầu hàng Phiên bang, chẳng lẽ muốn mặt sát ta?”*. Đào Hoa Tiên: *“Người thứ tư kẻ người, liên quan gì đến Dương Tứ Lang?”*. Đào Diệp Tiên: *“Còn người đứng hàng thứ năm. Dương Ngũ Lang xuất gia tu ở Ngũ Đài Sơn, sao người chẳng làm hòa thượng?”*. Đào Hoa Tiên: *“Hễ ta làm hòa thượng thì người đầu hàng Phiên bang”*. Đại để, lý luận của họ lòng vòng như vậy, càng nghe càng cảm thấy hoạt kê, càng thấy câu chuyện xa lơ xa lắc.

Có một lần, cả “luật sư đoàn” Đào Cốc lục tiên cùng ra trước “tòa án”, cãi vã để bảo vệ cho quyền tồn tại của bốn kiếm phái trong Ngũ Nhạc kiếm phái. Nguyên đất nước Trung Hoa có năm ngọn núi danh tiếng: Hoa Sơn, Thái Sơn, Hằng Sơn, Hành Sơn và Tung Sơn; trong đó ngọn Tung Sơn (thuộc tỉnh Hồ Nam) đứng ở vị trí trung tâm. Mỗi ngọn núi là một kiếm phái riêng và họ đứng chung trong một tổ chức gọi là Ngũ Nhạc kiếm phái. Chương môn

phái Tung Sơn Tả Lãnh Thiền nuôi tham vọng hợp nhất cả bốn phái kia để chỉ còn Ngũ Nhạc phái (bỏ chữ kiếm) để lão lên ngôi minh chủ Ngũ Nhạc phái. Đào Cốc lục tiên quyết phá hồng âm mưu của Tả Lãnh Thiền.

Mỗi người trong bọn họ đều tự xưng mình là đại anh hùng, đại hào kiệt, xứng đáng làm chủ môn năm phái; người còn lại được gọi là tổng chủ môn. Rồi họ bàn chuyện dời năm trái núi đó lại gần nhau để anh em họ được ở gần nhau. Nhưng núi lớn quá, dời không xong, Đào Thực Tiên giả bộ khóc hu hu: *“Từ ngày sinh ra, anh em chúng ta không rời nhau nửa bước. Nay chia lìa mỗi người một nơi, tiểu đệ không chịu”*. Cả sáu anh em đều mồm năm miệng mười phản đối cuộc hợp nhất. Khi một lão ở phái Thái Sơn (đã ăn tiền của Tả Lãnh Thiền phái Tung Sơn) đứng ra đề nghị chọn một người đạo cao đức trọng làm chủ môn Ngũ Nhạc phái thì Đào Cốc lục tiên đề nghị bầu Phương Chứng đại sư, trụ trì chùa Thiếu Lâm. Lý luận của họ không phải là cường biện: chùa Thiếu Lâm ở trên ngọn Thiếu Thất; phái Tung Sơn ở trên ngọn Thái Thất, cùng trong núi Tung Sơn, tỉnh Hồ Nam. Mà xét giữa Phương Chứng và Tả Lãnh Thiền thì Phương Chứng mới xứng đáng với bốn chữ “đạo cao đức trọng”. Cái lý luận đó khiến Tả Lãnh Thiền cảm hận bầm gan tím ruột, chỉ mong có ngày bắt được sáu “củ nợ” này bầm ra làm mắm mới hả giận. Cuối cùng, thấy không thể phá được Tả Lãnh Thiền, anh em Đào Cốc lục tiên bèn rủ bọn ni cô phái Hằng Sơn xuống núi, không tham dự đại hội Ngũ Nhạc kiếm phái nữa. Tả Lãnh Thiền sợ quá, phải xuống nước năn nỉ.

Lý do: âm mưu của lão là lên làm minh chủ Ngũ Nhạc phái. Nếu phái Hằng Sơn rút đi, thì đầu gã có được làm minh chủ cũng chỉ là minh chủ Tứ Nhạc phái. Mà có khái niệm Tứ Nhạc phái ra đời thì chỉ bỏ làm trò cười cho thiên hạ!

Người Trung Hoa đã phải trải qua 3.000 năm quân chủ, chịu áp bức bóc lột đã quen. Cho nên nụ cười, chuyện cười đối với họ là một phản ứng vừa để giải tỏa ẩn ức, vừa thể hiện phép “thắng lợi tinh thần” chống áp bức bất công. Kim Dung xây dựng nhóm nhân vật Đào Cốc lục tiên hay cái không đi ra ngoài mô thức đó. “Luật sư đoàn” ấy cãi suốt, cãi từ khi lên ba cho đến lúc già mà vẫn còn ham cãi. Những nội dung cãi cọ của họ làm vui cho tác phẩm tiểu thuyết, biến những chương căng thẳng nhất tràn đầy tiếng cười lạc quan. Đào Cốc lục tiên cũng là những con người biết bảo vệ cái đúng, bảo vệ công lý. Bề ngoài họ xấu xa nhưng tâm hồn bên trong lại thực sự trong sáng. Điều thực sự thú vị là họ chỉ mặc mỗi một màu áo đen, màu áo của luật sư ra trước tòa án ở Hồng Kông. Những lý luận ngô nghê của Đào Cốc lục tiên chỉ có thể có được trong ngôn ngữ trẻ con, trong những trái tim trẻ con. Người Trung Hoa vẫn thường ví sự trong sáng ở trên đời bằng cụm từ “Xích tử chi tâm” (trong sáng như trái tim con trẻ mới sinh). Phải chăng Kim Dung muốn mọi đồng bào ông được sống và đối xử với nhau nhân hậu, chân tình, trong sáng như những trái tim trẻ con chưa hề biết đến hận thù, chia rẽ, nghi kỵ?

Chương X.

Từ Hiệp khách hành của Lý Bạch đến Hiệp khách hành của Kim Dung

Đó không phải là một sự trùng ngộ tình cờ giữa hai thế hệ nhà văn Trung Quốc. Đó là sự cố ý của Kim Dung, nhà văn sống sau Lý Bạch 12 thế kỷ. Cả hai đều lấy *Hiệp khách hành* làm tựa; Lý Bạch làm tựa cho một bài thơ, còn Kim Dung thì làm tựa cho một bộ đoàn thiên tiểu thuyết gồm bốn cuốn của mình.

Lý Bạch sinh năm 701, mất năm 762 là một nhà thơ lớn, tiêu biểu cho phong cách thi ca Thịnh Đường, Trung Quốc. Thi sĩ Hạ Tri Chương, ngày mới quen biết Lý Bạch, đã gọi ông là *Thiên thượng trích tiên nhân* (người tiên bị đày xuống trần gian). Đời Tống, nhà phê bình Hoàng Đình Kiên ca ngợi Lý Bạch là con kỳ lân, con phượng hoàng giữa loài người.

Đường Huyền Tông rất quý trọng Lý Bạch, nhưng Lý Bạch không xu viêm phụ nhiệt, từ chối cuộc sống cao sang cạnh nhà vua, mong trở về núi ngâm vịnh với mây trời, ca hát cùng hoa cỏ. Sau loạn An Lộc Sơn, Lý Bạch bị bắt giam và lưu đày sang Dạ Lang. Sau khi được thả ra, ông du sơn ngoạn thủy, càng uống say,

thi ca càng bay bổng. Thơ Lý Bạch dễ có cả ngàn bài, mỗi bài một phong cách, phóng túng, đầy ngẫu hứng lãng mạn. Căn cứ vào nội dung, người đời sau phân thơ ông ra làm nhiều loại: *Biên tái ca* (viết về chinh chiến, quan ải), *Tình ca* (ca ngợi tình yêu), *Diễm ca* (ca ngợi nhan sắc), *Biệt ca* (viết về những lúc chia ly), *Túy ca* (viết về những cơn say), *Hành ca* (ca ngợi những con người có hành động cứu người)... *Hiệp khách hành* là bài thơ thuộc loại *Hành ca*, ca ngợi hai chàng tráng sĩ thời Chiến quốc Chu Hối và Hầu Doanh, bằng hữu của Tín Lăng quân (được nhắc đến rất rõ trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên).

Trước hết, tôi xin giới thiệu bài thơ *Hiệp khách hành* của Lý Bạch để các bạn nghiên cứu với bản dịch thơ tiếng Việt của giáo sư Trần Trọng San, người thầy đã dạy tôi môn Lịch sử văn học Trung Quốc tại Đại học Sư phạm Sài Gòn (từ năm 1966 đến năm 1970) và bản dịch thơ tiếng Anh của ông Robert Payne, một nhà Trung Quốc học người Anh. Nguyên văn bài thơ như thế này:

Phiên âm:

Hiệp khách hành

*Triệu khách mạn hồ anh,
Ngô câu sương tuyết minh
Ngân yên chiếu bạch mã,
Táp nạp như lưu tinh.
Thập bộ sát nhất nhân,*

*Thiên lý bất lưu hành.
Sự liễu phát y khí,
Thâm tàng thân dữ danh.
Nhàn quá Tín Lăng ẩm,
Thoát kiếm tất tiền hoành.
Tương chích đậm Châu Hối,
Trì trường khuyến Hầu Doanh.
Tam bôi thổ nhiên nặc,
Ngũ nhạc đảo vi khinh.
Nhân hoa nhĩ nhiệt hậu,
Ý khí tố nghệ sinh.
Cửu Triệu huy kim chùy,
Hàm Đan tiên chấn kinh
Thiên thu nhị tráng sĩ,
Huyền hách Đại Lương thành.
Túng tử hiệp cốt hương,
Bất tâm thế thượng anh.
Thùy năng thư các hạ,
Bạch thủ Thái huyền kinh.*

Dịch nghĩa:

Bài ca Hiệp khách

Khách nước Triệu đeo giải mũ thô sơ, có thanh gươm ngô câu sáng như sương tuyết. Yên bạc soi chiếu con ngựa trắng, lấp lánh như sao bay.

Thanh gươm này có thể giết chết một người trong khoảng mười

bước, cho nên không đi xa ngàn dặm. Sau khi làm xong việc, người hiệp sĩ rũ áo ra đi, giấu kín thân thể cùng tên tuổi.

Khi nhàn rồi, qua nhà Tín Lăng quân uống rượu, tuốt guơm ra, đặt ngang trước đầu gối. Tín Lăng quân đem chả nướng ra mời Châu Hối, và cầm chén rượu mời Hầu Doanh.

Hai người này uống cạn ba chén rượu, chân thành vâng lệnh; tấm thân nặng như năm núi lớn mà lại coi là nhẹ. Sau khi mất đã hoa, tai nóng bừng, ý khí tỏa ra thành cầu vồng trắng.

Vung cây chùy sắt cứu nước Triệu; thành Hàm Đan trước tiên rung động, kinh hoàng. Ngàn thu sau, tiếng tăm của hai tráng sĩ này lừng lẫy tại thành Đại Lương.

Dù có thác đi, xương hiệp khách vẫn còn thơm hương; không hổ thẹn với các bậc anh hùng trên đời. Còn ai kia viết sách dưới gác, bạc đầu với cuốn kinh Thái huyền?

Hiệp khách hành

*Khách nước Triệu phát phơ giải mũ,
Guơm ngô câu rục rở tuyết sương.
Long lanh yên bạc trên đường,
Chập chòn như thể muôn ngàn sao bay.
Trong mười bước giết người bén nhạy,
Nghìn dặm xa vùng vẫy mà chi.
Việc xong, rũ áo ra đi,
Xóa nhòa thân thể, kể gì tiếng tăm.*

Rành rang tôi Tín Lãng uống rượu,
Tuốt guom ra, kẻ gối mà say.
Chả kia với chén rượu này,
Đưa cho Châu Hối, chuốc mời Hầu Doanh.
Ba chén cạn, thân mình sá kể!
Năm núi cao, xem nhẹ lông hồng.
Bừng tai, hoa mắt chập chùng.
Mống tuôn hào khí mịt mùng trời mây.
Chùy cứu Triệu vung tay kháng khái,
Thành Hàm Đan run rẩy, kinh hoàng.
Nghìn thu tráng sĩ hai chàng,
Tiếng tấc hiển hách, rờ ràng Đại Lương.
Thân dù thác, thom xương nghĩa hiệp;
Thẹn chi ai hào kiệt trên đời.
Hiệu thư dưới gác nào ai?
Thái huyền trắng xóa đầu người chép kinh.

(Trần Trọng San dịch)

The bravo of Chao

*The bravo of Chao wears a with a Tartar cord.
His scimitar from Wu shines like the ice and snow
His silver saddle glitters on a pure white horse.
He comes like the wind or like the shooting star.*

*At every ten steps he kills a man,
And goes ten thousand li without stopping.*

*The deed done, he shakes his garment and departs.
Who knows his name or whither he goes?
If he has time, he goes to drink with Hsin-ling,
Unbuckles his sword and lays it across his knee
The prince does not disdain to share meat with Cou Hai.
Or to offer a goblet of wine to Hou Ying.*

*Three cups is a sign of a bond unbroken.
His earth is heavier than the Five Mountains
When his ears are hot and his eyes burn,
His spirit ventures forth like a rainbow
Holding a hammer, he saved the kingdom of Chao
The mere sound of his name was like shaking thunder
For a thousand autumns two strong men
Have live in the hearts of the people of Tai-liang.
Sweet-scented be the bones of these dead heroes;
May the old scholar be put to shame
Who bent ever his books near the window
With white hair compiling Tai-hsuan Ching.*

(Edited by Robert Payne)

Đi vào trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, bài *Hiệp khách hành* gồm 24 câu được khắc lên bức vách của 24 căn phòng khác nhau cộng với những hình ảnh minh họa nội dung và những lời chú giải mở rộng. Ở đây có hai yếu tố: một là những hình ảnh trực quan đơn sơ giản dị và hai là những lời chú giải dẫn dắt người đọc đi đến một thế giới tư duy trù tượng sâu xa, bí ẩn. Một ai đó đã bỏ công

ra xây dựng 24 gian thạch thất, trong mỗi gian có một *đồ giải* gắn với một câu thơ trong *Hiệp khách hành* để đánh đố người đời sau. Công trình ấy ở trên một hòn đảo hoang giữa biển gọi là đảo Long Mộc. Hàng năm, Long đảo chúa và Mộc đảo chúa phát thiệp mời những vị chưởng môn trong võ lâm Trung Nguyên lên đảo ăn một món cháo gọi là Lạp bát cục. Con nhà võ vốn mê võ thuật, gặp những đồ giải *Hiệp khách hành* bèn tình nguyện ở lại Long Mộc đảo luyện luôn, có những người ra đi vài chục năm mà chẳng chịu quay về. Do vậy, giới giang hồ Trung Nguyên cho rằng những người được mời ăn Lạp bát cục hàng năm là đi vào chỗ chết. Chàng trai Thạch Phá Thiên cũng được mời ăn Lạp bát cục vì anh là bang chúa bang Trường Lạc và anh có hai người anh em kết nghĩa là hai vị sứ giả Thường Thiện và Phạt Ác trên Long Mộc đảo.

Trí óc tưởng tượng của Kim Dung thật tuyệt vời, khi ông gắn liền những câu thơ của Lý Bạch với những loại võ công khác nhau. Thí dụ câu số 5 *Thập bộ sát nhất nhân*, câu số 10 *Thoát kiếm tất tiền hoành*, câu số 17 *Cửu Triệu huy kim chùy* thì mỗi câu là một loại kiếm pháp. Thí dụ câu số 6 *Thiên lý bất lưu hành*, câu số 8 *Thâm tàng thân dữ danh*, câu số 14 *Ngũ nhạc đảo vi khinh* thì mỗi câu là một lối khinh công (tiếng Anh dịch khái niệm khinh công trong tiểu thuyết Kim Dung rất lạ: kung fu of flying). Thí dụ câu số 7 *Sự liễu phát y khứ*, câu thứ 9 *Nhàn quá Tín Lăng ẩm*, câu thứ 21 *Túng tử hiệp cốt hương* thì mỗi câu là một thứ chưởng pháp...

Vâng, mỗi câu thơ như vậy được khắc trong vách rõ ràng với

hình ảnh minh họa và lời chú thích thành ra 24 pho đồ giải để cho mọi người nghiên cứu võ công. Thế nhưng, trên đời này vẫn còn tồn tại cái mà người ta gọi là cơ tâm, cái mà ta thường ca ngợi là dùng lý trí để nghiên cứu cho đến chỗ thâm sâu vi diệu để đi vào đúng bản chất của sự vật. Và do vậy, những người đến đây đều sa vào lý luận và càng lý luận, người ta càng xa rời chân lý, xa rời thực tế. Thí dụ để hiểu câu thứ nhất *Triệu khách mạn hồ anh*, trên vách có ghi lời chú giải: “Trong thiên Thuyết kiếm của Trang Tử có ghi: Thái tử nói nhà vua thấy các kiếm sĩ đều đầu bù tóc rối, đội mũ dính giải thô sơ, áo ngắn vạt sau. Họ Tư Mã chú thích: Mạn hồ anh là giải mũ trơn, mộc mạc, không rực rỡ màu sắc”. Khi đọc lời chú giải này, người ta sẽ tranh luận: “Mạn hồ có nghĩa là thô lậu cục mịch. Mạn hồ anh có nghĩa là giải mũ không diêm dúa chứ không phải là đeo giải mũ như kiểu của người rợ Hồ bên Tây Vực”. Chữ “Hồ anh” được Robert Payne dịch ra là Tartar cord, như vậy ông công nhận chữ Hồ là Thát Đát (Tartar). Người thứ nhì sẽ cãi lại: “Bài *Tá tư Ngụy đô phú* có câu: Mạn hồ chi anh. Mạn hồ là tên gọi giải mũ của người võ sĩ. Thế thì giải mũ của người võ sĩ thô lậu cũng được mà diêm dúa cũng được”. Trong câu thứ hai *Ngô câu sương tuyết minh*, người ta cãi nhau vì chữ Ngô câu (lưỡi đoản đao, lưỡi đao cong cong kiểu hình vành trăng non) và do vậy, khi đánh ra một thế kiếm, người ta bị khái niệm “loan đao” ám ảnh, làm sao trong chỗ thẳng có chỗ cong, trong chỗ cong có chỗ thẳng mới đúng tinh thần của *Ngô câu sương tuyết minh*!

Vâng, đó là lối học võ của những bậc trí tuệ, những con người tự cho mình có đầu óc, có tư duy sâu sắc. Ngược lại, Thạch Phá Thiên hoàn toàn không có được những lý luận sâu sắc như vậy bởi vì *chàng trai này không biết chữ*. Những chữ nghĩa chú giải rút ra từ sách vở của Bách gia chư tử, tiên hiền liệt thánh không hề khuấy động được lòng chàng trai. Và vì chàng không biết những chữ nghĩa ấy nói lên điều gì cho nên *chàng chỉ nhìn những tấm hình được minh họa*. Kèm theo câu *Ngô câu sương tuyết mình*, người ta khắc hình hai chục thanh kiếm dài có, ngắn có, có thanh đưa mũi lên, có thanh chúc mũi xuống, có thanh xiêu vẹo như sắp rớt. Thạch Phá Thiên coi *vị trí* từng thanh kiếm, coi đến thanh thứ mười hai thì huyết Cự cốt ở vai phải nóng ran, coi đến thanh thứ mười ba thì huyết Ngũ lý lại chuyển động, coi thanh thứ mười bốn thì luồng nhiệt khí đi vào đến huyết Khúc trì.

Vâng, chàng trai dốt nát của chúng ta học võ theo cách trực quan các hình ảnh và anh khám phá ra mấu chốt của vấn đề, cứ coi hình, cóc cần biết chữ nghĩa nói gì. Và với một cái đầu bình thường, hoàn toàn mù chữ nhưng bén nhạy với những hình ảnh được khắc họa, Thạch Phá Thiên đã học xong 24 đồ giải của pho võ công *Hiệp khách hành*, một thành công mà các vị tiến sĩ chữ nghĩa đây mình cũng chẳng bao giờ dám nghĩ tới! Đặc biệt ở gian thạch thất cuối cùng, câu *Bách thủ Thái huyền kinh* lại được viết bằng Khoa đầu vắn, một loại văn tự tối cổ của Trung Quốc có tự dạng như hình con nòng nọc mà tuổi thơ của anh giữa vùng hoang sơn dã lĩnh vốn đã quen thuộc. Và nhìn tới con nòng nọc nào, huyết

đạo trên kinh mạch của anh nhảy đến đó. Anh đắc thủ toàn bộ pho võ công *Hiệp khách hành* mà không phải trải qua những giai đoạn tư duy trừu tượng, điều mà mọi người đã bỏ ra vài chục năm bực đầu suy nghĩ, gân cổ lý luận nhưng vẫn chẳng hiểu được gì.

Hiệp khách hành của Kim Dung thể hiện sâu sắc quan điểm của triết học Đông phương. Khi triết học Tây phương đi sâu vào lý luận, biện biệt, xuất hiện nhiều trường phái thì triết học Đông phương vẫn giữ được cái bản sắc dĩ tâm truyền tâm, dĩ ý truyền ý, bất khả tự nghị và thậm chí là bất lập văn tự. Con đường đi đến chân bản thể của vạn vật là con đường trực quan, hội nhập vào vạn vật như thể vạn vật đã hội nhập vào ta. Kim Dung gọi đó là lối *trước ý*. Nhân vật của ông đã bỏ lý luận đi vào trực quan; bỏ cái *thể* tìm đến cái *dụng*. Kinh Phật từng thuật lại câu chuyện Đức Phật đưa bông hoa lên trước các đệ tử và chỉ có ngài Ma Ha Ca Diếp toét miệng cười. Đó là nụ cười của sự khai ngộ, lý hội trực tiếp mà không qua một trung gian nào, kể cả trung gian ngôn ngữ, lý luận. Chàng trai dốt nát mà hơn đời trong *Hiệp khách hành* thành công bởi vì trái tim anh trong sáng, chưa hề bị cái văn minh cơ tâm, cái hệ thống lý luận bát nháo nhồi nhét vào đầu óc. Chỉ có thế thôi!

Nhưng tại sao Kim Dung lại chọn *Hiệp khách hành* của Lý Bạch dù trong văn học Trung Quốc có hàng trăm bài hành? Bản thân văn chương của bài *Hiệp khách hành* có cái hào khí mà những bài hành ca khác không có được. Nội dung *Hiệp khách hành* ca ngợi hai chàng Hầu Doanh và Chu Lợi, hiệp khách thời Chiến

quốc, giúp công tử Tín Lăng quân đánh lui quân Tần, giải cứu Hàm Đan. Sự hy sinh của Chu Hối và Hầu Doanh là tuyệt đối và vô kiện. Kim Dung đời sau cũng ước mơ như thế. Nhân vật của ông – Thạch Phá Thiên – bị thất học, bơ vơ từ lúc nhỏ, phải làm một tên tiểu cái, xin để kiếm sống. Nhưng tiểu cái đã vươn lên, chiếm lĩnh được cái giá trị rực rỡ nhất của con người: nhân phẩm trung hậu, nhân ái mệnh mông. Anh trở thành biểu tượng của cái đẹp, cái trong sáng của con người hiệp khách hiện đại mà không cần phải *Huyền hách Đại Lương thành*.

Chương XI.

Chân dung Nhạc Bất Quần

Nhạc Bất Quần là một nhân vật “lớn” trong bộ tiểu thuyết võ hiệp *Tiểu ngạo giang hồ* gồm 16 cuốn của nhà văn Kim Dung. Nguyên Trung Hoa có năm ngọn núi (ngũ nhạc) nổi tiếng: Tung Sơn, Thái Sơn, Hành Sơn, Hằng Sơn và Hoa Sơn, mỗi ngọn núi có một kiếm phái. Nhạc Bất Quần là trưởng môn nhân phái *Hoa Sơn*, có ngoại hiệu là *Quân tử kiếm*.

Về ngoại hình, Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần là một “*thư sinh có năm chòm râu dài, mặt đẹp như ngọc, chính khí hiên ngang khiến người phải đem lòng ngưỡng mộ*”. Con người ấy đã trên sáu mươi tuổi nhưng nhờ tu luyện nội công nên nhìn qua, chỉ mới như cỡ bốn mươi. Ngoại hiệu của y là Quân tử kiếm cho nên không bao giờ đánh lén, đánh sau lưng người khác, ăn nói mực thước, không bao giờ lên tiếng tranh biện với ai. Ngược với cái tên Bất Quần (không chơi với ai), y kết giao với rất nhiều bạn hào sĩ giang hồ chính phái.

Về tài năng, con người ấy là sư tôn một danh môn, có môn *Từ hà công* thâm hậu, sáng lập ra một *Hoa Sơn kiếm pháp* lấy nội

công làm căn cơ, học và thấm nhuần những tư tưởng của người quân tử trong triết học đạo Nho, trở thành biểu tượng đẹp đẽ của chính phái, ghét tà phái và bọn tàn ác như kẻ thù. Mỗi khi Nhạc Bất Quần xuất hiện trong 11 cuốn đầu của *Tiểu ngạo giang hồ*, Kim Dung thường dùng hai chữ “tiên sinh” (ông thầy) để ca ngợi Nhạc Bất Quần.

Thế nhưng, toàn bộ những hào quang trên đây chỉ là những điều trá ngụy, giả tạo. Từng bước, từng bước một, Kim Dung đã lột mặt nạ của Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần, chỉ ra cho chúng ta thấy tính cách tàn bạo, thủ đoạn độc ác, âm mưu thâm hiểm của nhân vật này. Kim Dung xây dựng anh ta như một hình mẫu “ngụy quân tử” (quân tử giả mạo), loại người còn nguy hiểm và khó chơi hơn cả “chân tiểu nhân” (tiểu nhân thứ thiệt). Tôi đã đọc 12 bộ tiểu thuyết của Kim Dung và thật sự kính sợ nhân vật ngụy – Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần. Những âm mưu, thủ đoạn của Nhạc Bất Quần vượt xa những tư duy thông minh của những cái đầu mẫn tuệ nhất.

Nắm được nguồn tin phái Thanh Thành của Dư Thương Hải sắp tấn công Phước Oai tiêu cục ở Phúc Châu, Nhạc Bất Quần lặng lẽ cho nhị đệ tử Lao Đức Nặc dẫn con gái mình là Nhạc Linh San xuống Phúc Châu mở một quán rượu để theo dõi tình hình. Biết nhị đệ tử Lao Đức Nặc là đệ tử của Tả Lãnh Thiền, chương môn phái Tung Sơn, vào “nằm vùng” trong nội bộ phái Hoa Sơn của mình, Nhạc Bất Quần vẫn làm ngơ như chẳng biết, lại còn giả vờ tin tưởng Lao Đức Nặc, giao cho hắn những nhiệm vụ khác.

Đợi cho phái Thanh Thành tàn sát hết Phước Oai tiêu cục, bắt ông bà Lâm Chấn Nam đưa về núi Hành Sơn để tra hỏi cho ra bộ *Tịch tà kiếm phổ* của dòng họ Lâm, Nhạc Bất Quần mới âm thầm theo dõi. Nguyên Nhạc Bất Quần có một đại đệ tử võ công cao cường, giàu lòng nghĩa hiệp nhưng tính tình rất phóng khoáng tên là Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung vì cứu nàng Nghi Lâm – một nữ ni thuộc phái Hằng Sơn nên phải kết giao với một tay thanh danh tàn tạ là Điền Bá Quang. Trong một dịp tình cờ, Lệnh Hồ Xung được nghe hai vị Lưu Chính Phong của phái Hành Sơn (chính giáo) tấu nhạc cùng một người bạn là Khúc Dương trưởng lão của Ma giáo. Trước khi họ chết, họ đã tặng cho Lệnh Hồ Xung bộ cầm phổ và tiêu phổ *Tiểu ngạo giang hồ*. Lệnh Hồ Xung lại gặp và nhận lời di chúc của ông bà Lâm Chấn Nam trước khi chết: “*Xin Lệnh Hồ hiền đệ báo cho con ta hay dưới hầm một căn nhà cũ trong ngõ Hương Dương có vật gì thì đó là vật tổ truyền của nhà họ Lâm, cần phải giữ gìn cho cẩn thận. Tằng tổ y là Viễn Đồ Cô ,g có để lại lời di huấn hết thầy con cháu bất luận là ai cũng không được mở coi mà sinh tai họa ghê gớm*”. Vật đó chính là *Tịch tà kiếm phổ*, một kiếm phổ ác độc của dòng họ Lâm!

Lâm Bình Chi, con trai của ông bà Lâm Chấn Nam, đi từ Phúc Châu lên Hành Sơn tìm kiếm cha mẹ. Đợi cho Lâm Bình Chi lâm nguy, Nhạc Bất Quần mới ra tay giải cứu, và nhận gã làm đệ tử của phái Hoa Sơn. Nhân danh luật lệ của phái Hoa Sơn, Nhạc Bất Quần còn ra lệnh biệt giam đại đệ tử Lệnh Hồ Xung trên Ngọc Nữ phong. Ở đó Lệnh Hồ Xung học được *Hoa Sơn kiếm pháp* với thái

sư thúc tổ Phong Thanh Dương và học được đường *Độc Cô cưu kiếm* oai trấn giang hồ. Loại kiếm pháp này đi ngược lại kiếm pháp của Nhạc Bất Quần: lấy kiếm thế như nước chảy mây trôi làm căn cơ (Kiếm tông) trong khi Nhạc Bất Quần lấy nội công làm căn cơ (Khí tông).

Biết được điều ấy, Nhạc Bất Quần vu cáo cho Lệnh Hồ Xung đã lấy được *Tịch tà kiếm phổ*, sai Lao Đức Nặc giám sát gã và sau đó ra thông báo đuổi gã ra khỏi phái Hoa Sơn vì tội “kết giao với Ma giáo” (Điền Bá Quang). Sự thật là Nhạc Bất Quần đã cướp được tấm áo cà sa có chép *Tịch tà kiếm phổ* của họ Lâm. Lão nuôi tham vọng lên ngôi minh chủ Ngũ Nhạc kiếm phái để từ đó lập ra Ngũ Nhạc phái (bỏ chữ kiếm) và sử dụng Lệnh Hồ Xung như một con cờ thí để đánh lạc hướng của các địch thủ khác. Biết Tả Lãnh Thiên, chủ môn phái Tung Sơn, cũng có tham vọng như mình, đưa Lao Đức Nặc vào “nằm vùng” trong phái Hoa Sơn, nên lão chép một bản *Tịch tà kiếm phổ* giả, tạo điều kiện cho Lao Đức Nặc đánh cắp về dâng cho Tả Lãnh Thiên luyện chơi.

Kiểm phổ giả và kiếm phổ thật khác nhau ở chỗ nào? Đó chỉ là một câu ghi trên kiếm phổ: “*Võ lâm xưng hùng. Dẫn đao tự cung*” (Muốn xưng hùng bá võ lâm. Phải biết lấy đao tự thiên). Đúng như lời Lâm Chấn Nam di chúc: “*Bất luận là ai cũng không được mở coi mà sinh tai họa ghê gớm*”. Lâm Viễn Đồ (tức Viễn Đồ Công) ông nội của Lâm Chấn Nam, có con rồi mới đi tu và luyện *Tịch tà kiếm phổ*. Khi dặn Lệnh Hồ Xung nói lại với Lâm Bình Chi câu ấy, ông Lâm Chấn Nam chỉ lo con trai mình nóng

lòng trả thù cho cha mẹ, phải “Dẫn đạo tự cung” thì dòng họ Lâm phải tuyệt tự. Nhạc Bất Quần chép “tặng” Tả Lãnh Thiền cả bộ kiếm phổ, chỉ không chép câu “Dẫn đạo tự cung” cho nên kiếm phổ của Tả Lãnh Thiền luyện là của giả! Riêng Nhạc Bất Quần có kiếm phổ là lão “Dẫn đạo tự cung” ngay, mặc dù lão chỉ mới có Nhạc Linh San là con gái duy nhất. Mà với nhà nho ngày trước “Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại” (bất hiếu có ba điều, trong đó không có con trai nối dõi là điều bất hiếu lớn nhất). Biết là như thế nhưng tham vọng của Nhạc Bất Quần lớn quá, lão quyết tự làm cho mình tuyệt tự.

Lệnh Hồ Xung lưu lạc giang hồ, kết bạn với một cô gái cực kỳ xinh đẹp. Cô gái ấy là Nhậm Doanh Doanh, con gái của Nhậm Ngã Hành, giáo chủ Triều dương thần giáo (tức Ma giáo). Anh bị trọng thương mất hết công lực; Doanh Doanh phải cõng anh lên chùa Thiếu Lâm chịu để cho các nhà sư cầm tù mình để các nhà sư cứu mạng Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung được khỏi bệnh. Khi hiểu ra mối thâm tình của Doanh Doanh, anh quyết cùng bọn hào sĩ giang hồ tiến lên chùa Thiếu Lâm đòi thả Doanh Doanh ra.

Trong buổi gặp gỡ tại Thiếu Lâm, lần đầu tiên trong đời, Lệnh Hồ Xung rút kiếm ra đấu với sư phụ. *Độc Cô cừu kiếm* của anh hơn hẳn *Hoa Sơn kiếm pháp* của Nhạc Bất Quần. Nhạc Bất Quần sử đi sử lại ba chiêu *Lăng tử hồi đầu* (chàng lăng tử quay đầu lại), *Thương tùng nghênh khách* (những cây tùng xanh đón khách) và *Tiêu Sư thừa long* (Tiêu Sư cười rồng mà bay). Ý của Nhạc Bất Quần đã rõ: lão khuyên Lệnh Hồ Xung nên trở về phái Hoa Sơn

và lão sẽ gả Nhạc Linh San cho Lệnh Hồ Xung để Lệnh Hồ Xung có thể ung dung khoái hoạt như Tiêu Sứ (trong Bát tiên) cười rống mà bay. Lệnh Hồ Xung nào không hiểu ý sư phụ. Nhưng anh dứt khoát phải cứu mạng Nhậm Doanh Doanh. Và đây cũng là lần đầu tiên trong đời, kiếm pháp do Phong Thanh Dương phe *Kiểm tông* truyền thụ cho anh thắng lợi trước kiếm pháp phe *Khí tông* của Nhạc Bất Quần. Nhạc Bất Quần giận lắm, lão đá Lệnh Hồ Xung một cước và cái đá khiến lão gãy xương cẳng chân.

Thực ra, chuyện gãy chân chỉ là một màn kịch tuyệt khéo mà chỉ có Nhạc Bất Quần mới nghĩ ra được. Lúc bấy giờ, lão đang đấu trước mặt Tả Lãnh Thiên, kẻ thù chính sau này của lão. Lão chưa tiện giở *Tịch tà kiếm pháp* ăn cắp của dòng họ Lâm ra mà chỉ dùng *Hoa Sơn kiếm pháp*. Khi *Hoa Sơn kiếm pháp* bị Lệnh Hồ Xung đánh bại, lão nổi nóng đá Lệnh Hồ Xung nhưng công lực của Lệnh Hồ Xung chưa đủ khiến chân lão phải gãy. Chuyện gãy chân đó là do lão tự vận công lực mà làm gãy để cho Tả Lãnh Thiên mất cảnh giác, cho rằng công lực lão không đáng kể. Quả nhiên, Tả Lãnh Thiên đã rơi vào cái bẫy khổ nhục kế của Nhạc Bất Quần.

Vâng, mọi âm mưu thủ đoạn của Nhạc Bất Quần đều được tiến hành rất khéo, dưới một bộ mặt nhân danh người quân tử, khiến mọi người đều lầm. Nhưng duy nhất có một người hiểu rõ các ý đồ của lão. Người đó là bà Ninh Trung Tắc, vợ của Nhạc Bất Quần. Hơn ai hết, bà biết chồng đã “Dẫn đao tự cung” để luyện *Tịch tà kiếm phổ* vì từ khi luyện kiếm phổ, lão không hề chán gối với bà!

Nguy hiểm hơn, bà khám phá ra tâm tính lão đang biến đổi, trở thành người ái nam ái nữ, độc ác, thủ đoạn. Sáng nào, khi rũ chăn, bà cũng thấy những sợi râu của chồng rụng, và tiếng nói của lão càng ngày càng trở nên eo éo, do sự biến đổi phái tính. Bà khuyên lão đừng vu cáo Lệnh Hồ Xung nữa, từ bỏ giấc mộng làm mình chủ Ngũ Nhạc phái và vứt bỏ tấm áo cà sa có chép *Tịch tà kiếm phổ* của dòng họ Lâm đi. Giả vờ nghe lời vợ, Nhạc Bất Quần vứt tấm áo cà sa xuống thung lũng núi Hoa Sơn.

Nhưng tấm áo cà sa đó không mất. Có một người đã nhặt được tấm áo đó sau nhiều năm rình rập căn phòng của Nhạc Bất Quần. Người đó là Lâm Bình Chi, con của ông bà Lâm Chấn Nam. Bình Chi đã nghi sư phụ đoạt được tấm áo cà sa của nhà mình và đã học được *Tịch tà kiếm pháp* của nhà mình. Hắn âm thầm theo dõi thầy và chụp được tẩn: áo cà sa lão vứt bỏ. Thế là quên mất lời dặn dò của cha, hắn vội vã “Dẫn đạo tự cung” ngay khi mới mười chín tuổi để luyện *Tịch tà kiếm phổ*!

Ngày ngày nhìn ra hẻm núi, Nhạc Bất Quần không còn thấy màu áo cà sa nữa. Lão biết có một ai đó đã lấy được kiếm phổ và “ai đó” chính là Lâm Bình Chi. Lão đánh tiếp một nước cờ thật cao: gả Nhạc Linh San, con gái yêu của lão cho Lâm Bình Chi. Vài đêm sau, lão dò la Nhạc Linh San, hỏi con gái có “hạnh phúc” không. Nhạc Linh San nói dối với lão rằng cô rất hạnh phúc. Thực ra, từ khi “Dẫn đạo tự cung”, Lâm Bình Chi đã trở thành một tay thái giám thì còn “làm ăn” gì được nữa. Đêm nào hắn cũng ngủ riêng và thù ghét Nhạc Linh San ra mặt. Chính câu nói dối của

Nhạc Linh San đã cứu mạng gã Lâm Bình Chi. Nếu cô nói thực rằng sau ngày cưới, Lâm Bình Chi chưa hề làm chồng cô đêm nào thì Nhạc Bất Quần sẽ biết ngay là Lâm Bình Chi đã luyện *Tịch tà kiếm phổ* và đã giết Lâm Bình Chi rồi.

Bộ mặt thật của Nhạc Bất Quần chỉ hiện ra trong lần đại hội Ngũ Nhạc kiếm phái trên ngọn Tung Sơn. Lão đã sử dụng *Tịch tà kiếm pháp* thứ thiệt đánh với *Tịch tà kiếm pháp* giả mạo của Tả Lãnh Thiên, đâm đùi được đôi mắt Tả Lãnh Thiên bằng những ngón tay dịu dàng như thủ pháp một cô gái dùng kim khâu. Lão lên chiếm ngôi minh chủ Ngũ Nhạc phái, đúng như dự kiến ban đầu. Bấy giờ, Lệnh Hồ Xung đã trở thành chủ môn phái Hằng Sơn; lại được lão o bế, vô vẻ khác xa với ngày đuổi Lệnh Hồ Xung ra khỏi môn phái. Bằng cái nhãn giới của một người nhạy cảm, Doanh Doanh đã nói nhỏ vào tai của tình lang Lệnh Hồ Xung ba tiếng nhận xét về Nhạc Bất Quần: “Nguy quân tử”. Và chỉ đến lúc ấy, Lệnh Hồ Xung mới cảm thấy cụm từ trên hoàn toàn phù hợp với con người mà anh đã từng yêu mến, kính ngưỡng bấy lâu nay.

Mọi chuyện về cuộc đời Nhạc Bất Quần kết thúc đúng như tinh thần chung của tiểu thuyết phương Đông: kẻ gieo gió phải gặt bão. Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần trở thành một kẻ mất hết nhân tính, bỏ vợ, bỏ con, xa lánh bọn học trò, rượt đuổi theo giấc mơ trở thành minh chủ võ lâm Trung Hoa. Nhưng than ôi, *Tịch tà kiếm pháp* của lão không thể thắng được *Độc Cô cứu kiếm* mà Phong Thanh Dương đã truyền lại cho Lệnh Hồ Xung. Để trừ hậu họa cho tình lang, Nhậm Doanh Doanh bóp mũi Nhạc Bất Quần,

buộc lão phải há miệng uống một viên Tam thi não thần đan, thứ thuốc độc dùng để khống chế kẻ khác của Triều dương thần giáo. Cuối cùng lão bị tiểu ni cô Nghi Lâm đâm một kiếm qua đời. Còn Lâm Bình Chi, một tiểu ngụy quân tử, phong cách ung dung nho nhã đúng y khuôn Nhạc Bất Quần sư phụ? Hắn cũng nổi điên, giết vợ là Nhạc Linh San. Đôi mắt bị đui mù, hắn theo Lao Đức Nặc về với Tả Lãnh Thiền. Giấc mơ *Tịch tà kiếm phổ* tàn lụi và thay vào đó là tiếng đàn sáo hài hòa trung chính của bộ cầm phổ – tiêu phổ *Tiểu ngạo giang hồ* trỗi lên.

Năm 1996, trả lời một câu hỏi của nhà báo Lê Văn Nghĩa trên tạp chí *Kiến thức ngày nay*, nhà báo Trần Bạch Đằng phát biểu, đại ý: nếu trên một hòn đảo cô đơn, ông sẽ đem theo bộ *Tiểu ngạo giang hồ* để làm bạn vì ông rất ghét Nhạc Bất Quần và yêu Lệnh Hồ Xung. Suy nghĩ của ông Trần Bạch Đằng cũng là suy nghĩ của nhiều thế hệ độc giả đọc *Tiểu ngạo giang hồ*. Nhưng than ôi, giữa cuộc sống chúng ta, những tay “Quân tử kiếm” cỡ Nhạc Bất Quần còn khá bộn!

Chương XII.

Vấn đề pháp luật trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung

Trước khi cầm bút làm báo, viết văn, Kim Dung đã từng tốt nghiệp Đông Ngô pháp học viện Thượng Hải. Văn bằng của ông là cử nhân luật khoa (pháp học) và việc gắn liền yếu tố pháp luật vào trong tác phẩm văn chương kiếm hiệp, đối với ông gần như là vấn đề tất yếu.

Một cách khái quát, Kim Dung thường đặt những tác phẩm võ hiệp của mình vào trong bối cảnh của các triều đại phong kiến: *Lục mạch thần kiếm* truyện đời Tống (960 - 1279), ba bộ *Xạ điêu anh hùng truyện*, *Thần điêu hiệp lữ* và *Ý thiên Đồ long ký* đời Nguyên (1280 - 1467), *Lộc Đình ký* thời Khang Hy nhà Thanh (1662 - 1722)... Những bối cảnh lịch sử đó có trước thời đại ông sống ít nhất 300 năm cho nên những vấn đề pháp luật được phản ánh trong tác phẩm đương nhiên là những vấn đề pháp luật của xã hội phong kiến Trung Quốc. Tuy nhiên, thông qua cái vang bóng xa xăm đó, ta lại tìm thấy những khát vọng rất hiện đại.

Với trí tưởng tượng được hư cấu tuyệt vời, Kim Dung đã xây dựng trong những tác phẩm mình một loại người đặc biệt: bọn hào sĩ giang hồ, đứng trên và đứng ngoài hệ thống pháp luật phong kiến. Trong *Tiểu ngao giang hồ*, nhân vật Lưu Chính Phong rửa tay gác kiếm để nhận một chức quan nhỏ của triều đình nhà Tống, bị bọn quần hào chê cười. Đối với bọn này, không có vương pháp mà cũng chẳng có vương quyền, bởi một điều đơn giản là họ không tin vào hệ thống luật pháp của nhà nước phong kiến. Điển Bá Quang lấy được hai hũ rượu Thiệu Hưng nữ nhi hồng trong hầm rượu Túy tiên lâu đã phóng cước đá bể hết mấy trăm hũ rượu còn lại cho vua quan và bọn nhà giàu không còn rượu ngon mà uống; Lệnh Hồ Xung bắt viên tham tướng Ngô Thiên Đức, đoạt lấy công văn hổ dụng, cây đao, con ngựa và mấy chục lạng vàng để đi cứu nạn phái Hằng Sơn, đều nằm trong suy nghĩ ấy.

Tham quan, ô lại vốn là kẻ thù của bọn hào sĩ giang hồ. Chính vì vậy, tiểu anh hùng Hồ Phỉ trong *Phi hồ ngoại truyện* tức *Lãnh nguyệt bảo đao* đi đến nơi đâu nghe có tham quan, ô lại, cường hào ác bá ức hiếp dân lành là anh ra tay hành hiệp, tế khổn phò nguy. Kiều Phong trong *Lục mạch thần kiếm truyện* làm đến Nam viện đại vương nước Liêu vẫn chống lệnh hành quân của Gia Luật Hồng Cơ hoàng đế, bỏ chức ra đi. Quân hùng Minh giáo và sáu đại môn phái Thiếu Lâm, Nga Mi, Không Động, Hoa Sơn, Võ Đang, Côn Luân trong *Ý thiên Đồ long ký* sẵn sàng theo lời hiệu triệu của Trương Vô Kỵ nổi lên chống lại triều đình nhà Nguyên, đốt chùa Vạn Pháp...

Thế nhưng, nếu bọn hào sĩ giang hồ coi thường luật pháp, vương quyền của nhà nước phong kiến thì họ lại tỏ ra rất tôn trọng luật pháp riêng của môn phái, bang hội mà họ là thành viên. Mỗi môn phái, bang hội như Thiếu Lâm, Võ Đang, Nga Mi, Cái bang, Côn Luân, Không Động, Tiêu Dao, Bồng Lai... đều lập ra một hệ thống luật pháp thực chứng riêng mà họ thường gọi là thanh quy giới luật. Kèm theo thanh quy giới luật này, mỗi môn phái, bang hội còn lập riêng ra một cơ quan chấp pháp, được gọi với các tên giới luật đường, giới luật viện, hình đường. Với phái Thiếu Lâm, nhà sư đứng đầu cơ quan này gọi là thủ tòa giới luật viện; với Cái bang, nhân vật đứng đầu là chấp pháp trưởng lão... Các cơ quan chấp pháp này làm luôn chức năng của lập pháp, hành pháp, tư pháp (kể cả công việc thi hành án).

Kim Dung cho những nhân vật của mình thi hành án một cách gọn nhẹ, nhanh chóng. Trong *Lục mạch thần kiếm* truyện, bọn đệ tử Cái bang phạm tội khi sư diệt tổ thì phải tự vận, nếu không đủ can đảm tự vận, phải nhờ người anh em trong bang giết mình thì thanh danh mới được trong trắng. Trong trường hợp họ chết hay bị đuổi ra khỏi bang do chấp pháp trưởng lão kêu án thì nỗi nhục vẫn còn mãi... Cũng trong truyện này, phái Thiếu Lâm thi hành án với các nhà sư phạm giới rất quyết liệt: Tam Tĩnh phạm ngũ giới cấm, bị nhét vào cột đá đến nỗi gãy hết xương sườn; Hư Trúc học võ công phái khác bị đánh 100 côn; Huyền Từ phương trượng phạm giới dâm bị đánh 200 côn...

Đối với các môn phái tà đạo, còn có một hình thức thi hành

án riêng, rất bá đạo: cho uống thuốc độc để kiềm chế bọn đệ tử, ai phản lại không cho thuốc giải độc. Bọn Thần long giáo trong *Lộc Đình ký* phải uống Độc long dịch cân hoàn; bọn Triều dương thần giáo trong *Tiểu ngạo giang hồ* phải uống Tam thi não thần đan... Chính vì dùng độc dược kiềm chế con người nên những mệnh lệnh của bọn tà giáo ban ra đều được thi hành triệt để: một đám hào sĩ lỡ nhìn thấy thánh cô Nhậm Doanh Doanh và Lệnh Hồ Xung ở chung với nhau một chỗ, nghe một câu nói của Doanh Doanh, đã tự đâm đùi hai mắt và chạy ra hải đảo sinh sống, không dám trở về đất liền.

Kim Dung sinh năm 1924 tại Hải Ninh, Triết Giang. Ông nội của ông từng làm tri phủ Đơn Dương, là một người liêm chính, nổi tiếng với lời xưng tụng của người đương thời “Đơn Dương giáo án”. Lớn lên trong cảnh tao loạn của xã hội Trung Quốc, nhìn thấy những đau thương, những hàm oan của đồng bào mình; ông đã đau niềm đau của Lỗ Tấn trong *AQ. chính truyện*. Lỗ Tấn đã để cho AQ, chết một cách hồ đồ để xóa đi cái tư duy “thắng lợi tinh thần” hàng mấy ngàn năm làm mê muội tâm hồn người Trung Quốc. Kim Dung vươn tới những khát vọng xa hơn: ông muốn đập đổ thứ vương pháp, vương quyền hình thành mấy ngàn năm trong xã hội Trung Quốc bởi các chế độ phong kiến thối nát; xây dựng một thứ pháp luật thực chứng nhanh, mạnh, chính xác, công bằng để bảo vệ phẩm giá những con người lương thiện. Bọn hào sĩ giang hồ của ông đôi khi làm việc rất vô chính phủ, vô tổ chức nhưng vẫn thể hiện được khát vọng trật tự, công bằng cho mọi

người. Trên tất cả, họ tin có hai thứ thiên đạo và nhân luân; thiên đạo chế tài cái ác và nhân luân để giữ cho con người không làm ác, đi đúng cái lẽ thiện, một vốn quý của nền pháp luật lý tưởng.

Chương XIII.

Vụ án “Đi hoa tiếp mộc” trong Lộc Đình Ký

Đi hoa tiếp mộc (dời hoa nối cây) nguyên là tên một trong 36 kế mà người Trung Quốc thường đề cập đến. Đi hoa tiếp mộc là thủ đoạn vu oan giá họa, đẩy tội lỗi của người này sang cho người kia bằng cách dựng lên những bằng chứng giả tạo, đánh lừa cơ quan pháp luật. Trong thời phong kiến, kỹ thuật điều tra hình sự chưa tiến bộ, khó tìm ra chỗ giả tạo và con người thì hành pháp luật thường theo cảm tính, qua loa đại khái thì Đi hoa tiếp mộc càng dễ được thực hiện. Ta hãy xem vụ án Đi hoa tiếp mộc trong *Lộc Đình ký* của nhà văn Kim Dung.

Vì Tiểu Bảo, học trò của Trần Cận Nam, là hương chủ Thanh mộc đường của Thiên Địa hội, “nằm vùng” trong cung triều Thanh, được vua Khang Hy sủng ái, cử đi xây dựng tòa Trung liệt từ ở phủ Dương Châu, tỉnh Triết Giang. Cùng “nằm vùng” với Vì Tiểu Bảo còn có Ngô Lục Kỳ, hương chủ Hồng thuận đường của Thiên Địa hội, làm đề đốc Quảng Đông, trong tay nắm giữ binh quyền

khá lớn. Ngô Chi Vinh, hiệu là Hiển Dương, là một gã nho sĩ người Hán hám danh. Y đã làm đơn đầu cáo lên triều Thanh về vụ cha con Trang Doãn Thành, Trang Kiến Long làm bộ *Minh thư tập lược* có những điểm ca ngợi triều Minh, mạt sát triều Thanh, khiến cho tên quyền thần Ngao Bái ra lệnh bắt hết bọn nhà nho ở Triết Giang tham gia làm *Minh thư tập lược* và bọn đàn ông họ Trang cộng khoảng 2.000 người đem giết. Khi Khang Hy lên ngôi (1622), ông vua nhỏ tuổi này muốn trừ khử Ngao Bái. Vì Tiểu Bảo có công đâm chết Ngao Bái nên được các bà quả phụ nhà họ Trang mang ơn, tặng cho con tiểu ti Song Nhi đi theo hầu hạ. Vì Tiểu Bảo rất quý Song Nhi, hứa với Song Nhi sẽ tìm mọi cách bắt Ngô Chi Vinh đem về cho các bà quả phụ nhà họ Trang xử tội, để đền ơn họ đã tặng Song Nhi cho gã. Khi vua Khang Hy phong cho gã chức khâm sai đi về Dương Châu, gã lại gặp Ngô Chi Vinh. Hóa ra Ngô Chi Vinh nhờ làm Hán gian mà được phong chức tri phủ Dương Châu.

Lúc bấy giờ, ở Văn Nam, Ngô Tam Quế – Bình Tây vương của Thanh triều, đang chuẩn bị binh mã khởi loạn chống lại vua Khang Hy. Khi các quan ở Dương Châu đi đón tiếp Vi Tiểu Bảo, trong đó có cả Ngô Chi Vinh, Vi Tiểu Bảo vui miệng hỏi Ngô Chi Vinh có bà con gì với Ngô Tam Quế hay không, thì Ngô Chi Vinh đại dốt khoe rằng y là cháu Ngô Tam Quế!

Chính cái cách khoe khoang đại dốt đó đã đưa gã Hán gian hãnh tiến vào cái chết sau này.

Ở Dương Châu, Vi Tiểu Bảo chỉ đạo xây dựng tòa Trung liệt từ. Nguyên trước đây, năm 1643, Bát kỳ (tám đạo cờ tiêu biểu cho

tám bộ tộc người Mãn Châu) tiến quân qua Trung Quốc đánh tan tàn đạo quân trấn giữ của triều Minh. Bất kỳ cho phép quân Mãn Châu hãm hiếp, giết chóc, cướp của, đốt nhà của người Hán. Dương Châu và Gia Định là hai vùng đất bờ xôi ruộng mật của tỉnh Triết Giang đã gánh chịu tai ương đau thương đó. Người ta vẫn đồn đãi nhau tội ác của quân Mãn Châu qua câu “Dương Châu thập nhật, Gia Định tam đồ”. Vua Khang Hy lên ngôi, muốn làm một ông vua nhân đức, muốn chuộc lại các lỗi lầm của tổ tiên. Ông cho phép xây dựng lại tòa Trung liệt từ để thờ nhà yêu nước Sử Các Bộ đã chết trong cuộc chống xâm lược Mãn Châu, lại tha thuế cho người Dương Châu ba năm. Vi Tiểu Bảo thay nhà vua đi làm công việc đó.

Thế nhưng, gã tri phủ Ngô Chi Vinh thì luôn luôn sục tìm những nhà nho người Hán có ý không thần phục triều Khang Hy, đầu cáo lên triều đình để làm nấc thang danh vọng cho gã leo lên. Gã tự ý bắt giam ba nhà nho ở Triết Giang là Lữ Lưu Lương, Cố Viêm Võ và Tra Y Hoàng (Tra Y Hoàng là tăng tảo của Kim Dung). Theo cách đầu cáo vụ án *Minh thư tập lược* lên Ngao Bái trước đây, Ngô Chi Vinh gắp riêng khâm sai đại nhân Vi Tiểu Bảo. Hắn phân tích những chỗ chống đối Thanh triều trong bài thơ *Hồng Vũ cổ pháo ca* của Tra Thận Hành (cũng là một tăng tổ khác của Kim Dung):

*Thấy người nằm giữa đám chông gai
Nghĩ đến non sông dạ ái hoài
Đâu biết gây nên trò biến ảo
Châu tảo tâm tảo xót thương ai*

Rồi hấn phân tích thơ của Cố Viêm Võ:

*Non nước nhà ta vốn vũng vàng
Vì quân Di Địch phải tan hoang
Kiến Châu bất linh cùng thu thóc
Tây Thục còn lo nạn thổ quan*

Rồi hấn phân tích những chỗ đại nghịch vô đạo trong quyển *Quốc thọ lục* của Tra Y Hoàng: Tra Y Hoàng gọi những người Hán đã chống quân Thanh là nghĩa binh; gọi tướng sĩ Thanh triều là quân giặc... Hấn còn trình riêng với Vi Tiểu Bảo: “Phương Nam có viên đại tướng nắm giữ trọng binh sắp dấy quân tạo phản”. Cuối cùng hấn đưa cho Vi Tiểu Bảo bức thư của đề đốc Quảng Đông Ngô Lục Kỳ gửi cho Cố Viêm Võ, trong đó có câu định mời Cố Viêm Võ về Quảng Đông để cùng lo việc chống Thanh triều: “Muốn lo toan việc lớn của Trung Sơn, Khai Bình mà không có Thanh Điền tiên sinh vận trù kế hoạch thì chẳng thể thành công được”. Trong đầu óc Ngô Chi Vinh, hấn mơ mộng một trường công danh phú quý. Hấn còn đề nghị với Vi Tiểu Bảo đừng hé lộ công lao này cho hai viên tuần phủ và tổng đốc Dương Châu biết!

Vi Tiểu Bảo nhận các vật chứng mà Ngô Chi Vinh đưa trình, sợ đến tháo mồ hôi. Gã nghĩ ngay ra kế sách triệt hạ Ngô Chi Vinh và cứu các nhà nho. Gã an ủi Ngô Chi Vinh mấy lời, bảo hấn giải các can phạm vào, rồi cho hấn lui ra khỏi phủ chờ lệnh. Ba nhà nho Lữ Lưu Lương, Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng gặp Vi Tiểu Bảo, lòng họ không khỏi hổ thẹn. Vốn trước đây, họ đã bị tay chân của Ngao Bái bắt được, may nhờ Trần Cận Nam là thầy của Vi Tiểu

Bảo giải cứu. Nay bản thân họ bị bắt lần nữa, lại phải nhờ đến học trò của Trần Cận Nam giải cứu. Vì Tiểu Bảo bàn với các nhà nho chuyện giải cứu Ngô Lục Kỳ, hương chủ Hồng thuận đường của Thiên địa hội đang làm đề đốc Quảng Đông. Chuyện Ngô Lục Kỳ định dấy binh; Ngô Chi Vinh đã biết rõ. Về chữ nghĩa, Vì Tiểu Bảo dốt đặc cán mai nhưng về mưu kế, gã lại hơn người. Gã nghĩ ra kế Di hoa tiếp mộc.

Khéo làm sao, Ngô Lục Kỳ, Ngô Tam Quế và Ngô Chi Vinh cùng ở họ Ngô. Khéo làm sao, hai tỉnh Vân Nam và Quảng Đông đều ở phương Nam (so với Triết Giang). Lại khéo làm sao là Ngô Chi Vinh đã từng thừa nhận với Vì Tiểu Bảo trước mặt các quan rằng hẳn chính là cháu của Ngô Tam Quế. Lại khéo nữa là khi Ngô Lục Kỳ định khởi binh cũng là thời điểm mà Ngô Tam Quế định tạo phản. Kết hợp bốn yếu tố bất ngờ đó, Vì Tiểu Bảo nhờ Lữ Lưu Lương nhái chữ viết làm thư ký của Ngô Tam Quế, viết một bức thư giả mạo của Ngô Tam Quế gởi cho cháu là Ngô Chi Vinh. Bì thư đề: “Dương Châu tri phủ lão gia nhũ giám”. Đầu thư ghi: “Hiển Dương hiển diệt”. Trong thư có đoạn “ Di hoa tiếp mộc” khá cao cường: “Ngờ đâu, đức Thái tổ Cao hoàng đế của chúng ta (tức Chu Nguyên Chương, người khai sáng triều Minh – chú của tác giả) ban đầu xưng là Ngô quốc lại ứng vào tên họ của chú cháu ta sau ba trăm năm”. Cuối thư, Lữ Lưu Lương ghi bốn chữ hàm hồ “Tây thúc thủ trát” (Chú ở phía Tây gởi) rồi nhờ một người trong Thiên Địa hội đi theo Vì Tiểu Bảo là Tiền Lão Bản ký tên Ngô Tam Quế! Tại sao phải nhờ Tiền Lão Bản? Ngô Tam Quế là con

nhà võ; Tiền Lão Bản cũng là nhà võ; họ ít chữ nghĩa; công văn thư từ thường là do thư ký viết sẵn để họ ký tên; chữ ký càng gân guốc càng tốt!

Làm xong bức thư giả mạo, Vi Tiểu Bảo gọi các quan tuần phủ, tổng đốc Dương Châu vào đưa cho họ coi và nói đây là thư của Ngô Chi Vinh trình cho gã để xúi gã chống lại vua Khang Hy. Vi Tiểu Bảo sai tuần phủ, tổng đốc Dương Châu làm tờ bẩm về triều đình âm mưu chống đối của Ngô Chi Vinh và gã ra lệnh bắt Ngô Chi Vinh vì đã “thông đồng phiên tặc”. Ta nên nhớ rằng vua Khang Hy đã biết được những âm mưu tạo phản của Ngô Tam Quế mà Vi Tiểu Bảo đang là sủng thần của vua Khang Hy. Dầu Vi Tiểu Bảo có vu oan cho cả trăm người thông đồng với Ngô Tam Quế để chém họ cũng được chứ đừng nói một tên Hán gian Ngô Chi Vinh với cái chức tri phủ nhỏ như hạt đậu.

Vi Tiểu Bảo dẫn Ngô Chi Vinh về Bắc Kinh, giao cho các bà quả phụ nhà họ Trang xử lý. Gã không cần tâu lên vua Khang Hy vụ Ngô Chi Vinh thông đồng phiên tặc thì nhà vua cũng đã biết (do bản tâu của các quan ở Dương Châu gửi về). Sau đó, Ngô Tam Quế quả nhiên tạo phản ở Vân Nam; còn tính mạng và thân phận của Ngô Lục Kỳ vẫn được giữ kín. Những nhân vật Lữ Lưu Lương, Tra Y Hoàng, Cố Viêm Võ, Ngô Tam Quế, Ngô Chi Vinh là những nhân vật có thật trong lịch sử Trung Hoa. Vi Tiểu Bảo, Ngô Lục Kỳ, Tiền Lão Bản, Song Nhi là những nhân vật thuần túy hư cấu của tiểu thuyết.

Chương XIV.

Tổ tụng hình sự theo luật giang hồ

Trong chương trước, tôi đã có dịp bàn với các bạn đọc về luật giang hồ trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Mặc dù luật giang hồ có luật thành văn, có luật bất thành văn, nhưng đại để vẫn có một tiến trình tổ tụng hình sự để thực hiện thi hành án.

Môn phái, tôn giáo, bang hội nào trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung cũng có những điều được qui định thành “luật” gọi là môn qui, giáo qui, bang qui riêng. Việc thi hành hình luật đối với một nhân vật được gọi là “thanh lý môn hộ” (quét sạch cửa ngõ) vì những kẻ vi phạm môn qui, bang qui, giáo qui được coi là một thứ rác rến cần phải được giáo dục hay loại bỏ. Thủ tục tổ tụng hình sự theo luật giang hồ được thực hiện gọn nhẹ, không rườm rà, rắc rối, dài dòng.

Khi một nhân vật bị nghi có dấu hiệu phạm tội hay đã được xác định là phạm tội thì giới luật viện, chấp pháp trưởng lão hoặc kẻ chỉ huy trực tiếp của nhân vật ấy có quyền ra lệnh truy bắt. Tất cả các đệ tử đều phải chấp hành lệnh truy bắt đó và trong trường

hợp này, mỗi đệ tử đều là một trinh sát. Có những đệ tử vô công không bằng vô công kẻ phạm tội, đánh không lại kẻ phạm tội nhưng cũng phải thực hiện lệnh truy bắt đến cùng. Gặp kẻ phạm tội mà không ra tay truy bắt được coi là đồng lõa, là che giấu tội phạm.

Khi đã bắt được kẻ phạm tội, giới luật viện, chấp pháp trưởng lão hay nhân vật chỉ huy mở ngay phiên xử tại chỗ. Họ chỉ hỏi kẻ phạm tội vài câu, xuất trình một vài vật chứng hay nhân chứng khiến kẻ phạm tội không thể che lấp được tội lỗi của mình, phải gật đầu chấp nhận. Dù nặng hay nhẹ, bản án cũng được tính toán để thi hành ngay, không qua các thủ tục xử phúc thẩm hay giám đốc thẩm.

Trong *Ý thiên Đồ long ký*, Kim Dung kể chuyện nhân vật Giác Viễn đại sư được chùa Thiếu Lâm phân công giữ Tàng kinh lâu (lầu chứa kinh điển của chùa). Giác Viễn là một nhà sư không học võ công nhưng hàng ngày, ông vẫn thích đọc bộ *Cửu dương công*, nội lục trở nên thâm hậu bất ngờ hơn cả các vị đại sư thủ tòa Giới luật viện, Đạt ma viện. Cũng chính vì ham đọc kinh, nên ông đã bị kẻ khác lên vào Tàng kinh các ăn cắp cuốn kinh *Lăng Già*. Giới luật viện chùa Thiếu Lâm ra lệnh thi hành hình luật đối với Giác Viễn: chân tay phải mang xiềng khóa, mỗi ngày phải gánh 300 gánh nước để... đổ xuống giếng và không được nói chuyện với bất cứ một ai. Cho đến khi Hà Túc Đạo của phái Côn Luân vào Trung Nguyên tấn công phái Thiếu Lâm, Trương Quân Bảo – đệ tử nấu nước pha trà cho sư Giác Viễn – đã dùng La Hán quyền đánh thắng Hà Túc Đạo. Giới luật viện của phái Thiếu Lâm chẳng

những đã không khen ngợi Trương Quân Bảo mà còn ra lệnh cho quân tăng bắt giữ Trương Quân Bảo và sư Giác Viễn vì nghi ngờ cả hai thầy trò đã học lén võ công. Túng thế, Giác Viễn đại sư đã dùng hai thùng gánh nước “múc” một bên chú bé Trương Quân Bảo, một bên cô gái Quách Tường, vượt trùng vây chạy trốn. Giữa đêm thanh trên núi cao, nhà sư ngồi đọc thuộc lòng *Cửu dương công* – một pho võ công thượng thặng mà ông chỉ tưởng là kinh Phật cho đến khi kiệt sức, viên tịch. Trương Quân Bảo nghe được một ít; Quách Tường nghe được một ít; Vô Sắc đại sư của chùa Thiếu Lâm cũng nghe được một ít. Trương Quân Bảo lên núi Võ Đang tu theo Đạo giáo lập ra phái Võ Đang; Quách Tường lên núi Nga Mi tu theo Phật giáo lập ra phái Nga Mi; cả ba phái Thiếu Lâm, Nga Mi và Võ Đang đều lấy *Cửu dương công* làm nền tảng võ thuật sau này!

Cũng trong *Ý thiên Đồ long ký*, các đệ tử phái Võ Đang đọc được dòng chữ “Môn hộ hữu biến, kích tu thanh lý” (cửa ngõ có kẻ phản bội, phải nhanh chóng bài trừ) bên cạnh tử thi của người đệ tử thứ bảy tên là Mạc Thanh Cốc. Lập tức, người đệ tử thứ nhì là Dư Liên Châu mở cuộc điều tra và phát hiện ra Tống Thanh Thư, con trai của đại sư huynh Tống Viễn Kiều, đã học võ công thâm độc của phái Nga Mi, lại đi dòm lén phòng ngủ của các nữ đệ tử phái Nga Mi, bị Mạc Thanh Cốc bắt gặp nên y đã giết Mạc Thanh Cốc để bịt miệng. Dư Liên Châu đã thi hành bản án “thanh lý môn hộ” cho phái Võ Đang ngay trong sân chùa Thiếu Lâm: dùng Lục hợp kinh bẻ gãy hai tay và dùng song quyền đánh vỡ

xương sọ của phản đồ Tống Thanh Thư. Trương Vô Kỵ cứu chữa cho Thanh Thư, đưa y về phái Võ Đang. Sau khi nghe Dư Liên Châu phúc bẩm lại tội lỗi của Tống Thanh Thư, Trương Tam Phong (tức Trương Quân Bảo) giết luôn Tống Thanh Thư và cách chức cả Tống Viễn Kiều vì tội không biết dạy con để con làm những điều phi nhân, phi nghĩa.

Có những hào sĩ giang hồ không ở một môn phái, tôn giáo, bang hội nào nhưng ỷ mình võ công cao cường, luôn gây ra tội ác. Trong trường hợp đó, luật giang hồ cũng được thực thi rất sòng phẳng và tất nhiên, nhân vật chấp pháp và thi hành án là người tốt, nhân danh cái tốt để trừng trị cái xấu. Đó là trường hợp Bất Giới đại sư trừng trị gã Diên Bá Quang trong *Tiểu ngạo giang hồ*. Diên Bá Quang là một tên dân tộc, chuyên hãm hại lương gia phụ nữ nổi tiếng với 14 chữ “Giang dương đại đạo thái hoa dân tộc vạn lý độc hành khoái đao” Diên Bá Quang. Một ngày nọ, hần rình mò bên ngoài nhà một tiểu thư khuê các. Bất Giới hòa thượng đến gặp cha mẹ cô tiểu thư, bàn kế bắt và trừng trị Diên Bá Quang. Đêm ấy, vị hòa thượng nằm ngủ trong phòng cô tiểu thư, quả nhiên đến khuya thì Diên Bá Quang đến giờ trò hái hoa. Bất Giới bắt được hần và khởi càn tố tụng gì sất, nhà sư bèn xuyên vào bộ phận sinh dục của hần hai mũi tỳ tiễn, điểm đủ bảy trọng huyết, cạo đầu hần buộc hần phải làm sư rồi đặt pháp danh cho hần là Bất Khả Bất Giới (không thể không giới hạn). Cách thi hành án rừng rợn như vậy khiến Diên Bá Quang không thể gian dân được nữa, cũng không thể chạy mau như kiểu vạn lý độc hành trước đây.

Quả nhiên, sau bản án này, Diên Bá Quang trở thành người tốt, một người tốt không làm ăn được gì!

Thủ tục tố tụng hình sự theo luật giang hồ phân biệt rõ rệt người trong môn phái và người ngoài môn phái; người biết luật và người không biết luật. Người trong môn phái đương nhiên phải biết luật nên chịu thi hành án nặng hơn; người ngoài môn phái không biết luật nên thường được coi là vô tội, đôi khi chỉ bị hình phạt nhẹ nhàng. Trong *Lục mạch thần kiếm truyện* nhà sư Tam Tĩnh phạm tội bỏ chùa đi chơi, ăn mặn, uống rượu, giết bạn đồng môn Thiếu Lâm; được một kẻ ngoại đạo là Du Thản Chi công chạy trốn. chùa Thiếu Lâm bắt được cả hai, đem về trị tội; nhét Tam Tĩnh vào trong trụ đá đến nỗi y bị gãy xương sườn; tha Du Thản Chi khỏi hình phạt nhét trụ đá, chỉ buộc y gánh phân, tưới rau.

Người Trung Quốc yêu đạo Nho cho nên vẫn muốn thể hiện cái gọi là phong cách quân tử rõ ràng, công khai, thẳng thắn. Ngay trong thủ tục tố tụng hình sự theo luật giang hồ, cái chất “quân tử Tầu” đó cũng được ca ngợi: môn phái, bang hội, tôn giáo nào dám nói rõ cái xấu, cái tội lỗi của mình ra thì được những người khác ca ngợi. Và trong trường hợp này, luật pháp được thực thi đến nơi đến chốn dù điều đó có làm cho môn phái, tôn giáo, bang hội mình phải mang nỗi nhục trước nhiều người chứng kiến. Trong *Lục mạch thần kiếm truyện*, Kim Dung kể chuyện chùa Thiếu Lâm thi hành kỷ luật đối với Hư Trúc, một nhà sư trẻ phạm vào các tội ăn mặn, uống rượu, ngủ với phụ nữ, mất hết võ công phái Thiếu Lâm lại đi làm đệ tử phái Tiêu Dao, trở thành cung chủ cung Linh Thứu.

Hư Trúc phải chịu đánh 100 côn và bị đuổi ra khỏi phái Thiếu Lâm trước sự chứng kiến của quần chúng các môn phái khác. Huyền Từ phương trượng là người đứng ra chủ trương việc thi hành án đó. Thế nhưng khi kéo quần của Hư Trúc xuống (để y chịu thụ hình), nhờ có một dấu hiệu đặc biệt trên da, Diệp Nhị Nương mới biết đó là đứa con lưu lạc của mình và Huyền Từ phương trượng! Như vậy Huyền Từ phương trượng đã phạm vào giới dâm và điều ấy làm cho cả phái Thiếu Lâm đau xót, vừa xấu hổ. Nhưng để thể hiện phong cách quân tử minh bạch, Kim Dung đã để cho Huyền Từ đồng dạng ra lệnh phạt Hư Trúc – con trai mình – đúng 100 côn rồi tự cởi áo ra nằm xuống, ra lệnh cho chấp pháp tăng đánh mình 200 trăm côn. Phương trượng phải chịu phạt nặng gấp đôi đệ tử! Chẳng những đã nặng gấp đôi về số lượng, Huyền Từ còn phải chịu nặng hơn Hư Trúc về “chất lượng”: bọn chấp pháp tăng đánh Huyền Từ côn nào côn nấy ra trò. Họ sợ đánh nhẹ là bị quần hùng chứng kiến chê cười môn qui giới luật không nghiêm. Thụ hình xong 200 côn, Huyền Từ đứng dậy không nổi. Nhà sư đã tự vận kinh mạch mà chết để bảo vệ sự trong sáng cho phái Thiếu Lâm!

Ưu điểm cao nhất của luật tố tụng hình sự theo luật giang hồ là truy bắt, nghị án, ra bản án và thi hành án rất nhanh. Các phiên xử luôn luôn không có luật sư bào chữa, quyền lượng hình thuộc về người chấp pháp. Cơ sở thi hành án là đạo lý làm người, không căn cứ vào pháp lý của quốc gia. Những bản án của luật giang hồ được thực hiện công khai; không một ai có thể dùng tiền, dùng quyền, dùng thân thế để mua chuộc các vị chấp pháp. Những bản

án bất thành văn đó hiện ra đều khắp trong 12 bộ tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung; có những bản án nồng nàn đau đớn như bản án dành cho Huyền Từ phương trượng. Đọc Kim Dung, ta thấy được một điều sáng khoái: công lý tự nhiên và đạo lý làm người được tôn trọng triệt để. Đó cũng là khát vọng chung, rất nhân bản của các nền pháp luật trên toàn thế giới.

Chương XV.

Những vụ án oan trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung

Án oan thì bao giờ chẳng có. Ngay trong những xã hội có nền pháp luật tiên tiến nhất, với sự giúp đỡ của những phương tiện khoa học kỹ thuật điều tra tinh vi nhất, vẫn có những kết luận sai lầm của người chấp pháp, tạo ra những vụ án oan, hướng chỉ trong tiểu thuyết. Khi viết tiểu thuyết, nhà văn Kim Dung đã khẳng định rằng: “Tiểu thuyết là viết cho con người hiện đại đọc. Kể cả tôi cũng là con người hiện đại”. Điều đó có nghĩa là dù lấy bối cảnh là những triều đại lịch sử Tống, Nguyên, Minh, Thanh, nhưng tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung chủ yếu là phản ánh về xã hội Trung Quốc hiện đại, đặc biệt là những vụ án oan. Có lẽ Kim Dung đau niềm đau của hàng triệu người Trung Hoa trước những oan khuất mà họ phải gánh chịu qua những giai đoạn lịch sử khác nhau.

Kim Dung xây dựng bộ *Liên thành quyết* trên nền tảng một câu chuyện oan ức có thật của Hòa Sinh, một lão bộc trong gia

đình tác giả, đã từng công tác giả đi học. Thuở đôi mươi, Hòa Sinh đi làm mướn trong một gia đình đại địa chủ ở huyện Đơn Dương, tỉnh Giang Tô. Anh đã hứa hôn với một cô gái quê xinh đẹp. Thế nhưng, con của gã địa chủ cũng đem lòng yêu thương cô gái và hấn quyết tâm chiếm cho được cô gái đó. Trong một đêm cận Tết, khi Hòa Sinh đang giả bột thì nghe có tiếng người tri hô bắt trộm. Hòa Sinh chạy tới tiếp ứng nhưng khi đến nơi thì anh bị đám gia đình chặn đánh túi bụi, vu cáo anh là đầu đảng bọn trộm. Lung anh bị đá gãy. Người nhà của gã địa chủ còn tìm ra nhiều vàng bạc giấu gần cối xay. Anh bị giải lên quan, kêu oan không nổi, đành phải nhận chịu tội ăn trộm. Ở tù hai năm, anh mới hay cô gái xinh đẹp đã trở thành vợ lẽ của con trai gã địa chủ.

Khi ông nội của Kim Dung về làm huyện lệnh chính đường Đơn Dương, ông cho tra cứu lại các vụ hình án, thấy được sự oan khuất của Hòa Sinh bèn thả Hòa Sinh ra. Hòa Sinh xin vào làm người giúp việc trong nhà Kim Dung và kể cho Kim Dung nghe vụ án oan của mình. Xúc động từ nỗi oan của Hòa Sinh, năm 40 tuổi, Kim Dung viết bộ *Liên thành quyết*. Trong tác phẩm này, nhân vật Dịch Vân thương yêu cô sư muội Thích Phương, con gái của sư phụ Thích Trường Phát. Bị cha con Vạn Chấn Sơn vu cáo, Dịch Vân phải vào tù chịu một vụ án oan và Thích Phương trở thành vợ của Vạn Khuê, con trai Vạn Chấn Sơn. Dịch Vân phải mang nỗi oan khuất đó suốt mười mấy năm, cho đến khi Thích Phương sắp chết, anh mới giải thích được cho cô nghe nỗi oan khuất của mình.

Có lẽ vụ án oan của Hòa Sinh tạo ra những ấn tượng lớn trong tâm hồn Kim Dung cho nên trong bất kỳ bộ tiểu thuyết nào, ông cũng xây dựng những tình huống oan khuất và cho nhân vật trung tâm của mình phải gánh chịu những oan khuất đó. Trong *Ý thiên Đồ long ký*, nhân vật Trương Vô Ky 20 tuổi, giáo chủ của Minh giáo Trung Hoa, con trai của Trương Thúy Sơn – đệ tử thứ năm của phái Võ Đang, bị nghi oan là đã giết chết vị sư thúc Mạc Thanh Cốc. Sở dĩ phái Võ Đang nghi oan Trương Vô Ky bởi vì anh là giáo chủ Minh giáo, đạo mà phái Võ Đang gọi là Ma giáo, và bởi vì anh là bạn của Triệu Minh, quận chúa Mông Cổ, kẻ thù lớn nhất của võ lâm Trung Hoa và phái Võ Đang. Người đệ tử thứ hai của phái Võ Đang là Dư Liên Châu căn cứ vào câu di chúc viết bằng máu của Mạc Thanh Cốc: “Môn hộ hữu biến, kích tu thanh lý” và cho rằng Mạc Thanh Cốc ám chỉ Trương Vô Ky. Chàng trở thành kẻ thù của phái Võ Đang. Những bước thăng trầm của Trương Vô Ky khiến người đọc phải hồi hộp, lo lắng hộ chàng. Chỉ đến khi Trương Vô Ky điểm huyết được bọn Dư Liên Châu, tạo điều kiện cho những đệ tử Võ Đang nghe được chính miệng của Tống Thanh Thư, con trai người đại đệ tử Tống Viễn Kiều, kể lại thủ đoạn hãm học võ của phái Nga Mi và giết sư thúc Mạc Thanh Cốc trong trường hợp nào thì các đệ tử của phái Võ Đang mới hết nghi ngờ Trương Vô Ky và nỗi oan của anh mới được rửa sạch.

Lệnh Hồ Xung trong *Tiểu ngạo giang hồ* cũng là một trường hợp hàm oan trầm trọng, và chỉ có cơ may của số phận mới cứu được mạng sống của chàng. Lệnh Hồ Xung bị sư phụ Nhạc Bất

Quần vu cáo là đã ăn cắp bộ *Tịch tà kiếm phổ* của dòng họ Lâm ở Phúc Châu, giết bạn đồng môn là Lục Đại Hữu, kết giao với bọn Ma giáo là dân tộc Diên Bá Quang. Nhạc Bất Quần còn gửi thông tri đi khắp các môn phái báo tin đã đuổi Lệnh Hồ Xung ra khỏi phái Hoa Sơn và nhờ các hào sĩ giang hồ ra tay giết họ tên phản bội Lệnh Hồ Xung. Sự thực thế nào? Chính Nhạc Bất Quần đã chiếm đoạt bộ *Tịch tà kiếm phổ*; Lao Đức Nặc đã giết Lục Đại Hữu; mối giao tình giữa Lệnh Hồ Xung và Diên Bá Quang chỉ là sự cảm phục phẩm chất thẳng thắn, trình độ uống rượu mà thôi. Nhạc Bất Quần trút lên đầu Lệnh Hồ Xung nỗi oan khuất to lớn đó với mục đích duy nhất là nhờ giang hồ hảo hán giết họ tên đại đệ tử của mình để lão yên tâm luyện *Tịch tà kiếm phổ*, leo lên địa vị mình chủ võ lâm Trung Hoa.

Kiều Phong trong *Thiên Long bát bộ* tức *Lục mạch thần kiếm truyện* mới là trường hợp bi đát nhất. Ông vốn là người nước Khiết Đan (Liêu Quốc) bị đưa về Trung Quốc từ thuở còn nằm nôi, lớn lên ở Trung Quốc và trở thành bang chúa Cái bang, một tổ chức yêu nước và tích cực chống xâm lược Khiết Đan. Một bọn đệ tử Cái bang phản loạn đã công bố lý lịch của Kiều Phong; ông mất ngôi bang chúa, trở thành kẻ thù của quần hùng Trung Quốc. Ông bị vu cáo là bọn Khiết Đan nằm vùng chờ cơ hội dằng Trung Hoa cho đế quốc Khiết Đan. Đau xót vì trời đất Trung Hoa mệnh mông mà không thể tìm ra một nơi để sống, Kiều Phong ra ngoài Nhạn Môn Quan, mong sống cuộc đời du mục săn chồn đuổi thỏ, sám hối những hành động chống Khiết Đan của mình ngày xưa. Nhưng

cơ duyên đã đưa đẩy ông cứu được Gia Luật Hồng Cơ, hoàng đế của Khiết Đan. Hồng Cơ phong ông làm Nam viện đại vương và ra lệnh cho ông đem 20 vạn quân tiến qua Nhạn Môn Quan, đánh tràn xuống Lạc Dương để tận diệt triều Tống! Kiều Phong nghĩ đến chuyện trăm họ lầm than, nghĩ đến miếng cơm manh áo người Trung Hoa đã nuôi mình nên người, nên ông chống lệnh hành quân. Gia Luật Hồng Cơ ra lệnh bắt nhốt ông, chụp cho ông chiếc mũ “tư thông với Hán tặc, phản bội Liêu quốc”. Con người ngay thẳng, nhân hậu ấy cuối cùng phải tìm một khát vọng tự do bị thâm: bẻ đôi mũi tên chó sói, tự tử ngay tại Nhạn Môn Quan, sau khi đã xin Gia Luật Hồng Cơ một lời hứa vĩnh viễn đừng xâm lăng Trung Quốc. Cái chết đó đồng thời cũng là một lời tạ tội với Hồng Cơ và hàng triệu đồng bào Khiết Đan của mình.

Thạch Phá Thiên trong *Hiệp khách hành* bị vu cáo là kẻ gây ra những vụ án cường dâm, giết người ở phái Tuyết Sơn vì tương mạo của chàng giống như đúc người anh ruột của mình là thủ phạm Thạch Trung Ngọc; Quách Tĩnh trong *Xạ điêu anh hùng truyện* bị các thầy của mình nghi ngờ là Hán gian làm gián điệp cho quân Mông Cổ; Dương Qua trong *Thần điêu hiệp lữ* bị vu oan là kẻ bắt cóc em bé Quách Tường và thỏa hiệp với giặc Nguyên xâm lược... Những nhân vật của Kim Dung đã trải qua thiên ma bách chiết mới được minh oan, rửa nhục, lấy lại phẩm giá tươi đẹp của con người.

Kim Dung xây dựng những vụ án oan với một bút pháp tinh tế, một kỹ thuật tiểu thuyết xuất sắc. Ông dựng lên những hiện

trường giả, những hồ sơ giả, những suy đoán thoát nghe thì rất hợp lý, nhưng thực sự rất phi luận lý, tạo điều kiện cho những nhân vật phản diện kết án oan một con người. Tất nhiên bọn họ cũng nhân danh pháp luật quốc gia, chủ nghĩa Hán tộc, đạo lý làm người, tinh thần yêu nước... Rồi tác giả lật ngược vấn đề, chứng minh cho độc giả thấy toàn bộ các dữ kiện ấy chỉ là nguy tạo để những nhân vật chính nhân quân tử của ông sáng lên rực rỡ giữa những kẻ đạo đức giả và những dữ kiện nguy tạo trên. Rồi, đúng như mô thức tiểu thuyết phương Đông, cái hậu ngọt ngào đến ở cuối cùng tác phẩm: Dịch Vân trở về với tình yêu của Thủy Sinh; Trương Vô Kỵ kẻ lông mày cho Triệu Minh; Lệnh Hồ Xung “tiểu ngạo giang hồ” với Doanh Doanh; Thạch Phá Thiên trở về với A Tú... Chỉ có Kiều Phong để lại giọt lệ vĩnh viễn trong lòng người: xác ông vùi dưới hố sâu của Nhạn Môn Quan, dù nỗi oan khuất đã được rửa sạch.

Chương XVI.

Lam Phương Hoàng

Lam Phương Hoàng là một “nữ bác sĩ” được xây dựng trong *Tiểu ngao giang hồ* của nhà văn Kim Dung. Cô vốn là người thuộc dân tộc Miêu Cương, vùng Vân Nam của lãnh thổ Trung Hoa, giáo chủ của Ngũ độc giáo. Nghe tiếng chàng trai Lệnh Hồ Xung đa tình trở thành tình nhân của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, Lam Phương Hoàng dẫn một bọn nữ đệ tử, vượt dòng Hoàng Hà tìm Lệnh Hồ Xung.

Gặp nhau trên Hoàng Hà, Lam Phương Hoàng chẩn bệnh cho Lệnh Hồ Xung ngay và biết chàng trai này mất rất nhiều máu, lại bị mất hết công lực do bị nội thương trầm trọng. Viên “nữ bác sĩ” hoang dã này đã thực hiện phép truyền máu cho Lệnh Hồ Xung: kêu bọn nữ đệ tử đến, vén váy lên đặt đĩa vào cho đĩa hút máu rồi lấy dụng cụ gấp từng con đĩa ấy đặt vào tĩnh mạch Lệnh Hồ Xung, thoa một chút thuốc vàng vào thân đĩa để đĩa nhả máu ra. Quả nhiên sau khi được tiếp máu, sắc mặt Lệnh Hồ Xung hồng hào hẳn lên.

Tác giả Kim Dung đã mô tả hình dạng viên “nữ bác sĩ” này khá đẹp, mặc chiếc áo màu lam có in hoa trắng sắc sỡ, nụ cười quyến rũ và tiếng nói thánh thốt khiến ai nghe qua cũng phải rung động. Cô gọi Lệnh Hồ Xung mà những tên nam đệ tử khác của phái Hoa Sơn cứ ngỡ cô gọi mình; tìm họ đáp thỉnh thích trong lồng ngực! Cho đến khi nhìn thấy mấy chục cặp đôi trắng đẹp của bảy tiên nữ Ngũ độc giáo thì cả bọn hả hộng, lú lười.

Tác giả cũng nhấn mạnh người Miêu Cương không như người Trung Nguyên, muốn làm gì thì làm, muốn nói gì thì nói, không phải e dè, che giấu. Sau khi truyền máu, Lam Phượng Hoàng mời Lệnh Hồ Xung uống rượu Ngũ tiên đại bổ. Ngũ tiên là năm loại trùng độc. Tất cả được Lam Phượng Hoàng tự tay ngâm rượu, lại ướp vào đó nhiều loại dược thảo khác nên rượu khá thơm tho. Lam Phượng Hoàng đem Ngũ tiên đại bổ mời Lệnh Hồ Xung uống trong khi cả phái Hoa Sơn đều từ chối. Và do vậy, dưới con mắt của Lam Phượng Hoàng, chỉ có chàng trai Lệnh Hồ Xung mới xứng đáng là nam tử hán, là người bạn tốt.

Tuy không nói rõ ý định, nhưng tự thâm tâm, Lam Phượng Hoàng chỉ mong Lệnh Hồ Xung gọi mình là “hảo muội tử”. Lệnh Hồ Xung đã đọc trong đôi mắt cô niềm ao ước đó. Anh cất tiếng gọi cô “hảo muội tử” làm cô sướng mê đi bởi với người Trung Nguyên, “hảo muội tử” chỉ là em gái, nhưng đối với người Miêu Cương thì đó là tiếng gọi tình nhân!

Lam Phượng Hoàng ra đi, cả phái Hoa Sơn nồn mửa thốc tháo, trừ chàng Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung đã uống “Ngũ tiên đại

bổ” của cô, không trúng độc, còn những người không uống thì bị trúng độc. Chẳng hiểu cô đã phóng độc trong trường hợp nào. Thật chẳng hổ danh giáo chủ Ngũ độc giáo!

Sau này khi lên gò Ngũ Bá Cương bắt mạch cho Lệnh Hồ Xung, đại phu Bình Nhứt Chỉ khám phá ra trong người của chàng lại dư khí âm hàn do được truyền máu và uống rượu bổ của Ngũ độc giáo. Bình Nhứt Chỉ đã mật sát Lam Phượng Hoàng, gọi Lam Phượng Hoàng là lang băm và cho rằng trên đời này, người ta chết vì lang băm còn nhiều hơn là chết vì bệnh tật. Quan điểm của Bình Nhứt Chỉ thật ra cũng chính là quan điểm của tác giả Kim Dung. Ông quan niệm y học, y thuật và y đạo là những cái mà không phải ai cũng có thể làm được. Những người coi thường tính mạng con người, chữa bệnh theo kiểu thầy bói mù sờ voi thì chỉ có thể là những kẻ hại người, không thể khoác tấm áo cao quý của người thầy thuốc chân chính. Lời cảnh giác đó rất cần thiết cho mọi xã hội, mọi thời đại, kể cả xã hội và thời đại mà chúng ta đang sống.

“Nữ bác sĩ” Lam Phượng Hoàng thật ra chỉ chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung theo phương pháp ngẫu hứng. Trong lòng cô mong được gặp mặt chàng trai đa tình ấy, được chàng gọi ba tiếng “hảo muội tử”, được hôn chàng một lần trước mặt Nhạc Bất Quần và bọn đệ tử phái Hoa Sơn trên con thuyền giữa Hoàng Hà là đã đủ để nổi tiếng với đời. Cô vốn là một cô gái Miêu Cương đa tình và nhiều tò mò. Thế thôi. Cô biết Lệnh Hồ Xung đâu đến được với mình, bởi chàng là người tình của Doanh Doanh, mà Doanh Doanh lại là Thánh cô của cô. Trong cách dùng thuốc của Lam Phượng

Hoàng lấp lánh một chút tình yêu đầu đời lãng mạn. Tiếp máu, rượu bỏ chỉ là cái cớ. Cái chính là được gặp, được nhìn, được nói chuyện và được hôn Lệnh Hồ Xung. Ai nói thầy thuốc trên đời này không biết yêu và không biết vượt ngàn trùng đến hội ngộ với người mình thầm yêu trộm nhớ? Lam Phượng Hoàng là một “nữ bác sĩ” sống rất người, rất chân thật, xứng đáng là một thầy thuốc có được hai trái tim (?).

Chương XVII.

Đại phu Bình Nhứt Chỉ

Bình Nhứt Chỉ là một loại hình nhân vật quái dị, xuất hiện ba lần, cộng khoảng 15 trang trong bộ *Tiểu ngao giang hồ* của nhà văn Kim Dung, nhưng người thầy thuốc này đã để lại trong tôi những ấn tượng sâu đậm.

Kim Dung ca ngợi nhân vật của mình là Đại phu – tước hiệu một chức quan lớn có từ thời Xuân thu – Chiến quốc. Tên của nhân vật là Bình Nhứt Chỉ, ngoại hiệu của nhân vật là Sát nhân danh y. Tuy gọi là Nhứt Chỉ (một ngón tay) nhưng Sát nhân danh y Bình Nhứt Chỉ vẫn đầy đủ cả 10 ngón tay. Cả cái tên và cái ngoại hiệu có ý phô trương tài năng của nhân vật: Bình Nhứt Chỉ cứu người hay giết người chỉ cần dùng đến một ngón tay là đủ. Nói cách khác, võ công và y thuật của nhân vật này đã đạt đến trình độ thông thần.

Bình Nhứt Chỉ là người thuộc phủ Khai Phong, lưu vực sông Hoàng Hà. Tướng mạo của nhà danh y này thật cổ quái: “Người lùn mập cao không tới bốn thước mà lưng lại rộng gần tới bốn

thuốc. Cái đầu cực lớn, dưới hàm lại có túm râu như râu chuột”. Ngược lại với Bình Nhứt Chỉ, vợ của nhà danh y lại cao lêu nghêu, mặt dài như tấm thớt và trắng bệch, lông mày thưa rảnh. Vợ của nhà danh y chính là y tá chuyên bung mâm đựng dụng cụ mổ phục vụ cho danh y trong các ca đại phẫu.

Đúng như ngoại hiệu của mình, Bình Nhứt Chỉ cứu một người nào thì ông ta đồng thời ra lệnh cho người ấy đi giết một người khác. Bình Nhứt Chỉ quan niệm rằng Diêm vương là một nhân vật sáng suốt, nếu cứ cứu cho người sống hết mà chẳng để cho ai chết đi thì Diêm vương ắt phải rất bực mình vì không đủ “chỉ tiêu”. Cho nên Bình Nhứt Chỉ ra lệnh cho bệnh nhân của mình đi giết một người khác – thường là kẻ tàn ác – là một cách bảo đảm túc số cho Diêm vương. Nói thì nói như vậy nhưng trong suốt tác phẩm *Tiểu ngạo giang hồ*, Bình Nhứt Chỉ vẫn là một ông thầy thuốc hiền lành, chẳng ra lệnh cho ai đi giết hại ai cả.

Ca phẫu thuật mà ta bắt gặp trong tác phẩm là ca Bình Nhứt Chỉ mổ và nối lại tâm mạch cho Đào Thực Tiên trong nhóm Đào Cốc lục tiên, Đào Thực Tiên bị Ninh Trung Tắc, vợ của Nhạc Bất Quần, đâm cho một kiếm trí mạng, đứt cả tam âm lục mạch. Bình Nhứt Chỉ đã mổ ruột Đào Thực Tiên, nối lại tâm mạch, chẳng những làm cho y khỏe mạnh lại hoàn toàn mà còn bảo đảm cho y vẫn giữ được võ công và nội công như lúc chưa bị thương. Với sự trợ giúp của bà vợ, viên thầy thuốc có những ngón tay to như trái chuối này khâu vết thương cho bệnh nhân thuần thục như một cô gái sử dụng kim khâu. Y thuật của Bình Nhứt Chỉ cao cường đến nỗi khâu

xong vết thương, bệnh nhân đã có thể ngoác miệng ra mà... cái lộn được!

Thế nhưng, có một ca mà Bình Nhút Chỉ không thể chữa được. Đó là ca bệnh Lệnh Hồ Xung. Biết Lệnh Hồ Xung là người tình của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, bọn hào sĩ hắc đạo hiếu sự mời Bình Nhút Chỉ đến thăm mạch cho chàng. Trên con thuyền đậu ở bến Khai Phong, Bình Nhút Chỉ dùng đủ 10 ngón tay để thăm mạch cho Lệnh Hồ Xung, nói trúng phong phốc trong con người chàng có bảy luồng chân khí dị chủng đang tranh đấu nhau và tâm hồn thì rất bạc nhược vì thất tình. Bình Nhút Chỉ khuyên bệnh nhân của mình cứ bốn món: không nghĩ đến gái, không đánh lộn, không cãi vã, không uống rượu. Theo Bình Nhút Chỉ, đàn bà là một cái gì vô vị nhất trên đời! Có lẽ khi lão phát biểu điều ấy, lão nghĩ đến vợ mình!

Bình Nhút Chỉ tạm xa Lệnh Hồ Xung để mời bảy tay đại cao thủ tham gia hóa giải bảy luồng chân khí, kết hợp với y thuật của Bình Nhút Chỉ, khả dĩ làm cho Lệnh Hồ Xung lành mạnh như xưa. Thế nhưng Lệnh Hồ Xung bị Nhạc Linh San phụ bạc, hàng ngày lại phải chứng kiến cái cảnh Nhạc Linh San âu yếm với Lâm Bình Chi; lại bị Tổ Thiên Thu dẫn dụ uống tám viên Tục mệnh bát hoàn gồm những dược liệu linh chi, nhân sâm, hà thủ ô... chỉ dành cho con gái uống; lại được Lam Phượng Hoàng mời uống rượu Ngũ tiên đại bổ của Ngũ độc giáo Vân Nam...

Gặp nhau lần thứ hai, trên gò Ngũ Bá Cương, Bình Nhút Chỉ đã phóng cước đá bay những tay lang băm được mời về thăm bệnh

cho Lệnh Hồ Xung. Bắt mạch cho Lệnh Hồ Xung, Bình Nhút Chỉ khám phá ra tâm thần của bệnh nhân hoàn toàn bạc nhược, lại dư khí âm hàn chỉ vì uống lộn thuốc của phụ nữ, chẳng khác nào sông Dương Tử, sông Hoàng Hà đã đầy nước, lại khơi thêm cho nước hồ Bàn Dương, hồ Động Đình chảy vào để biến thành ngập lụt. Bình Nhút Chỉ cũng báo tin Giang Phi Hồng, một cao thủ được mời chữa bệnh nội thương cho Lệnh Hồ Xung đã vung kiếm tự tử vì nghe tin Lam Phượng Hoàng – người mà y theo đuổi bấy lâu nay – đã mời rượu và ôm hôn Lệnh Hồ Xung. Viên thầy thuốc này thú nhận là không thể chữa trị cho Lệnh Hồ Xung được nữa. Ứng dụng nguyên tắc cứu một người thì phải giết một người, nay cứu Lệnh Hồ Xung không được, Bình Nhút Chỉ phải tự giết mình. Viên thầy thuốc đã vận đứt kinh mạch mà tự tử.

Bình Nhút Chỉ là con người huyền thoại trong những con người huyền thoại được xây dựng trong truyện võ hiệp của Kim Dung. Tác giả làm cho ta ngạc nhiên về y thuật, y đạo và lương tâm thầy thuốc của nhân vật này. Chỉ trong một khắc suy nghĩ về bệnh tình của Lệnh Hồ Xung mà mái tóc của Đại phu đã bạc màu, da mặt nhăn nheo như đã già đi mấy chục tuổi. Cái chết của Bình Nhút Chỉ thật sự là một cách nhận lấy trách nhiệm của người thầy thuốc có tấm lòng đối với cuộc sống, thể hiện phong cách của nhà nho, của kẻ sĩ trong triết lý Trung Hoa.

Chương XVIII.

Vấn đề dịch, đọc và in truyện võ hiệp Kim Dung

Trước hết, tôi xin xác nhận lại về mặt khái niệm để ta có cách gọi những tác phẩm tiểu thuyết của Kim Dung cho đúng. Có người nhầm lẫn với cách lảng xê câu khách của những nhật báo Sài Gòn trước năm 1975, gọi những tác phẩm tiểu thuyết của Kim Dung là *truyện võ hiệp kỳ tình Trung Hoa*. Thực ra, *khái niệm này để chỉ những tác phẩm võ hiệp ngắn hơi, xuất hiện trước năm 1964 trên báo chí Sài Gòn*; nội dung nó bao gồm võ hiệp kết hợp với một mối tình kỳ lạ nhằm hấp dẫn bạn đọc. Một tác phẩm (mà tôi đã quên mất tác giả) tiêu biểu cho khái niệm này là *Hỏa thiêu Hồng Liên tỵ* (đốt chùa Hồng Liên) kể chuyện hành hiệp của một hiệp sĩ cuối đời Thanh là Cam Tử Long và một cô gái chuyên mặc áo hồng, có ngoại hiệu là Hồng y nữ.

Loại tác phẩm “võ hiệp kỳ tình Trung Hoa” này cũng có những ưu điểm nhất định: ca ngợi hành động nghĩa hiệp giúp đời, ca ngợi tình yêu, phân định rõ bạn thù, góp phần giải trí cho đông

đạo bạn đọc... Nó là sản phẩm của một số nhà văn Đài Loan cho nên mới mang theo hai chữ “Trung Hoa”. “Võ hiệp kỳ tình Trung Hoa” cũng đồng thời mang theo những nhược điểm nhất định: đề cao chủ nghĩa anh hùng cá nhân vô tổ chức, nhiều chi tiết hoang đường, kết cấu tiểu thuyết đơn giản và tuân theo chủ nghĩa công thức sơ lược (ngay thẳng gian, thiện thắng ác, kẻ ác bị trừng trị, người thiện được hưởng hạnh phúc...). Chính mô thức này đã góp phần tạo nên những kịch bản phim quyền cước như: *Đường Sơn đại huynh*, *Triều Châu nô hán*, *Mãnh long quá giang*, *Mãnh sư cuồng nô*, *Tình vô môn...* đã một thời làm nên tên tuổi những Trần Tinh, Vương Vũ, Khương Đại Vệ, Lý Tiểu Long, Trần Quang Thái... và những Lý Lệ Hoa, Miêu Khả Tú, Thượng Quan Linh Phương, Bành Nghi...

Kim Dung không ở Đài Loan, ông làm Tổng biên tập tờ *Minh báo* Hồng Kông và tờ *Nam Dương thương báo* (Singapore); ngoài ra còn tổ chức tờ *Đông Nam Á chu san*. Ông phải nghĩ ra cách thu hút và giữ bạn đọc cho những tờ báo của mình và con đường mà ông chọn là viết *võ hiệp tiểu thuyết*. Truyện của ông được in ra cũng chỉ mang khái niệm “võ hiệp tiểu thuyết”; không hề dính dáng gì đến bốn chữ “kỳ tình Trung Hoa”. Kim Dung viết nhiều và viết khá thành công cho nên những nhà văn đương đại như Ngọa Long Sinh, Cổ Long, Nam Kim Thạch, Nhạc Xuyên... cũng chọn loại nội dung, đề tài này. Tuy nhiên, những tác phẩm của họ không thể sánh với những tác phẩm của Kim Dung, tất nhiên về mọi phương diện. Tôi nghĩ rằng sự sút kém đó là do những cái “vốn” của họ không phong phú như những cái “vốn” của Kim Dung.

Từ năm 1968, tác phẩm của Kim Dung được dịch và được in ra ở nhiều quốc gia có cộng đồng người Hoa sinh sống. Một số nhà văn cơ hội cũng ráng viết “võ hiệp tiểu thuyết”, cũng thụ danh Kim Dung để bán tác phẩm ra nước ngoài. Người đọc gọi đó là những *ngụy tác* (tác phẩm giả mạo) để phân biệt với *chân tác* (tác phẩm chân chính do Kim Dung viết ra). Ngay một vài tờ nhật báo ở Sài Gòn, do yêu cầu muốn câu khách, giật gân, đã chụp vội những ngụy tác đó dịch ra và đăng lên. Hẳn bạn đọc trên dưới 50 tuổi còn nhớ tên một dịch giả là ông T.L? Ông này “dịch” (hay bịa ra) những tiểu thuyết nhiều kỳ có nội dung rất dơ bẩn, hoang đường, tàn bạo; thỉnh thoảng đội lên cái mũ “nguyên tác của Kim Dung” và gọi đó là “tiểu thuyết võ hiệp kỳ tình Trung Hoa” để đánh lừa bạn đọc.

Phải nói một cách nghiêm túc rằng người có công giới thiệu những bộ võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung với bạn đọc Việt Nam đầu tiên là Tiền Phong Từ Khánh Phụng tiên sinh. Từ tiên sinh là người Hoa; nói, đọc và viết lưu loát Quan thoại và Việt ngữ. Bộ *Ỗ thiên Đồ long ký* đã được ông dịch và cho đăng nhiều kỳ trên báo khiến bạn đọc rất thích. Tuy nhiên, do cách câu khách của những ông chủ báo thời đó, cần phải đưa phụ nữ vào cho câu chuyện thêm giật gân nên từ tựa truyện nguyên tác *Ỗ thiên Đồ long ký* (chuyện về cây đao Đồ long và thanh kiếm Ỗ thiên) đã bị “diễn nôm” thành ra *Cô gái đồ long*. Cái tựa *Cô gái đồ long* cực kỳ vô nghĩa bởi qua câu chuyện, chẳng có cô gái nào giết được rồng hay giết được ông vua nào. Từ tiên sinh cũng đành phải chấp nhận cái

tựa đó (do chủ báo sửa lại). Trong tinh thần đó, bộ *Thần điêu hiệp lữ* được dịch và in với tựa *Thần điêu đại hiệp*.

Một dịch giả khác, dịch Kim Dung rất hay, vừa bám sát nguyên tác, vừa sáng tạo rất bay bướm là Hàn Giang Nhạn tiên sinh. Hàn Giang Nhạn tiên sinh có một chiều sâu về văn chương Việt Nam rất thâm hậu. Ông dịch các bộ *Tiểu ngao giang hồ*, *Lục mạch thần kiếm truyện*, *Tổ tâm kiếm* (tức *Liên thành quyết*), *Hiệp khách hành*, *Lộc Đình ký* hay một cách lạ lùng. Một là – những bài thơ được Hàn tiên sinh dịch ra cực kỳ thanh thoát, có cái hồn riêng; không kém gì những bài thơ dịch của Tản Đà, Trần Trọng Kim, Giản Chi tiên sinh... Thí dụ Hàn tiên sinh dịch bài *Khiển hoài* của Đỗ Mục:

*Lạc phách giang hồ tái tuyền hành
Sở yêu tương tế chương trung khinh
Thập niên nhất giác Dương Châu mộng
Đình đặc thanh lâu bạc hạnh danh.*

Thành ra:

*Lưu lạc giang hồ đã bấy lâu
Cùng người nhỏ bé ở bên nhau
Mười năm sự tình Dương Châu mộng
Mang tiếng trăng hoa nghĩ lại sầu.*

Vâng, tôi chưa thấy có bài thơ nào dịch *Khiển hoài* hay hơn bài này. Hai là – hệ thống ngôn ngữ, văn chương bình dân (ngay đến văn chương thóa mạ) vốn là “nghề” của bọn giang hồ hào sĩ cũng được Hàn tiên sinh dịch rất đặc, nâng cái *tục* trở thành cái

nhã, cái phi nghệ thuật trở thành nghệ thuật. Thí dụ nguyên tác viết "*súc sinh*" được dịch là "phương chó đẻ", nguyên tác viết "*ô qui thập bát đại*" được dịch là "mười tám đời quân rùa đen". Trong những văn cảnh như vậy, những cụm từ thóa mạ nằm đúng chỗ của nó, khiến người ta không còn thấy cái tục, cái dơ mà lại nhìn ra cái đẹp nghệ thuật trong sáng. Ngược lại, với những ngoại hiệu, tên thuốc, tên tác phẩm, tên chiêu thức, địa danh...; Hàn tiên sinh giữ y nguyên tác. Thí dụ: Trần tiền bát hùng, Thiên niên tuyết liên tử, Thanh tâm phổ thiện trú, Hàng long thập bát chuồng, Cầm long công, Hầu Giám tập, Tuyết Sơn phái... Ngay đến những tựa đề của tác phẩm cũng được giữ lại đúng nguyên tác. Văn chương của Hàn Giang Nhạn tiên sinh chải chuốt, đẹp nhưng không hề điệu bộ. Có thể nói cho đến hiện nay, dịch mảng văn học Trung Hoa không ai qua nhà thơ Hoài Vũ (Tổng biên tập báo Sài Gòn giải phóng Hoa ngữ) và dịch mảng võ hiệp tiểu thuyết chưa ai qua nổi Hàn Giang Nhạn.

Nếu có một điều cần bàn đến, thì theo tôi, các dịch giả truyện võ hiệp chưa kịp chỉnh lý lại những sơ sót trong nguyên tác, chưa mạnh dạn tước bỏ những đoạn rườm rà của nguyên tác. Chúng ta hiểu rằng cả tác giả và hai dịch giả vừa nói đều cần có đủ số chữ để đăng báo hàng ngày và khi cho in thành sách thì cả ở Hồng Kông và Việt Nam cũng in khá vội vàng, cứ cất báo ra mà in nên những sai sót đó vẫn còn khá phổ biến. Thí dụ, trong *Tiểu ngao giang hồ*, cả Kim Dung và Hàn Giang Nhạn đều cho Đại tung dương thủ Phí Bán của phái Tung Sơn chết đi rồi... sống lại. Thí dụ đoạn Vi Tiểu Bảo ngồi câu dím con rùa trong *Lộc Đình ký*,

đoạn phái Trường Lạc lên Ma Thiên Lãnh nhận cậu bé Cầu Táp. Chúng là Thạch Phá Thiên bang chúa trong *Hiệp khách hành*, đoạn Lệnh Hồ Xung bị Á bà bà bắt treo ngược, cạo đầu và định mài dao thiên... trong *Tiểu ngạo giang hồ* là những đoạn rườm rà cần phải cắt bỏ mà chẳng ảnh hưởng gì đến đại cục.

Văn chương Việt Nam có một ưu điểm là rất gần gũi với văn chương Trung Hoa, đặc biệt là những từ Hán - Việt vẫn giữ được ngữ nghĩa nguyên gốc cho nên đọc những tác phẩm Trung Hoa vẫn cảm thấy sướng hơn là đọc tác phẩm văn học Tây phương. Cả hai dân tộc cùng ở phương Đông, những suy nghĩ, ý niệm, tư duy của nhân vật; bối cảnh xã hội của câu chuyện cũng khá tương đồng. Kiểu tổ tình của A Châu đối với Kiều Phong ngoài Nhạn Môn Quan cũng có thể tìm thấy trong các cô gái Việt Nam với những tác phẩm của Tự lực văn đoàn. Chính vì vậy, đọc văn chương võ hiệp của Kim Dung, bạn đọc Việt Nam không sốc so với văn chương Tây phương. Tuy nhiên để đọc và hiểu được Kim Dung, tác phẩm võ hiệp tiểu thuyết cũng yêu cầu người đọc một trình độ cảm thụ văn chương và thông hiểu Hoa văn nhất định. Thí dụ khái niệm "*phương tiện*" vẫn được ta hiểu là những gì đem lại tiện nghi cho cuộc sống thì trong văn chương Kim Dung có nghĩa là "dung tha cho một người"; "*miễn cưỡng*" vẫn thường được hiểu là hưởng ứng nhưng không nhiệt tình lắm thì trong văn chương Kim Dung phải hiểu là "ép buộc"... Người đọc bắt buộc phải nhận ra những *Thái Sơn thập bát bàn*, *Hành Sơn vạn vụ áo biển thập tam thức*, *Thái sư thúc tổ*, *Tiểu diệt nhị*, *quân ni*, *quân hùng*, *quân*

tiên... mà không cần phải diễn nôm dài dòng (mà dẫu có diễn nôm cũng khó lột tả ngữ nghĩa).

Cũng do thiếu những ưu thế của Việt ngữ, tôi cho rằng những bản dịch tiếng Anh khó có thể đem lại cho người đọc Tây phương những cảm giác thú vị khi đọc tác phẩm Kim Dung, những cảm giác mà một người Việt Nam bình thường vẫn có rất đầy đủ. Tạp chí *Kinh tế Viễn Đông* (Far Eastern Economic Review) đã từng dịch *Xạ điêu anh hùng truyện* (truyện về người anh hùng bắn chim điêu) thành ra cái tựa *Eagles and Heroes*. Giả thiết bộ sách này được in ra và được một bạn say mê văn chương Anh Mỹ dịch thì ta sẽ nhận được một tựa đề *Những con ó và những người anh hùng*! Rõ ràng là con đường từ Hoa ngữ sang Việt ngữ vẫn sáng tỏ, chuẩn xác hơn là con đường Hoa ngữ sang Anh ngữ. Để minh họa vấn đề, tôi xin giới thiệu đoạn dịch sau đây của tạp chí *Kinh tế Viễn Đông*:

The Abbe

Autumn passed and winter came. The weather grew colder. One night, a strong northerly wind blew up, and the next morning the snow was falling heavily... Yang told his wife to invite their friends Guo and his wife over that evening, to drink and enjoy the snow scene with them. After lunch he set off with two bottle-gourds to Chew's inn to buy some wine, only to find the door bolted and barred and the inn-sign banner gone.

He trudged a couple of miles through the deep snow to Plum

Blossom Village, bought wine and a chicken, and returned home.

That afternoon, the three of them (Guo's wife did not stay – she was expecting a child, and the sight of food made her nauseous) sat drinking snugly inside the house... Suddenly they heard the muffled sound of footsteps coming from along the road east of the house, and then a strange-looking figure came into view – a Taoist priest wearing a long bamboo rain, which was already white with snow, with a long-sword strapped to his back, its yellow silk hilt – tassel fluttering in the wind. He was gliding swiftly across the snow, as if his feet were not even touching the ground.

"Excellent kung-fu!" cried Guo.

"What a regular-looking hero! We must think of some way of making this man's acquaintance!"

"Yes!" agreed Yang. "Why not invite him in for a drink?"

The two of them ran impulsively out into the snow. But by the time they had reached the door, the priest was already a hundred yards away... He was clearly another master of the advanced kung fu of "flying".

Guo and Yang looked at one another in amazement, then called after him:

"Abbe, won't you come in and stay a while!"

The priest stopped abruptly, turned and gave a barely perceptible nod.

"It is so cold outside, and the snow is thick on the ground",

Yang continued. "Won't you join us for a drink and warm yourself by the fire?"

At first the Taoist seemed to sneer at them. Then in a flash he was at the door.

"What's going on here?" he snapped coldly. "Come clean!"

"Truly!" protested Yang, finding the priest's suspicions a little ungracious. "We just saw you out there in the blizzard, and thought you might like to come in and have a drink with us".

"Just a drink, is it?" the priest almost shouted. "Very well! Here I come!" With a supercilious twitch of the eyebrows, he strode in.

Yang found the priest's behavior more than eccentric — he thought it downright rude. He reached out his hand and seized him by the left wrist, intending to throw him out into the snow again. He felt the priest's wrist wriggle through his fingers like a fish. He began to have second thoughts and was about to step aside, when the priest twisted his own hand round and seized Yang's wrist in turn. The pain was excruciating, as if his whole hand had been caught in a vice...

Guo could see that his friend was in trouble, and tried to placate the priest:

"Please be seated, Your Reverence!"

The priest let out with a snort and, letting go of Yang's wrist, walked haughtily to the table. "You two are obviously Shandong

fellows – your accents betray you. And simple country folk would hardly know kung fu”.

Yang was now both angry and humiliated. He went into his room, took a dagger from a drawer and hid it in his gown before returning to the dining table. He filled three cups of liquor and emptied one of them himself, all in total silence.

The Taoist priest just sat there, sneering slightly and staring out at the snow, neither drinking nor speaking. Guo could tell from his expression that he suspected poison in the liquor. So he took the priest's cup himself and drained it, saying: “The wine is cold. Allow me to pour you a fresh cup, Your Reverence”.

He filled another cup, and this time the priest drained it dry, saying: “Even if you did put a potion in the drink, it would do me no harm”. Yang could contain himself no longer.

“Why should we want to do you any harm? If you must insist on being so rude, I must insist on asking you to leave!”

The priest paid him no attention, but instead helped himself from the jug. He consumed three cups, then threw his bamboo hat and rain to the ground. His hosts now had a chance to observe him properly. He was a man in his 30s, with thick brows, a florid complexion, broad features and a piercing gaze. They watched him untie a leather bag from his back and empty its contents onto the table.

Tôi xin phép bạn đọc có một vài lời bàn về cách dùng từ. Chữ “abbe” có thể dịch là “chân nhân”. Nhưng khái niệm “Taoist priest”

thì phải dịch là “đạo sĩ”. Chữ “Tao” trong tiếng Anh là phiên âm của chữ “Đạo” trong Trung văn (Tao to king: Đạo đức kinh); vậy thì bản thân “Taoist” đã là đạo sĩ rồi, gần như khỏi cần thêm “priest” đi theo sau biến “Taoist” làm bổ ngữ. “Your Reverence” phải được hiểu là “đạo trưởng” (tiếng tôn xưng). Plum Blossom Village có nghĩa là “Mai Hoa trấn” hoặc “Mai Hoa tập” bởi vì khái niệm “làng” (village) của Trung Hoa rất rộng lớn. Dịch giả giữ nguyên chữ “kung fu” (công phu) trong nguyên tác dịch ra là “võ công” nhưng “Excellent kung fu” mà dịch ra là “công phu tuyệt diệu” hoặc “võ công tuyệt diệu” thì không hay bằng cứ để nguyên cụm từ “hảo công phu” của nguyên tác. Ngược lại, “kung fu of flying” thì không thể dịch là “công phu bay” được mà phải là “khinh công” mặc dù “flying” chẳng dính dáng gì đến “khinh” (nhẹ nhàng) cả. Chữ “yard” (thước Anh, bằng 0,914 mét) không thể dùng thay thế chữ “trượng” (tương đương ba thước) trong nguyên tác. Và dù cố gắng rất mực để Việt hóa bản dịch Anh ngữ nói trên, chúng tôi cũng chỉ có thể có một bản dịch khá Tây như sau:

Đạo sĩ

Mùa thu qua và mùa đông đến. Thời tiết trở nên lạnh hơn. Một đêm nọ, gió Bắc thổi mạnh và sáng hôm sau, tuyết rơi đầy. Dương bảo vợ mời hai bạn là Quách cùng với vợ tới đến uống rượu và thưởng tuyết. Sau buổi cơm trưa, chàng cầm hai chiếc bầu đến quán của Triệu lão để mua rượu nhưng chỉ thấy cửa đã cài then và cờ hiệu quán đã hạ xuống.

(Cất bỏ bốn dòng vì cảm thấy rườm rà)

Chàng đi thêm vài dặm nữa trên tuyết dày để đến Mai Hoa trấn mua rượu và một con gà giò rồi quay về nhà. Buổi chiều hôm đó, cả ba người cùng ngồi uống rượu ấm cúng trong nhà. Quách phu nhân không tiện ra mặt vì bà sắp sinh, thấy đồ ăn thức uống rất dễ nôn ói.

Bỗng nhiên, họ nghe tiếng bước chân thật khê đi dọc theo con đường phía Đông của ngôi nhà và rồi một khuôn mặt kỳ lạ xuất hiện. Một đạo sĩ khoác chiếc áo toại bằng lá tre phủ đầy tuyết, thanh trường kiếm đeo trên lưng, tua kiếm bằng lụa vàng phất phơ trong gió. Đạo sĩ lướt mau trên tuyết y như chân lão không hề chạm đất.

Quách reo lên.

– Hảo công phu! Xứng mặt anh hùng. Chúng ta phải nghĩ ra cách để thân cận người này.

Dương tán thành:

– Phải lắm. Tại sao không mời ông ta vào uống một chung?

Hai người tự động chạy ra ngoài trời tuyết. Họ mới tới cửa thì đạo sĩ đã đi xa hàng trăm trượng rồi. Rõ ràng, lão là sư tôn về môn khinh công.

Quách và Dương nhìn nhau kinh ngạc, rồi gọi với theo:

– Đạo trưởng! Xin vào nhà nghỉ ngơi giây phút.

Đạo sĩ dừng chân lập tức, quay lại khê gật đầu.

Dương nói tiếp:

– Ngoài trời rất lạnh, tuyết rơi đầy đất. Sao đạo trưởng không đến với bọn ta hạ uống chung rượu và sưởi ấm bên ngọn lửa?

Ban đầu, đạo sĩ hình như cười chế giễu họ. Nhưng rồi, lão cũng đến bên cửa; lạnh lùng hỏi:

– Có chuyện gì vậy? Cứ nói thẳng ra.

Nhận thấy lời của lão kém vẻ thân thiện, Dương phản đối:

– Thật tình bọn ta thấy đạo trưởng đi trong bão tuyết, cứ nghĩ rằng có lẽ đạo trưởng thích uống một chung rượu.

Đạo sĩ nói như quát:

– Chỉ uống thôi ư. Tốt lắm, ta đến đây.

Lão đi vào nhà, lông mày cau lại một cách kỳ dị.

Dương nhận ra tính tình lão đạo sĩ này rất cổ quái, thô lỗ. Chàng đưa tay nắm lấy cổ tay trái lão, định ném lão ra ngoài tuyết. Bỗng dưng, chàng cảm thấy tay lão trơn tuột như một con cá. Chàng định chuyển bộ, vận bàn tay để thoát ra nhưng tay lão đã nắm được tay chàng. Chàng nghe đau thấu tim gan, tưởng như bàn tay bị kẹp trong cái bàn kẹp.

Quách nhận ra bạn mình đang đau đớn, vội xoa dịu đạo sĩ:

– Đạo trưởng, xin mời ngồi.

Đạo sĩ cười vang, buông cổ tay Dương ra, bước đến bên bàn. Lão hỏi:

– Nhị vị chắc là người Sơn Đông? Ta nghe khẩu âm nhị vị là nhận ra ngay. Bọn hương nông ít khi biết đến võ công.

Dương rất tức giận vì bị bẽ mặt. Chàng vào trong buồng, kéo ngăn bàn lấy ra lưới trủ thủ giấu dưới áo choàng trước khi ngồi vào bàn. Chàng rót đầy ba chung rượu rồi lẳng lặng bưng chung rượu lên uống. Đạo sĩ ngồi đó, cười nhạt, nhìn ra ngoài tuyết. Quách nhận thấy lão có vẻ nghi ngờ rượu có thuốc độc. Chàng bèn cầm chung rượu của đạo sĩ uống cạn rồi nói:

– Rượu đã nguội. Cho phép tại hạ được mời đạo trưởng chung khác vậy.

Chàng rót một chung mới và lần này thì đạo sĩ uống cạn. Lão nói:

– Dẫu các người có pha thuốc độc vào rượu cũng chẳng thể làm hại ta được.

Dương không thể nhịn được nữa:

– Tại sao chúng ta lại phải gia hại người? Nếu người còn cư xử thô lỗ như vậy thì xin mời bước đi cho rảnh.

Đạo sĩ không quan tâm đến chàng, tự tay rót rượu ra, uống ba chung một lúc rồi bỏ nón lá và cởi áo tơi vứt xuống đất. Lúc này, mọi người mới có dịp nhìn kỹ lão. Hóa ra đạo sĩ là người đàn ông trạc 30, mày rậm, mặt hồng hào, khuôn mặt lớn và cái nhìn sắc sảo. Đạo sĩ tháo chiếc túi da ở lưng ra và đổ các thứ ra bàn.

(Kiếm và SB - Trường Anh ngữ Quốc tế, dịch)

Cho đến bây giờ, hơn 30 năm, tôi vẫn bảo lưu ý kiến in tác phẩm võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung là rất cần cho độc giả muốn thưởng ngoạn văn chương Trung Hoa hiện đại. Với tôi, những bộ võ hiệp tiểu thuyết của ông vượt xa những *Cội rễ*, *Những con chim ẩn mình chờ chết*, *Hàm cá mập* hoặc *Trăm năm cô đơn*. Tác phẩm của Kim Dung rất phù hợp với tâm lý thưởng ngoạn của người Việt Nam. Tôi chưa dám nói đến những chức năng giáo dục, văn học; chỉ một chức năng giải trí thôi, văn chương của Kim Dung cũng đã vượt xa văn chương của những người đương đại, vượt xa văn chương Âu - Mỹ.

Tháng 7 - 97, báo *Tuổi trẻ* có hai bài rất thú vị: một bài bàn về “hội chứng” võ hiệp kỳ tình Trung Hoa, một bài góp ý của nhiều bạn đọc về chuyện nên chọn tác giả để cho in. Hai bài báo đã cho bạn đọc thấy một cái nhìn rõ ràng: nên cho in, cho in tác phẩm nào, của ai và in tới chừng mực nào. Nhiều ý kiến bạn đọc đề nghị cho in tác phẩm Kim Dung. Đồng tình với cái nhìn rộng rãi của hai bài báo, tôi cũng xin đề xuất nên cho in lại một số tác phẩm võ hiệp tiểu thuyết của ông, đặc biệt là các tác phẩm ca ngợi lòng yêu nước (*Ỗ thiên Đồ long ký*, *Lục mạch thần kiếm truyện*, *Xạ điêu anh hùng truyện*), các tác phẩm có giá trị văn học cao và có chức năng giải trí lành mạnh (*Tiểu ngạo giang hồ*, *Hiệp khách hành*, *Lãnh nguyệt bảo đao*, *Liên thành quyết*...). Cũng theo cái nhìn rất chủ quan của tôi, có những bộ khác của Kim Dung không nên cho in lại vì nhiều chi tiết hoang đường (*Độc bá quần hùng*, *Võ lâm ngũ bá*).

In lại là một chuyện, nhưng công tác biên tập lại là một chuyện khác. Nếu có thể được, chúng ta nên có những bản dịch mới từ những bộ sách mới in lại do các nhà xuất bản mới ấn hành, không sử dụng loại nguyên tác cũ. Tôi nghĩ rằng cũng nên tước bỏ hết những đoạn mô tả, lý luận, đối thoại rườm rà; cắt bỏ những tình huống phi - logique; hợp lý hóa các tình huống lại để tác phẩm thêm hoàn chỉnh về mặt kết cấu. Nhưng điều tôi nghĩ rằng cần thiết nhất là phải triệt để cảnh giác với chủ nghĩa Đại Hán, tư duy Đại Hán, coi các dân tộc lân bang là man rợ, tầm thường, chỉ có người Hán tộc là ưu tú siêu việt bằng bạc trong nhiều tác phẩm của ông. Cái khó chịu, cái hạn chế nhất trong tiểu thuyết vô hiệp Kim Dung là chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi chứ không là gì khác.

Sau cùng, vì in sách là làm văn hóa, cho nên cũng thật văn hóa trước khi thực hiện in ấn. Một bức thư gửi sang Hồng Kông xin phép tác giả Kim Dung để biên dịch những tác phẩm của ông ra tiếng Việt là chuyện rất nên làm. Nếu sử dụng lại bản dịch cũ của hai dịch giả Từ Khánh Phụng và Hàn Giang Nhạn, cũng nên được sự cho phép của hai vị này (hoặc thân nhân của họ). Đã có tình hình mập mờ đen trắng, lấy cắp bản dịch của hai vị này in lại mà không trả nhuận bút, hoặc sửa đổi tên họ các nhân vật để gọi là “phóng tác”, lừa dối các cơ quan chủ quản cấp trên và bạn đọc trong cả nước. Một thái độ như vậy là phi văn hóa và làm hại cho những tác phẩm đúng đắn.

Phụ lục I.

Ung trảo công

Trong những tác phẩm của mình, Kim Dung thường ca ngợi sự lợi hại của Ung trảo công. Vậy Ung trảo công là gì? Loại công phu võ học này bắt nguồn từ đâu? Xin giới thiệu đoạn dịch ngắn sau đây của Huỳnh Thị Minh Vân từ tạp chí Kung fu.

Không gian bình yên của buổi sáng bị khuấy động bởi tiếng binh khí chạm nhau và những tiếng la hét. Danh tướng Nhạc Phi đã chặn đứng được cuộc tấn công của quân Kim, một đội quân danh tiếng của đế quốc Mông Cổ. Nhạc Phi tập trung hết sức lực, quyết bất sống cho được viên tướng chỉ huy của Kim binh. Cuối cùng, cả hai kẻ chạy người đuổi lên đến một đỉnh núi cao. Nhạc Phi sử dụng cửu khúc tiên còn viên tướng Kim dùng trường mâu. Hai bên giao chiến đang hăng thì Nhạc Phi đột nhiên ngã ngựa bởi một tên Kim binh đã chém lên vào chân sau của con ngựa ông đang cỡi.

Quân Kim xông tới, định loạn chiến. Không còn vũ khí trong tay, Nhạc Phi phải dùng đến những tuyệt chiêu của mình với hai

bàn tay thịt vừa thủ vừa công với những thế đâm, đá, câu, móc, bẻ, cầm nã. Một mình ông xoay qua, trở lại trong rừng đao kiếm. Nhạc Phi bị thương nhiều nơi nhưng binh sĩ Tống triều cũng vừa kịp đến, xông vào quân Kim. Quân tướng nhà Tống đánh giết quân Kim một trận toại bời. Mặc dầu không bắt được viên tướng quân Kim nhưng Nhạc Phi vẫn hài lòng vì ông được thuộc hạ coi ông như thần minh. Theo thời gian, những kỹ thuật của ông được biết đến với cái tên Ung trào công.

Nhạc Phi đã sống và tham gia vào những trận chiến đấu vào triều nhà Tống. Những thiên cổ sự về ông đã được kể đi kể lại và lưu truyền trong dân gian như là một kỳ tích đấu tranh giữ nước của dân tộc Trung Hoa, có liên quan đến cuộc đời anh hùng khí phách của Nhạc Phi. Mặc dầu không được tôn sùng như Quan Vũ đời nhà Hán (206 trước Công lịch – 221 Công lịch), Nhạc Phi vẫn được người Trung Hoa tôn sùng là Nhạc Vũ Mục. Về binh pháp, Nhạc Phi còn lại bộ *Vũ Mục di thư*. Về võ công, Nhạc Phi học được Ung trào công từ Châu Đông, người đã truyền cho Nhạc Phi những đòn thế căn bản ban đầu. Vượt xa sư phụ, Nhạc Phi đã phát triển chiêu thức Ung trào công, tạo ra hiệu quả thiết thực trong cuộc chiến tranh chống quân Kim. Ông được coi là người sáng tạo ra Ung trào công, là sư tổ của phái Thanh Châu ngày nay. Những kỹ thuật bẻ khớp, tảo hầu, đánh vào hạ bàn, điểm huyết, phóng chỉ được thực hiện với quyền, chỉ và trào.

Khởi đầu, 108 chiêu thức Ung trào công được thực hiện ở một vị trí cố định. Nhưng sau đó, Lợi Chân thiền sư đã dung nạp thêm

vào các thế phản cước, bao gồm các kiểu đá và tư thế nhào lộn. Sự dung hợp võ công của Nhạc Phi và Lợi Chân thiền sư đã tạo ra Ung trào công ngày nay.

Ung trào công đã đem lại nhiều con người xuất chúng. Cuối thời Minh (1388 - 1644), có Tào Giải phải thoát ly gia đình để tránh sự ruồng bắt của quân Mãn Châu, giỏi cả cầm, kỳ, thi, họa và Ung trào công. Ông cải trang thành nhà sư đi khắp nơi để truyền bá thuật Ung trào công.

Trước cách mạng Tân Hợi, có Trần Trạch Thanh được biết tới như một nhà truyền bá Ung trào công khắp Trung Quốc. Ông hạ một địch thủ không quá ba chiêu. Mỗi ngày ông phải tập luyện tám giờ để có được kỹ năng siêu phàm đó. Ông là người thành lập ra võ đường Thanh Mộc vào năm 1909 tại Thượng Hải. Võ đường Thanh Mộc là nơi mà các bậc võ công thượng thừa tập hợp để biểu diễn, trao đổi và thỉnh giáo các tuyệt kỹ. Ảnh hưởng của Thanh Mộc còn được truyền cho đến nay. Trần Trạch Thanh có nhiều môn sinh theo học Ung trào công. Ông chọn Lưu Khai Mãnh làm đệ tử đích truyền để giúp ông dạy Ung trào công. Lưu Khai Mãnh truyền lại cho cháu là Lưu Phật Môn.

Lưu Phật Môn nổi tiếng toàn cõi Trung Quốc, trở thành một đại võ sư. Cho đến năm 1924, đã có thêm hai võ đường Thanh Mộc nữa được thành lập, một ở Hồng Kông và một ở Phật Sơn. Khi Nhật Bản xâm lược Trung Quốc, Lưu Phật Môn mang quân hàm đại tá trong quân đội cộng hòa. Năm 1945, Nhật Bản đầu hàng, Lưu Phật Môn trở lại Quảng Đông, trở thành nghị sĩ nơi này

cho đến khi Mao Trạch Đông kiểm soát toàn cõi Trung Quốc. Lưu Phạt Môn là đại sư phụ Ung trào công ở miền Nam Trung Quốc. Những đồ đệ nổi tiếng khác của ông là Lục Uyên Khanh, Liêu Tố Minh, Thiệu Kính Hoa...

Từ đó, Ung trào công phát triển đến toàn thế giới.

Huỳnh Thị Minh Vân
(Theo tạp chí Kung fu)

Phụ lục II.

Ký ức của tiểu thuyết gia Kim Dung về Hồng Kông

Con đường sự nghiệp của tiểu thuyết gia lừng danh Kim Dung như thế nào từ khi ông đặt chân đến đất Hồng Kông? Những lời tâm sự dưới đây của ông sẽ cho chúng ta thấy những nét phác họa chính trong cuộc đời và tình cảm đặc biệt của ông dành cho Hồng Kông...

Khi đặt chân đến Hồng Kông lần đầu tiên năm 1948, tôi có vốn vụn 10 đôla Hồng Kông. Thật ra đó cũng chẳng phải tiền của tôi mà là mượn của một người đồng hành họ Phương trên chuyến bay từ Thượng Hải sang...

Kể từ lúc đó, tôi làm việc cật lực, trả hết nợ, lập gia đình, có con cái. Tôi học liên tục, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, tập trung năng lực và cuối cùng có chút ít tiếng tăm trong lĩnh vực báo chí. Tôi làm báo, viết những bài phê bình, kết bạn khắp nơi và cũng giành được không ít sự kính trọng. Rồi tôi thâm nhập vào lĩnh vực tiểu thuyết kiếm hiệp, đạt được những thành công đáng kể. Tích

lũy vốn liếng, tôi thành lập một tờ báo nhỏ, *Minh báo*, rồi phát triển thành tờ báo lớn. Sau đó tôi lập một tờ nguyệt san rồi tuần san. Báo của tôi dần dần đạt nhiều uy tín, tạo nhiều ảnh hưởng trong xã hội. Tiểu thuyết kiếm hiệp của tôi bắt đầu xuất hiện nhiều nơi trên thế giới. Tôi khuếch trương doanh nghiệp báo chí sang Singapore và Malaysia, rồi mua được căn nhà riêng ở Hồng Kông. Sau đó, tôi mua thêm một căn nhà nữa. Tờ báo của tôi biến thành một tập đoàn báo chí, tiền kiếm được khá hơn.

Tất cả những thành tựu đó là nhờ mảnh đất Hồng Kông. Tất nhiên, tinh thần làm việc cần cù, khả năng và tính kiên nhẫn của tôi là các yếu tố chính trên bước đường thành đạt, nhưng Hồng Kông là mảnh đất lý tưởng để những cố gắng đó đơm hoa kết quả. Nếu không có môi trường thuận lợi như ở Hồng Kông, tôi hẳn không thể tạo dựng được gì, cho dù có tài hay quyết tâm cao hơn. Cách đây 20 năm, sau khi nghe tôi kể quá trình thiết lập sự nghiệp của mình, một biên tập của tờ *Đông Á tạp chí* (Hàn Quốc) đã nói rằng: “Tôi cảm thấy ganh tị bởi anh có môi trường và vận hội thuận lợi để trở thành một ông chủ xuất bản ở Hồng Kông. Có rất nhiều người Hoa trên thế giới và như vậy anh có rất nhiều độc giả Hoa kiều”.

Ông Phùng Kính Hỷ (nay đã mất) – người sáng lập công ty chúng khoán Tôn Hưng Khai – là một trong những người rất thân của tôi. Bạn biết không, ông Phùng thậm chí còn chưa học hết tiểu học. Hồi niên thiếu, Phùng nai lưng làm việc tại một hãng tàu với “nghề” cuốn dây thùng cho các chiếc thuyền. Khi chúng tôi hàn

huyền về chuyện quá khứ, Phùng luôn nói: “Nếu không đến Hồng Kông, chắc tôi cũng chỉ là một anh lái tàu hay cùng lắm là ngư phủ”. Tôi cho rằng có rất nhiều người khác ở trường hợp tương tự. Hồng Kông là một xã hội cung cấp vận may cho bất cứ ai bởi vì mảnh đất này buộc mọi người phải tuân theo luật lệ. Đó là nơi mà sự làm việc cần cù luôn được tưởng thưởng xứng đáng.

Cha mẹ rất thương và chăm sóc tôi đầy hào phóng. Song thân luôn tỏ ra công bằng và tử tế. Làm sao tôi không thể quý mến và yêu thương họ được? Tôi yêu họ ngay cả khi bản thân họ không tốt và thậm chí dù có những nhược điểm nhỏ thì họ vẫn là những người tuyệt hảo. Mảnh đất Hồng Kông đối với tôi nào có khác gì mấy đâu. Làm sao tôi không thể thương mảnh đất này được?

Tôi yêu Hồng Kông không chỉ bởi bất kỳ đặc tính riêng biệt nào trên mảnh đất này mà bởi Hồng Kông cư xử rất tốt với tôi. Tôi nặng nợ với Hồng Kông và chính vì mối nợ đó nên tôi nặng tình với mảnh đất này lắm...

Phụ lục III.

Vụ cướp phá Đông Lăng của nhà Thanh

Triều Thanh cai trị đất Trung Hoa từ năm 1644, khi vua Thuận Trị lên ngôi tại Bắc Kinh, đến năm 1911, khi cuộc cách mạng Tân Hợi chấm dứt quyền hành của vua Phổ Nghi, chuyển đổi chế độ phong kiến từ 3.000 năm của nước Trung Hoa sang chế độ cộng hòa. Trên thực tế, vua Phổ Nghi chỉ thoái vị năm 1912, khi ông ta mới 7 tuổi, qua lời tuyên bố của Long Dự thái hậu đọc hộ.

Triều Thanh thuộc bộ tộc Ái Tân Giác La, bộ tộc hùng mạnh nhất trên thảo nguyên Mãn Châu (còn gọi là Mãn Châu Lý – Manchourie) bao gồm ba tỉnh vùng Đông Bắc Trung Hoa ngày nay. Người Trung Quốc ngày xưa gọi Mãn Châu là nước Kim hay nước Thất Đát (Tartare). Mãn Châu giáp với vùng Sibérie của nước Nga, có hai dòng sông Ngạch Nhĩ Cổ Lạp và sông Hắc Long Giang làm biên giới thiên nhiên. Hắc Long Giang (tiếng Nga: sông Amour, tiếng Mãn Châu: A Mộc Nhĩ Hà) xuất phát từ đài nguyên Tchita

trên đất Nga, chảy qua vùng Ô Tư Ô Đức (tiếng Nga: Oulan Oude), đổ về phương Đông qua hải cảng Khabarovsk rồi đổ xuống hướng Nam gặp cảng Vladivostok và ra vịnh Triều Tiên.

Năm 1643, nhiếp chính vương Đa Nhĩ Cổn vâng theo di chỉ của Hoàng Thái Cực, đưa Bát kỳ (tám đạo cờ, tiêu biểu cho tám bộ tộc Mãn Châu) tiến qua Sơn Hải Quan, đánh tan đội quân đồn trú hùng hậu của vua Minh Sùng Trinh ở đây và tiến thẳng vào Bắc Kinh. Vua Thuận Trị lên ngôi năm 1644, chết năm 1661. Trước khi qua đời, ông dặn dò con trai là Huyền Hoa (lên ngôi xưng đế hiệu là Khang Hy): “Nếu thiên hạ có loạn thì ta ra đi từ nơi đâu nên quay về nơi đó”. Ý của vua Thuận Trị khá rõ: người Mãn Châu ít, khó có thể cai trị đất nước Trung Hoa rộng lớn; cho nên nếu có trường hợp Hán tộc Trung Hoa nổi lên chống lại Thanh triều thì nên quay về Mãn Châu. Vua Khang Hy mới 8 tuổi, lên ngôi và ở ngôi 60 năm (1662 - 1722) đã chứng tỏ hùng tâm tráng chí của một vị minh quân. Ông được trăm họ người Hán ca ngợi là bậc thánh thiên tử và con cháu ông đã kế nghiệp tổ tiên, giữ được Thanh triều 278 năm!

Chính vì lời di chúc của vua Thuận Trị nên khi các vua triều Thanh băng hà, thi hài thường được đưa về Mãn Châu an táng. Đặc biệt, chỉ có thi hài vua Càn Long (chết năm 1799) và thi hài Từ Hy thái hậu (chết năm 1908) là được chôn tại thung lũng Mã Lan trong dãy Kinh Sơn, tỉnh Hồ Bắc. Lăng tẩm thờ hai vị này được xây cực kỳ sang trọng, gọi là Đông lăng. Và cũng chính vì Đông lăng không nằm trong địa giới Mãn Châu nên sau này đã bị

Bàng Đại Hổ cướp phá tan tành.

Vào năm 1928, Trung Quốc đang ở trong một giai đoạn rối loạn. Phong trào Cộng sản lớn mạnh, đánh đâu thắng đó, đã đẩy chính quyền Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch tại Nam Kinh rơi vào tình huống vô chính phủ. Nhiều tướng lĩnh của Tưởng Giới Thạch nổi lên cát cứ từng vùng, tạo ra nạn sứ quân. Trong khi đó, Phát xít Nhật với sức mạnh của đoàn quân Quan Đông do Tojo Hendemichi làm tư lệnh, đã chiếm hầu hết vùng Đông Bắc, xây dựng xong tuyến đường sắt Nam Mãn Châu, biến thành phố Thiên Tân thành căn cứ quân sự lớn nhất của Nhật Bản trên đất Trung Hoa.

Bàng Đại Hổ xuất thân là một tay buôn lậu thuốc phiện, từng tổ chức đường dây thuốc phiện từ Miến Điện (Myanmar) qua đường Tân Cương rồi xuôi sông Hoàng Hà về tận Triết Giang. Kinh doanh trên sức khỏe và nhân phẩm của hàng vạn, hàng triệu người Trung Hoa, Bàng Đại Hổ trở nên giàu sụ. Tương y cao lớn, có đến 12 cô vợ. Tuy vậy, Bàng Đại Hổ vẫn sẵn sàng gian dâm bất kỳ người phụ nữ nào mà y thấy vừa mắt. Không hiểu do cơ duyên nào, Bàng Đại Hổ trở thành một “tướng lĩnh” dưới trướng Tưởng Giới Thạch. Năm 1928, Bàng Đại Hổ cát cứ vùng Hồ Bắc, có dưới tay hàng chục ngàn quân.

Bàng Đại Hổ vốn là một tay bất học vô thuật. Y có một “quân sư” rất miễn cưỡng, tên là Lý Phương. Lý Phương đã tiết lộ cho Bàng Đại Hổ biết rằng trong thung lũng Mã Lan có lăng tẩm và mộ mã của vua Càn Long và Từ Hy thái hậu, rằng đó là nơi chứa rất nhiều

châu báu của nhà Thanh. Bàng Đại Hổ nổi lòng tham, dưới tay lại sẵn binh quyền nên y quyết định làm một cuộc hành quân săn lùng châu báu. Y tuyên bố thực hiện một cuộc tập trận qui mô để binh sĩ thuộc quyền có thêm kinh nghiệm đánh giặc Nhật! Hơn 3.000 quân võ trang đầy đủ bao vây vùng thung lũng Mã Lan; 500 quân khác “võ trang” phương tiện đào bới và đánh bộc phá, quyết san phẳng Đông lăng thành bình địa để tìm châu báu. Bàng Đại Hổ ra lệnh cắt hết đường dây điện thoại để khỏi liên hệ với bên ngoài.

Kích thước và phong cách xây dựng Đông lăng gần giống như điện Trung Hòa trong Cấm thành, Bắc Kinh. Phá được cửa lăng, quân lính của Bàng Đại Hổ đào bới tìm mộ của vua Càn Long và Từ Hy thái hậu. Quan tài vua Càn Long đã mòn, đặt trong một cái lồng bát giác, trong lồng và trong quan tài chôn theo vô số vàng bạc, ngọc quý. Trong quan tài của Từ Hy, xác bà vẫn chưa phân hủy, tràn đầy những lam ngọc và kim cương. Chiếc mào bà đội đầu nạm bằng những viên ngọc to, có một sợi dây vàng lớn ôm lấy cằm. Bên cạnh bà là một đĩa mẫu đơn lớn nạm toàn ngọc; trên tay là những chiếc vòng ngọc vô giá; đôi hài cấn toàn những hạt ngọc trai đẹp nhất trong thiên hạ. Trong quan tài còn 18 chuỗi ngọc trai, sáu đĩa hoa cúc toàn bằng kim cương. Ngoài ra, ở cả hai mộ còn có những bức tranh quý, bảo khí (đồ porcelaine – sành sứ danh tiếng), sách vở nạm ngọc, san hô, ngà voi. Người Mãn Châu sùng tín đạo Phật; triều đình nhà Thanh cũng vậy nên tượng Phật đủ cỡ đều được đúc bằng vàng y để nhiều nơi trong lăng mộ.

Bàng Đại Hổ thắng tay vợ vét các loại ngọc ngà, châu báu,

sai lính đóng thành những bao lớn. Tất nhiên, bọn lính tráng cũng thừa dịp phát tài, chỉ dám lấy những món vàng thỏi bạc nên còn những món to lớn và cực kỳ quý giá thì chẳng dám qua mặt Bàng đại vương! Công việc đào bới Đông lăng diễn ra đúng ba ngày ba đêm và để “bảo mật” cho hành vi phá lăng mộ, cướp châu báu của mình, Bàng Đại Hổ cắt tất cả các đường dây truyền tin, không cho bất kỳ người lạ nào đến gần “công trường đang khai thác”.

Cái tin Bàng Đại Hổ cướp phá Đông lăng của Thanh triều được đăng trên trang nhất các báo trên toàn cõi Trung Hoa, kể cả những báo Nhật ngữ của Phát xít Nhật. Người Trung Quốc công phần tội độ vì mặc dù họ ghét Di Địch (người Mãn Châu) nhưng vua Càn Long là vị minh quân được toàn dân Trung Quốc tôn thờ, kính ngưỡng. Triều đình Mãn Châu bù nhìn của vua Phổ Nghi và con cháu các bộ tộc Mãn Châu khóc lóc, căm thù Bàng Đại Hổ lẫn Tướng Giới Thạch và chính quyền Quốc dân đảng tại Nam Kinh. Con cháu nhà Thanh đưa bài vị vua Càn Long và thái hậu Từ Hy về tại Trang viên thuộc thành phố Thiên Tân thờ cúng, để tang và khóc lóc suốt 10 ngày.

Nhưng người đau khổ nhất, công phần nhất vẫn là ông vua bù nhìn 23 tuổi Phổ Nghi. Ông gửi điện văn cho Tướng Giới Thạch, đòi Tướng phải trừng trị tên đại khấu Bàng Đại Hổ và trừng tu phục hồi Đông lăng. Phổ Nghi còn tin tưởng vào một điều hết sức hoang đường: phải phục hồi đế chế Thanh triều, phải có sức mạnh quân sự trong tay để có cơ hội trừng trị Bàng Đại Hổ. Chính vì vậy, vua Phổ Nghi cho em ruột là Phổ Trị và một người em trai của vợ –

hoàng hậu Vương Dung – học tiếng Nhật để năm 1929 sang Nhật học trường võ bị, trở thành những tướng lĩnh tương lai của một nước Mãn Châu Quốc!

Trước áp lực của dư luận, Tướng Giới Thạch đã bắt giữ Bàng Đại Hổ, tước quân hàm nhưng sau đó đã thả hắn ra và phục hồi quân hàm, cấp bậc. Người ta đồn rằng những hạt ngọc quý trên mào của Từ Hy thái hậu đã được tặng cho bà Tống Mỹ Linh, vợ Tướng Giới Thạch, để phu nhân dính vào đôi hài! Tướng Giới Thạch cũng chẳng ra lệnh phục hồi lãng tẩm. Chính vụ cướp phá Đông lãng cũng là một yếu tố khiến vua Phổ Nghi ngã về phe Phát xít Nhật, lên làm vua Mãn Châu Quốc bù nhìn, vâng lệnh đại tá Itagaki – chỉ huy trưởng tình báo Nhật – ký kết những hiệp ước phản dân hại nước, giúp Phát xít Nhật tàn sát đồng bào Trung Quốc của ông.

Vũ Đức Sao Biển

(Tập chí An ninh thế giới)

Phụ lục IV.

Khúc Tiểu ngạo từ đây bật tiếng

Đoạn trích sau đây từ *Tiểu ngạo giang hồ* do Hàn Giang Nhận tiên sinh dịch; Vũ Đức Sao Biển chỉnh lý, có thể xem là một đoạn tiêu biểu cho phong cách tiểu thuyết Kim Dung. Những tình tiết diễn tiến rất nhanh; kết thúc khá thú vị, bất ngờ khiến đoạn trích rất gần với một kịch bản phim hoàn chỉnh. Phía sau những tình tiết đó, đoạn trích mệnh mông một phong cách nghệ sĩ: hai nhân vật chính Khúc Dương và Lưu Chính Phong tấu bản nhạc đến chỗ lâm ly huyền diệu nhất rồi trao bản nhạc lại cho một tên làng từ để ung dung đi về thế giới bên kia. Nói rằng “Khúc tiểu ngạo từ đây bật tiếng” chỉ là một cách nói. Thực ra, cung đàn và tiếng sáo ấy sẽ không bật tiếng vì đã có Lệnh Hồ Xung và Doanh Doanh tiếp tục tấu lên sau này...

Đây nhắc lại Lệnh Hồ Xung tuy bị kiếm thương trăm trọng nhưng ngoài rít Thiên hương đoạn tục giao, trong lại uống Bạch vân hùng đởm hoàn là những thứ thánh dược rất thần hiệu của phái Hằng Sơn nên rất mau lành. Hơn nữa Lệnh Hồ Xung đang thời niên tráng lực cường, nội công thâm hậu lại được ngủ bên bờ suối suốt hai đêm một ngày, vết thương gĩa hoàn toàn bình phục. Suốt trong một ngày hai đêm gĩa chỉ ăn dưa cho đỡ đói.

Lệnh Hồ Xung yêu cầu Nghi Lâm bắt cá bắt thỏ, nhưng nàng nhất định không chịu. Nàng bảo gã lần này mà thoát chết là hoàn toàn trông vào pháp lực của đức Bồ Tát che chở. Vậy tốt hơn hết là ăn chay trường một năm để tỏ lòng cảm tạ đức Phật. Còn việc phá giới sát sinh quyết không nên phạm vào.

Lệnh Hồ Xung cười nàng có ý nghĩ viển vông, nhưng gã không thể nào miễn cưỡng nàng được cũng đành chịu thôi.

Trời đã gần tối, hai người ngồi tựa vách đá nhìn vào đám cỏ rậm thấy ánh lửa, đom đóm lập lòe bay đi bay lại coi rất đẹp mắt.

Lệnh Hồ Xung nói:

– Ngày trước về mùa hè, tiểu huynh có khi bắt đến hàng mấy ngàn đom đóm bỏ vào mấy chục chiếc túi bằng sa mỏng treo ở trong phòng, thật là thú vị.

Nghi Lâm nghe nói đến chuyện bắt đom đóm bỏ vào mấy chục túi sa, bất giác động tâm nghĩ thầm:

– Lệnh Hồ đại ca là người lãng mạn, chẳng thể làm việc tỉ mỉ khâu mấy chục chiếc túi sa được.

Nàng liền hỏi:

– Có phải Linh San sư muội bảo đại ca bắt đom đóm không?

Lệnh Hồ Xung cười đáp:

– Sư muội thật là thông minh, đoán trúng lắm! Sao sư muội lại biết Linh San sư muội bảo tiểu huynh bắt đom đóm?

Nghi Lâm mỉm cười đáp:

– Đại ca đã nóng tính lại không phải là con nít thì khi nào lại nhẫn nại đi bắt hàng ngàn đom đóm làm trò chơi được?

Nàng ngừng lại một chút rồi hỏi tiếp:

– Đại ca treo những túi đom đóm trong phòng như thế nào?

Lệnh Hồ Xung cười đáp:

– Linh San sư muội treo những túi đó vào trong màn rồi bảo: “Trong giường ánh sáng lấp lánh chẳng khác gì hàng ngàn hàng vạn vì sao, tưởng chừng như đang ngủ trên mây. Lúc bình mắt ra chung quanh mình toàn những sao là sao”.

Nghi Lâm nói:

– Lệnh sư muội khéo chơi đó. Chỉ riêng đối với y là sư ca thật tình làm theo. Giả tỷ y bảo sư ca lên bắt sao trên trời, chắc sư ca cũng chịu.

Lệnh Hồ Xung nói:

– Việc bắt đom đóm cũng do việc muốn bắt những vì sao trên trời mà ra. Một hôm tiểu huynh cùng y đứng hóng mát, nhìn những chòm sao rực rỡ trên trời. Đột nhiên y thở dài nói: “Chỉ một lúc nữa đã phải đi ngủ thật là đáng tiếc! Tiểu muội muốn ngủ ngay ngoài trời. Chừng nửa đêm trở dậy được nhìn thấy những vì sao đầy trời nhìn mình mà nhấp nháy thì vui thú biết chừng nào! Nhưng má má nhất định không cho”. Tiểu huynh liền bảo y: “Chúng ta đi bắt một ít đom đóm thả vào trong màn thì cũng chẳng khác gì những vì sao kia”...

Nghi Lâm nhè nhẹ ngắt lời:

– Té ra đó là chủ ý của sư ca.

Lệnh Hồ Xung tủm tỉm cười nói tiếp:

– Linh San sư muội liền bảo: “Đom đóm ở trong màn bay qua bay lại đập cả vào mình vào mặt thì chán chết. À! Phải rồi! Tiểu muội may một ít túi sa để đựng đom đóm là được”. Thế rồi y ngồi khâu túi, tiểu huynh bắt đom đóm. Cả hai người bận bịu suốt một ngày một đêm mới xong việc. Nhưng đáng tiếc là qua một đêm, đến đêm thứ hai, bao nhiêu đom đóm đều chết sạch.

Nghi Lâm chấn động tâm thần, run lên hỏi:

– Cả hàng ngàn vạn con đom đóm đều chết hết ư? Thế thì anh em sư ca...

Lệnh Hồ Xung cả cười ngắt lời:

– Sư muội bảo chúng ta tàn nhẫn lắm phải không? Trời ơi! Sư muội là đệ tử nhà Phật, lương tâm mới đặc biệt khác người! Thực ra đom đóm chỉ sống được trong những ngày nắng ấm. Khi gặp trời lạnh là chúng chết cồng hết. Vậy chúng chết sớm mấy ngày thì có gì quan trọng?

Hồi lâu, Nghi Lâm nét mặt rầu rầu, nàng nói:

– Con người ta ở trên đời cũng thế mà thôi. Người chết sớm, kẻ chết muộn. Sớm muộn chung qui cũng là phải chết. Nhà Phật đã nói: Con người không ai tránh khỏi cái khổ não về sinh, lão, bệnh, tử. Còn thuyết luân hồi thì đâu phải là câu chuyện dễ dàng?

Lệnh Hồ Xung nói:

– Đúng đó! Thế thì sư muội cần gì phải tâm niệm, không dám đơn sai những giới luật thanh qui? Sao phải kiêng sát sinh hoặc ăn trộm ăn cắp. Nếu đức Bồ Tát việc gì cũng nhìn tới thì chật vật quá, làm thế nào được?

Nghi Lâm ngoảnh đầu đi không biết nói sao cho phải.

Giữa lúc ấy đầu núi mé tả, trên trời có một vì sao đổi ngôi lướt qua, vạch trong không gian một đường ánh sáng rất dài.

Nghi Lâm sực nhớ ra điều gì, nàng hỏi:

– Nghi Tĩnh tỷ tỷ đã nói: “Người nào mà thấy sao đổi ngôi, một mặt thất nút giải áo, một mặt trong tâm có điều ước nguyện, hễ ánh sao chưa vụt tắt mà thất nút giải áo xong thì tâm nguyện đó sẽ được như ý sở cầu”. Đại ca bảo có đúng thế không?

Lệnh Hồ Xung cười đáp:

– Cái đó tiểu huynh cũng không biết. Bây giờ chúng ta hãy thử coi, nhưng chỉ sợ động tác của mình không mau lẹ đến thế được.

Gã nói xong đứng lên cởi giải áo ra nói:

– Sư muội chuẩn bị đi! Chỉ chậm một ly là không kịp đâu.

Nghi Lâm giờ giải áo lên ngơ ngẩn nhìn trời. Đêm hè sao đổi ngôi rất nhiều. Trong khoảnh khắc lại có một vì sao xẹt qua không gian nhưng chỉ trong nháy mắt đã vụt tắt.

Nghi Lâm vừa động ngón tay; vì sao đã mất biến. Nàng khê

la một tiếng:

— Ái cha!

Rồi lại ngồi chờ. Vì sao thứ hai xẹt từ Tây sang Đông thành một đường rất dài. Nghi Lâm động tác rất mau lẹ, thắt nút giải áo vừa xong.

Lệnh Hồ Xung cả mừng nói:

— Hay quá! Hay quá! Nhờ hoàng thiên hộ trì, nhất định sư muội sẽ được như nguyện.

Nghi Lâm thở dài nói:

— Tiểu muội chỉ chăm chú thắt nút, chứ trong lòng chưa kịp ước nguyện gì cả.

Lệnh Hồ Xung cười nói:

— Vậy bây giờ sư muội nghĩ trước đi, nhắm thuộc lòng mấy lần, kéo đến lúc thắt nút giải áo lại quên mất điều ước nguyện?

Nghi Lâm giờ giải áo lên tự hỏi:

— Ta biết ước nguyện gì đây? Ta biết ước nguyện gì đây?

Nàng đưa mắt ngó Lệnh Hồ Xung, bỗng hai má ửng đỏ, vội ngoảnh đầu nhìn ra chỗ khác.

Lúc này trên trời mấy vì sao đổi ngôi tiếp tục không ngớt.

Lệnh Hồ Xung kêu gọi luôn miệng.

— Lại một vì sao nữa! Ủi chà! Vì sao này xẹt dài gớm! Sư muội đã thắt nút xong chưa? Lần này lại không kịp rồi.

Nghi Lâm ruột rối như mớ bòng bong. Trong thâm tâm nàng ngấm ngấm khát vọng một điều, nhưng nàng lại không dám nghĩ tới, chứ đừng nói đến chuyện cầu đảo hoàng thiên nữa. Lúc này, lòng nàng sợ hãi khôn tả mà cũng vui mừng khôn xiết!

Lệnh Hồ Xung lại hỏi:

– Sư muội đã nghĩ xong tâm nguyện gì chưa? Một điều thôi đấy, chứ nhiều thì không linh nghiệm đâu.

Nghi Lâm khẽ lẩm bẩm:

– Mình biết cầu nguyện điều gì? Mình biết cầu nguyện điều chi?

Nàng thấy một vì sao xẹt trên trời rồi cứ ngẩn đầu ngây người ra mà nhìn.

Lệnh Hồ Xung cười nói:

– Sư muội đừng nói, để tiểu huynh đoán ra sư muội ước nguyện điều gì.

Nghi Lâm vội gạt đi:

– Không! Không! Lệnh Hồ đại ca đừng nói.

Lệnh Hồ Xung cười hỏi:

– Cái đó có quan hệ gì? Tiểu huynh đoán ba lần thử xem có đúng không?

Nghi Lâm liền đứng dậy nói:

– Sư ca mà còn nói thì tiểu muội đi đây!

Lệnh Hồ Xung cười ha hả đáp:

– Thế thì thôi. Tiểu huynh chả nói nữa. Tiểu huynh chắc trong lòng sư muội ước nguyện làm chức chuông môn phái Hằng Sơn và như vậy cũng chẳng hề chi.

Nghi Lâm ngẩn người ra, bụng bảo dạ:

– Té ra y... đoán mình muốn làm chuông môn phái Hằng Sơn. Nhưng mình chưa từng có ý nguyện đó bao giờ.

Bất thình lình mấy tiếng “tình tang” từ đằng xa vọng lại dường như có người gảy đàn.

Lệnh Hồ Xung cùng Nghi Lâm ngơ ngác nhìn nhau ra vẻ kinh nghi, tự hỏi:

– Ở chốn hoang sơn dã lĩnh này sao lại có người gảy đàn?

Tiếng đàn nghe rất thanh nhã. Lát sau lại có tiếng sáo nhu hòa nổi lên hòa với tiếng đàn. Hai người còn nghe rõ là tiếng đàn thất huyền cầm, âm điệu hòa bình trung chính, dóng đôi với tiếng tiêu thanh cao u nhã làm rung động lòng người. Tiếng đàn, tiếng tiêu lại tựa hồ một bên vấn một bên đáp dần dần đi gần tới.

Lệnh Hồ Xung đến bên Nghi Lâm khẽ nói:

– Điệu nhạc này rất cổ quái, e rằng có điều bất lợi cho chúng ta. Bất luận trường hợp nào, sư muội nhất định đừng lên tiếng.

Nghi Lâm gật đầu.

Tiếng đàn dần dần lên cao rồi vọt còn tiếng tiêu lại từ từ trầm xuống nhưng không dứt, tựa hồ như tiếng gió thoảng qua mà liên

miền bất tuyệt khiến người nghe không khỏi băng khuôn trong dạ.

Từ sau tảng đá núi, ba bóng người xuất hiện. Lúc này, vòm trắng bị núi che khuất, chỉ thấy hình ảnh lơ mờ chứ không rõ rệt. Trong ba người này thì hai cao một thấp. Hai người cao là đàn ông còn người thấp là một cô gái. Hai người đàn ông ngồi tựa vách núi, một người gảy đàn, một người thổi tiêu. Cô gái đứng bên người gảy đàn.

Lệnh Hồ Xung thụt đầu vào sau vách đá, không dám thò đầu ra nhìn nữa, sợ bị ba người kia phát giác. Nhưng gã nghe đàn sáo du dương có vẻ rất hài hòa, thì bụng bảo dạ:

– Bên thác nước chảy ồ ồ mà tiếng đàn tiếng sáo du dương kia vẫn nghe rất rõ, dường như nội công hai người này không phải hạng tầm thường.

Tiếng đàn đột nhiên thét lên choang choảng ra chiều sát phạt. Một hai tiếng đàn tưởng chừng như chọc vào màng tai khiến người nghe phải kinh tâm động phách, còn tiếng tiêu vẫn dịu dàng uyển chuyển.

Một lát sau, tiếng đàn trở lại ôn hòa khi lên bổng khi xuống trầm. Đột nhiên tiếng đàn tiếng tiêu biến đổi thành linh, tựa hồ bảy tám cây đàn cùng bảy tám ống tiêu tấu lên một lúc. Lệnh Hồ Xung kinh ngạc tự hỏi:

– Bây giờ sao lại nhiều người đến thế?

Gã thò đầu ra nhìn trộm thì bên vách đá vẫn chỉ có ba người.

Té ra người gảy đàn và người thổi tiêu đã đến chỗ thần dị ghê hồn. Một thành hai, hai thần bốn, bốn thành tám. Trong một nhạc khí mà phát ra nhiều âm thanh khác nhau.

Tiếng đàn tiếng tiêu tuy phức tạp nhưng thanh điệu lên bổng xuống trầm rất lọt tai.

Lệnh Hồ Xung lắng tai nghe đến nổi mạch máu căng thẳng. Gã không nhìn được phải đứng lên. Sau một lúc nữa, tiếng đàn tiếng tiêu lại biến đổi thanh điệu. Cây thất huyền cầm chỉ dạo tình tang để giữ nhịp, có điều mỗi lúc một lên cao vời vợi.

Lệnh Hồ Xung cảm thấy trong lòng chua xót. Gã ngoảnh đầu nhìn Nghi Lâm thì thấy nàng giọt châu tầm tã.

Đột nhiên cung đàn rít lên một tiếng cấp bách. Dây đàn đứt mấy sợi rồi tiếng đàn ngừng bật. Tiếng tiêu cũng chấm dứt. Bốn bề trở nên yên lặng như tờ. Trên trời vàng trắng tỏ lên cao chiếu bóng những cây rừng chỉ chít trên mặt đất.

Bỗng một người cất tiếng nói:

– Lưu hiền đệ! Bữa nay chúng ta mất mạng tại đây chẳng qua là số trời định thế. Nhưng ngu huynh không kịp ra tay sớm một chút để gia quyến cùng môn đồ hiền đệ đều bị nạn hết. Ngu huynh thật chẳng yên tâm chút nào.

Một người khác nói:

– Chúng ta là bạn gan ruột. Hiền huynh sao còn nói thế...?

Nghi Lâm nghe khẩu âm bọn này bất giác động tâm, ghé tai

Lệnh Hồ Xung nói khẽ:

– Đây là Lưu Chính Phong sư thúc.

Nguyên trong Lưu phủ xảy chuyện tày đình mà hai người không hay biết gì hết. Bây giờ đột nhiên Lưu Chính Phong xuất hiện ở nơi hoang dã này, lại một người nữa nói những gì hôm nay chúng ta mất mạng ở đây, gia quyến cùng môn đồ hiền đệ đều bị tử nạn... thì hai người kinh ngạc vô cùng!

Bỗng nghe Lưu Chính Phong nói tiếp:

– Người đời ai là không chết? Được một người tri kỷ thì chết cũng hài lòng.

Người kia nói:

– Lưu hiền đệ! Ngu huynh nghe nhạc điệu của hiền đệ dường như còn có điều ân hận. Phải chăng vì lệnh lang là Lưu Cận, lúc lâm nguy đã tỏ ra tham sống sợ chết để hổ cho thanh danh hiền đệ?

Lưu Chính Phong thở dài đáp:

– Khúc đại ca đoán trúng đó. Thằng nhỏ này ngày thường được tiểu đệ quá cưng chiều, kém bề giáo huấn, làm cho gã trở nên một kẻ hèn nhát chẳng có khí tiết chi hết!

Người kia chính là Khúc Dương, trưởng lão Ma giáo. Lão nói:

– Có khí tiết cũng vậy mà chẳng khí tiết cũng thế thôi. Trăm năm sau đều xuống suối vàng, có gì khác nhau đâu. Ngu huynh đã nằm phục trên nóc nhà từ trước, đáng lý ra tay sớm hơn thì phải.

Nhưng lại nghĩ rằng hiền đệ chẳng khi nào vì mình để tổn thương đến hòa khí giữa Ngũ Nhạc kiếm phái, nên chân chờ không muốn động thủ vội. Dè dặt Ngũ Nhạc mình chủ ở phái Tung Sơn lại ra tay tàn nhẫn đến thế!

Lưu Chính Phong lặng lẽ hồi lâu rồi thở dài hỏi:

– Bọn đó là người phạm tặc thì hiểu thấu đến chỗ cao nhã về âm luật thế nào được? Họ lấy thường tình để đo bụng dạ chúng ta, tự nhiên họ cho là sự giao kết giữa hiền huynh và tiểu đệ có điều đại bất lợi cho Ngũ Nhạc kiếm phái cùng anh hùng nghĩa hiệp thiên hạ. Hỡi ôi! Họ đã không hiểu thì trách họ cũng bằng thừa. Khúc đại ca! Phải chăng đại ca bị thương huyết Đại truy làm cho tim mạch bị chấn động?

Khúc Dương:

– Chính thế! Đại Tung dương thủ của phái Tung Sơn quả nhiên lợi hại, không ngờ tiểu huynh giờ lưng ra hứng chịu một đòn mà nội lực bị tổn thương trầm trọng đồng thời làm đứt cả tâm mạch của hiền đệ. Giả tỷ ngu huynh biết trước hiền đệ không thoát được thì chẳng liệng ra một nắm Hắc huyết thần châm để bọn người vô tội bị thiệt mạng vô ích.

Lệnh Hồ Xung nghe tới bốn chữ Hắc huyết thần châm bất giác chấn động tâm thần, tự hỏi:

– Người này phải chăng là một tay cao thủ trong Ma giáo? Tại sao Lưu sư thúc lại kết giao với lão?

Lưu Chính Phong cười mát nói:

– Làm thiệt mạng người vô tội cố nhiên là điều bất hạnh. Nhưng có thể thì anh em mình mới còn được hợp tấu một khúc. Từ nay trở đi trên đời không còn âm điệu cảm tiêu này nữa.

Khúc Dương thở dài nói:

– Ngày trước Kê Khang lúc sắp bị hành hình còn tấu một khúc nhạc cuối cùng rồi từ đó khúc Quảng Lăng tán không còn tồn tại ở thế gian nữa. Ha ha! Khúc Quảng Lăng tán dù tinh diệu nhưng bì với khúc *Tiểu ngao giang hồ* của chúng ta thế nào được? Có điều tâm tình Kê Khang lúc ấy cũng như tâm tình tiểu huynh lúc này.

Lưu Chính Phong cười nói:

– Khúc đại ca vừa rồi tâm hồn sáng suốt, bây giờ sao còn thắc mắc? Đêm nay chúng ta đã tấu khúc *Tiểu ngao giang hồ* đến chỗ lâm ly tận trí. Trên đời có khúc nhạc này mà chúng ta đã tấu nó đến độ chót. Tưởng người đời được đến thế thì còn điều chi phải ân hận nữa?

Khúc Dương vỗ tay nói:

– Hiền đệ nói phải lắm!

Lát sau lão lại buông tiếng thở dài.

Lưu Chính Phong hỏi:

– Sao đại ca lại thở dài? À phải rồi. Nhất định đại ca không quên được Phi Phi. Có phải thế không?

Quả nhiên, Khúc Phi Yên lên tiếng:

– Gia gia! Gia gia cùng Lưu công công từ từ dưỡng thương cho lành rồi chúng ta kéo đến phái Tung Sơn giết hết bọn ác ôn không để sót một mống đảng rửa hờn cho Lưu bà bà cùng quyền thuộc.

Đột nhiên sau tảng đá núi, một tràng cười vọng lại.

Tiếng cười chưa dứt, một bóng đen từ sau tảng đá vọt ra. Ánh thanh quang vừa lấp loáng, một người tay cầm trường kiếm đứng trước mặt Khúc Dương và Lưu Chính Phong. Hắn chính là Đại tung dương thủ Phí Bân ở phái Tung Sơn.

Phí Bân cười khàn khặc cất tiếng hỏi:

– Con nhãi kia khoác lác những gì muốn tuyệt diệt phái Tung Sơn? Trên đời làm gì có việc xứng tâm toại ý như vậy được?

Lưu Chính Phong đứng dậy nói:

– Phí Bân! Người đã hạ sát cả nhà Lưu mỗ. Chính Lưu mỗ cũng bị bọn sư huynh sư đệ các người ba người hợp lực đánh một chuồng và tính mạng lâm nguy trong khoảnh khắc. Bây giờ người còn muốn điều chi nữa?

Phí Bân cười ha hả đáp:

– Con nhãi ranh này muốn tuyệt diệt phái Tung Sơn nên tại hạ phải đến đây tuyệt diệt thị đi!

Nghi Lâm khề bảo Lệnh Hồ Xung:

– Phi Phi cùng gia gia y đã cứu Lệnh Hồ đại ca. Vậy chúng ta phải tìm cách cứu họ mới phải chứ.

Lệnh Hồ Xung không chờ nàng nói ra đã tính kế giải vây cho cha con Phi Phi để đền ơn họ đã cứu mình. Nhưng một là Phí Bàn là tay cao thủ phái Tung Sơn, ngay lúc gã chưa bị trọng thương cũng không địch nổi hắn. Hai nữa Khúc Dương là người Ma giáo. Trước nay chính tà chẳng đội trời chung và phái Hoa Sơn vẫn thù nghịch với Ma giáo thì ai lại đi giúp kẻ địch bao giờ? Vì thế, gã chần chờ không nhất quyết.

Bỗng nghe Lưu Chính Phong nói:

– Họ Phí kia! Người cũng đáng kể là một nhân vật tai mắt trong chính phái. Bữa nay Khúc Dương cùng Lưu Chính Phong này đã lọt vào tay người, người muốn giết mổ thế nào chúng ta cũng không oán hận. Song người hà hiếp một đứa con gái thì còn chi là tiếng tăm một anh hùng hảo hán? Phi Phi! Người chạy mau đi.

Khúc Phi Yên đáp:

– Tiểu nữ nguyện chết cùng gia gia và Lưu công công một chỗ, quyết chẳng chịu sống lấy một mình.

Lưu Chính Phong lại giục:

– Chạy mau đi! Chạy mau đi! Công việc của bọn người lớn chúng ta không liên can gì tới người cả.

Khúc Phi Yên nói:

– Tiểu nữ không đi, nhất định không đi!

Cô vừa nói vừa rút hai thanh đoản kiếm ở sau lưng ra rồi lạng người lại đứng chắn trước mặt Lưu Chính Phong.

Phí Bân thấy Khúc Phi Yên rút kiếm ra thì rất vừa lòng. Hắn cười nói:

– Con nhãi này muốn tuyệt diệt phái Tung Sơn ta, thế thì ta không tuyệt diệt thì còn để làm chi? Chẳng lẽ Phí mỗ bỏ tay để thị phanng thầy hay là cầm đầu chạy trốn.

Lưu Chính Phong vội kéo tay Khúc Phi Yên nói:

– Chạy lẹ đi, chạy lẹ đi!

Nhưng lão đã bị luồng nội lực Đại tung dương thủ làm chấn động đứt hết tâm mạch. Hơn nữa lão vừa đem hết tâm lực thổi khúc *Tiểu ngạo giang hồ* nên tuy lão nắm tay Khúc Phi Yên mà chẳng còn chút lực lượng nào cả. Khúc Phi Yên khẽ cựa một cái thoát ra khỏi tay Lưu Chính Phong.

Giữa lúc ấy ánh thanh quang lấp loáng. Phí Bân đã phóng trường kiếm đến trước mặt cô.

Khúc Phi Yên giờ thanh đoản kiếm ở tay trái lên gạt rồi tay phải cũng phóng kiếm ra liền.

Phí Bân cười gằn một tiếng, khoa thanh kiếm một vòng rồi đập đánh chát một tiếng trúng vào thanh đoản kiếm bên tay phải Khúc Phi Yên.

Khúc Phi Yên cảm thấy cánh tay mặt tê nhức. Hổ khẩu bị toạc, cực kỳ đau đớn. Thanh đoản kiếm bên tay trái cô cũng rớt theo liền.

Phí Bân đã chí mũi kiếm vào cổ họng cô bé rồi quay lại nhìn Khúc Dương cười nói:

– Khúc trưởng lão! Tại hạ hãy đâm mù mắt bên tả lệnh tôn nữ trước rồi sẽ cắt mũi thị. Sau nữa khoét mắt bên phải thị...

Khúc Phi Yên kêu to lên một tiếng nhảy xổ về phía trước cho cỗ hống đâm vào thanh trường kiếm của Phí Bản.

Thủ pháp Phí Bản cực kỳ mau lẹ. Hấn rút thanh trường kiếm về. Người Khúc Phi Yên liền xô đến trước mặt hấn. Hấn đưa ngón tay trở điểm trúng vào vai bên phải cô. Người cô xoay đi ngã lăn xuống liền.

Phí Bản cười ha hả nói:

– Quân tà ma ngoại đạo này tàn ác đã nhiều. Mi muốn chết cũng không phải dễ đâu. Ta hãy đâm mù mắt bên trái mi trước rồi hãy tính.

Hấn đưa trường kiếm lên toan đâm vào mắt bên trái Khúc Phi Yên.

Bất thành linh phía sau có tiếng quát:

– Dừng tay lại!

Phí Bản quay ngoắt người nhìn. Thì ra người quát hấn dừng chính là Lệnh Hồ Xung từ sau mỏm đá bất thần xuất hiện. Phí Bản gắng giọng:

– Té ra là ngươi.

– Vâng, chính là tiểu diệt.

Lệnh Hồ Xung chấp tay nói:

– Phí sư thúc, sư thúc là bậc đại anh hùng hào kiệt trong thiên

hạ, là ngôi sao Bắc đẩu của Ngũ Nhạc kiếm phái không lẽ lại ra tay sát hại trẻ con mà chịu chôn thanh danh mấy mươi năm gây dựng. Giang hồ từ nay còn coi sư thúc là gì.

Gã nói xong hai tay ôm bụng, tựa lưng vào một gốc cây.

Phí Bân sát khí đằng đằng, bật tiếng cười hung ác nói:

– Mi tưởng dùng miệng lưỡi để kềm hãm ta, hòng ta tha chết cho ba tên yêu nhân này chăng? Ô hô! Nếu thế thì mi ngu quá! Phí mỗi muốn giết ba người hay bốn người là giết liền.

Hắn nói rồi tiến lên một bước. Tuy hắn thấy người Lệnh Hồ Xung lão đảo không đứng vững nhưng từng nghe nói đại đệ tử phái Hoa Sơn là một truyền nhân rất đặc ý của Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần, võ công cao thâm chẳng kém gì những tay hảo thủ vào hàng tiền bối phái khác. Sự việc trước mắt có liên quan đến thanh danh phái Tung Sơn nhà hắn. Nếu hắn để gã trốn thoát thì giá trị hắn không đáng đồng xu. Đồng thời giữa phái Hoa Sơn và phái Tung Sơn sẽ vì vụ này mà xảy chuyện phong ba. Chỉ có cách diệt gã cho lẹ để bịt miệng mới khỏi mối lo về sau.

Lệnh Hồ Xung thấy Phí Bân ra chiều hung dữ thì không khỏi kinh hãi. Gã ngấm ngấm tính kế giải vây, nhưng ngoài mặt không lộ vẻ chi hết. Gã hất hàm hỏi:

– Phí sư thúc! Phải chăng sư thúc định giết luôn cả tiểu đệ để bịt miệng?

Phí Bân đáp:

– Mi quả là thông minh. Đúng thế đó!

Hắn dứt lời tiến gần lại thêm bước nữa.

Đột nhiên sau tảng đá núi lại xuất hiện một nữ ni nhỏ tuổi.
Nàng nói:

– Phí sự thúc! Bể khổ mong mệnh nhưng quay đầu lại là thấy bờ. Hiện giờ sự thúc đang định làm một việc bại hoại, nhưng việc chưa thực hành mà biết gò cương dùng ngựa thì cũng chưa muộn.

Nữ ni này chính là Nghi Lâm.

Nguyên Lệnh Hồ Xung đã căn dặn nàng nấp yên ở phía sau đá núi chớ để ai nhìn thấy. Nhưng nàng nghe Lệnh Hồ Xung sắp lâm vào tình trạng nguy cấp, không kịp suy nghĩ gì nữa đánh bạo tiến ra, muốn đem lời nói phải để khuyên Phí Bân dừng tay.

Phí Bân giạt mình kinh hãi hỏi:

– Phải chăng mi là đồ đệ phái Hằng Sơn? Sao lại lên lút nấp lánh ở đây làm chi?

Nghi Lâm đỏ mặt lên, miệng ấp úng:

– Tiểu diệt nữ... tiểu diệt nữ...

Khúc Phi Yên từ lúc bị điểm huyết nằm lăn dưới đất không nhúc nhích được, liền lớn tiếng gọi:

– Nghi Lâm tỷ tỷ! Tiểu muội đã đoán trước là tỷ tỷ đến chỗ Lệnh Hồ đại ca của tỷ tỷ. Quả nhiên tỷ tỷ đã chữa được thương thế cho y. Đáng tiếc là... bọn tiểu muội đều sắp chết đến nơi rồi.

Nghi Lâm lắc đầu đáp:

– Không phải đâu! Phí sự thúc là bậc đại anh hùng, đại hào

kiệt tiếng tăm lòng lẫy võ lâm. Khi nào sư thúc lại gia hại những người bị trọng thương cùng một vị tiểu cô nương như muội muội.

Khúc Phi Yên cười lạt hỏi:

– Lão có thật là đại anh hùng đại hào kiệt không?

Nghi Lâm đáp:

– Tung Sơn là minh chủ của Ngũ Nhạc kiếm phái, là lãnh tụ những tay nghĩa hiệp trên chốn giang hồ. Bất luận làm việc gì, dĩ nhiên cũng lấy nghĩa hiệp làm đầu.

Nàng nói đây với cả một tấm lòng thành thực. Nàng đã không hiểu thế sự thì làm gì có cơ tâm? Nàng thường nhìn mọi người theo khía cạnh tốt đẹp. Nhưng Phí Bán nghe nàng nói thế lại cho là lời mỉa mai, bụng bảo dạ:

– Trời không chịu đất thì đất chẳng chịu trời. Nếu bữa nay để một tên sống sót thì từ đây Phí mỗ mắc tiếng ô danh. Mình giết bọn yêu nhân trong Ma giáo nhưng trong lúc chúng bị trọng thương thì không phải là hành vi của anh hùng hào kiệt và vẫn bị người ta chê cười.

Hắn vung trường kiếm lên trở vào Nghi Lâm hỏi:

– Mi không bị trọng thương mà cũng không phải là một cô bé chẳng hiểu võ công. Vậy ta giết mi được chứ?

Nghi Lâm giật mình kinh hãi hỏi lại:

– Tiểu diệt nữ ư?... Tại sao sư thúc lại giết tiểu diệt nữ?

Phí Bán đáp:

– Mi cấu kết với bọn yêu nhân Ma giáo, kêu nhau bằng tỉ muội, thế là cùng một phe với yêu nhân, dĩ nhiên không thể dung tha được.

Hắn nói xong tiến lại một bước vung kiếm toan đâm Nghi Lâm.

Lệnh Hồ Xung đưa song chưởng ra chắn trước mặt Nghi Lâm, la lên:

– Sư muội chạy lẹ đi! Kêu lệnh sư đến cứu mạng.

Gã biết nơi đây hoang vắng, bao giờ tìm cho thấy Định Dật sư thái? Nhưng gã bảo nàng đi kêu cứu binh chẳng qua là để nàng rời xa chốn này cho khỏi uổng mạng.

Phí Bán phóng ba kiếm liên hoàn veo véo trông rất nguy hiểm.

Nghi Lâm thấy vậy rút thanh kiếm gầy ở sau lưng ra nhắm đánh lại Phí Bán. Nàng la lên:

– Lệnh Hồ đại ca! Đại ca đã bị trọng thương, phải lùi lại cho mau!

Phí Bán cười khanh khách nói:

– Tiểu ni cô đã động lòng trần rồi đây. Trông thấy chàng trai trẻ đẹp, ni cô cũng liều mình!

Dứt lời, hắn vung kiếm chém xuống đánh choang một tiếng. Hai thanh kiếm chạm nhau. Thanh kiếm gầy trong tay Nghi Lâm lập tức rớt xuống.

Phí Bán hươ kiếm nhắm đâm vào trước ngực nàng.

Chiêu kiếm này vừa mau lẹ vừa chuẩn xác. Nó là một trong những tuyệt chiêu của Tung Sơn kiếm pháp.

Ta nên biết Phí Bân nhận thấy phải giết hết cả năm người, tuy ngoại trừ Nghi Lâm, những người kia chẳng có một ai có sức lực chống chọi, nhưng hấn sợ đêm dài sinh lăm chuyện, chỉ để một tên lọt lưới phát sinh hậu hoạn, nên đã hạ thủ ngay bằng tuyệt chiêu.

Nghi Lâm la lên một tiếng “úi chao!”

Nàng muốn lùi lại nhưng mũi kiếm đã tới trước ngực.

Lệnh Hồ Xung bằng mình xô tới. Hai ngón tay gã nhằm đâm vào mắt Phí Bân.

Nếu Phí Bân tiếp tục phóng kiếm về phía trước thì lập tức giết chết được Nghi Lâm, nhưng chính hấn bị hỏng hai mắt. Hấn đành vận kinh lực vào chân phải nhảy lùi lại. Lúc hấn rút trường kiếm về liền thừa thế lia vào cánh tay bên trái Lệnh Hồ Xung, vạch một đường dài.

Lệnh Hồ Xung liều mình xông vào cứu nguy cho Nghi Lâm, nhưng gã thờ lên hồng học, người lão đảo muốn té.

Nghi Lâm vội đỡ lấy gã, ghen ngào nói:

– Để y giết chết cả chúng ta đi!

Lệnh Hồ Xung vừa thờ vừa giục:

– Sư muội... chạy lẹ đi....!

Khúc Phi Yên cười nói:

– Chàng ngọc kia! Đến bây giờ mà vẫn chưa hiểu ý người ta ư? Nghi Lâm tỷ tỷ muốn chết với người đó...

Cô vừa nói xong thì Phí Bân nở một nụ cười đanh ác. Hắn chống trường kiếm từ từ tiến lên một bước. Tiếp theo hắn chỉ chân trái xuống tiến thêm bước nữa.

Lệnh Hồ Xung tự hỏi:

– Tại sao Nghi Lâm sư muội lại muốn chết theo ta? Tuy ta cứu y nhưng y đã cứu ta một lần. Thế là y đã đền đáp rồi không còn khiếm khuyết gì nữa. Ta với y lại không phải là bạn tri giao mà chỉ có tình sư huynh sư muội giữa Ngũ Nhạc kiếm phái. Trên chốn giang hồ tuy trọng đạo nghĩa nhưng bất tất phải chết vì nhau. Không ngờ những đệ tử dưới trướng phái Hằng Sơn lại giữ nghĩa khí vô lâm đến thế! Định Dật sư thái thật là một nhân vật ít người bì kịp.

Gã thấy Phí Bân tiến lên một bước. Mũi trường kiếm của hắn lấp lánh ánh thanh quang lóe mắt.

Giữa lúc ấy đột nhiên sau gốc cây tùng bật lên mấy tiếng hồ cầm. Điệu đàn nghe rất thê lương, tựa hồ như tiếng than thở, tiếng khóc lóc tỉ tê.

Tiếp theo tiếng đàn run run lúc dứt lúc nổi như hạt mưa nhỏ giọt xuống lá cây.

Phí Bân chấn động tâm thần, lảo bầm:

– Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh đã đến rồi.

Tiếng hồ cầm mỗi lúc một nghe ảo não thê lương.

Mạc Đại tiên sinh vẫn còn đứng sau gốc cây chưa chịu xuất hiện.

Phí Bàn lớn tiếng hỏi:

– Có phải Mạc Đại tiên sinh đó chăng? Sao lại không ra đây tương kiến?

Tiếng hô cầm đột nhiên ngừng lại. Một bóng người gầy khẳng gầy kheo từ sau gốc cây tùng đi ra.

Lệnh Hồ Xung đã nghe tiếng Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh từ lâu, nhưng chưa từng thấy mặt. Bây giờ dưới ánh trăng, gã thấy lão người gầy như que củi, hai vai nhô lên, coi chẳng khác người mắc bệnh lao hay bị ma làm, lúc nào cũng có thể lảo đảo ra chết bất thành linh. Gã không ngờ chương môn phái Hành Sơn lại hình dung cổ quái như vậy.

Mạc Đại tiên sinh tay trái cầm cây hồ cầm nhìn Phí Bàn chấp tay hỏi:

– Phí sư huynh! Tả Minh chủ vẫn mạnh giỏi đấy chứ?

Phí Bàn thấy lão không có ác ý, lại biết lão trước nay vẫn bất hòa với Lưu Chính Phong, liền đáp:

– Dạ tạ Mạc Đại tiên sinh. Tệ sư ca vẫn mạnh giỏi. Mạc Đại tiên sinh ơi! Lưu Chính Phong ở quý phái giao kết với yêu nhân bên Ma giáo, bây giờ nên xử trí thế nào?

Mạc Đại tiên sinh tiến gần về phía Lưu Chính Phong, về mặt lăm lè đáp:

– Phải giết đi!

Tiên sinh chưa dứt lời, ánh hào quang lấp lánh. Tay tiên sinh cầm một thanh trường kiếm vừa mỏng vừa nhỏ. Kiếm quang vừa lóe lên đã đâm thẳng vào ngực Phí Bản.

Mạc Đại tiên sinh phóng chiêu kiếm ra cực kỳ mau lẹ. Phí Bản hốt hoảng lùi lại.

Roac một tiếng! Trước ngực Phí Bản bị vạch một đường dài. Vạt áo bị lưỡi kiếm bén xẻ rách vào đến da thịt. Hắn bị thương rồi.

Phí Bản vừa kinh hãi vừa tức giận phóng kiếm đâm trả. Nhưng Mạc Đại tiên sinh phóng chiêu đầu chiếm được tiên cơ rồi tiếp tục khoa kiếm đánh rất rát. Thanh kiếm của tiên sinh mỏng như giấy, phóng ra ngoằn ngoèo coi chẳng khác con linh xà rung động không ngớt luôn vào giữa làn kiếm quang của Phí Bản.

Phí Bản muốn cất tiếng quát mắng, song kiếm chiêu của Mạc Đại tiên sinh thi triển mau lẹ quá chừng, bức bách hắn phải lùi hoài.

Bọn Khúc Dương, Lưu Chính Phong, Lệnh Hồ Xung đều là những tay kiếm thuật cừ khôi mà thấy kiếm chiêu của Mạc Đại tiên sinh biến ảo như quỷ mị cũng không khỏi kinh tâm động phách.

Lưu Chính Phong cùng Mạc Đại tiên sinh là bạn đồng môn học nghệ mấy chục năm trời, nhưng lão không ngờ Mạc Đại sư huynh lại tinh thâm kiếm thuật đến thế!

Tùng giọt máu tươi nhỏ xuống giữa hai thanh trường kiếm. Phí

Bân chạy nhảy né tránh, cố sức chống đỡ, mà không sao tránh được luồng kiếm quang của Mạc Đại tiên sinh chụp xuống người hần.

Chung quanh hai người, máu tươi chảy thành một vòng tròn đỏ lôm.

Bỗng nhiên, Mạc Đại tiên sinh rút kiếm lùi lại, xô trường kiếm vào trong hồ cầm rồi trở gót đi luôn. Sau gốc cây tùng, khúc đòn Tiêu Tương dạ vũ lại vắng vắng dạo lên một lúc một xa.

Nguyên trong lúc kịch chiến vừa rồi, Phí Bân vọt người lên cao rồi té xuống. Máu trong ngực hần phun ra như suối. Hần bị Mạc Đại tiên sinh đâm trúng ngực rồi mà nội lực chưa tiêu tan hết, liền vận cho máu tươi phun vào lưới kiếm coi vừa kỳ bí lại vừa rùng rợn.

Nghi Lâm đang đứng nâng đỡ cho Lệnh Hồ Xung, nàng sợ quá trống ngực đánh thình thình. Tuy nàng học võ đã nhiều năm, nhưng chưa từng thấy thảm trạng giết người thế này bao giờ.

Phí Bân nằm trên vũng máu không nhúc nhích, dĩ nhiên hần chết rồi.

Khúc Dương thở dài nói:

– Lưu hiền đệ! Hiền đệ vẫn nói là bất hòa với lệnh sư huynh, không ngờ giữa lúc hiền đệ lâm nguy, y lại ra tay cứu giải.

Lưu Chính Phong nói:

– Hành vi của Mạc Đại sư ca thật là cô quái, khiến người ta khó mà hiểu được. Giữa tiểu đệ và y có mối bất hòa, quyết không

phải vì chuyện bản phú thường tình mà vì tính nét chẳng hợp nhau chỗ nào đó thôi.

Khúc Dương lắc đầu nói:

– Kiểm pháp y tinh thông đến thế, song tiếng hồ cầm cực kỳ đau khổ khiến người nghe phải rớt nước mắt. Vậy là y chưa thoát tục, vẫn bị trôi buộc trong vòng lẩn quẩn.

Lưu Chính Phong nói:

– Chính thế! Mạc Đại sư ca tấu hồ cầm chỉ có đi mà không có lại. Khúc điệu vô cùng nào nuốt chạy thẳng một chiều trên đường sâu thẳm. Nhưng thì từ hay, vui vẻ mà không đậm đặt, bi ai mà không thâm đậm thì khúc nhạc cũng vậy. Hễ tiểu đệ nghe y dạo hồ cầm là lập tức muốn lánh xa.

Lệnh Hồ Xung nghĩ bụng:

– Hai lão này say mê âm nhạc đến thế là cùng. Sắp chết tới nơi mà còn nghiên cứu tiếng đàn, nói những gì bi ai mà không thể thâm, cùng là phong nhã, tục khí chi chi lắm chuyện.

Bỗng nghe Lưu Chính Phong lại nói:

– Nhưng về kiểm pháp, võ công thì tiểu đệ còn thua y xa lắm. Bình nhật tiểu đệ vẫn thường thất kính với y, bây giờ nghĩ lại thật là xấu hổ.

Khúc Dương gật đầu nói:

– Chương môn phái Hành Sơn quả nhiên là nhân vật danh bất hư truyền.

Khúc Phi Yên bỗng lớn tiếng la:

– Gia gia! Gia gia giải huyết đạo cho tôn nhi, mau. Rồi chúng ta nên đi thôi.

Khúc Dương chống tay xuống định đứng dậy, nhưng lão vừa nhồm người lên một chút lại phải ngồi phệt ngay xuống. Lão lắc đầu nói:

– Ta không làm gì được nữa rồi.

Lão quay lại bảo Lệnh Hồ Xung:

– Tiểu huynh đệ! Ta có điều yêu cầu, chẳng hiểu tiểu huynh đệ có ưng không?

Lệnh Hồ Xung đáp:

– Tiền bối sai bảo điều gì... vãn bối xin tuân theo.

Khúc Dương đưa mắt nhìn Lưu Chính Phong nói:

– Ta cùng Lưu hiền đệ say mê âm luật, mất công mấy năm trời mới sáng tạo ra được khúc *Tiểu ngao giang hồ* mà ta tin là một khúc nhạc kỳ diệu cổ kim chưa từng có. Từ đây về sau hàng ngàn năm nữa, dù trên đời lại nảy Khúc Dương khác, nhưng khó lòng có Lưu Chính Phong. Hay là có những nhân vật như Khúc Dương, Lưu Chính Phong song không thể đồng thời có cả hai được. Hai người đã tinh thông âm luật lại nội công thâm hậu, thanh khí tương đồng để cùng sáng tác ra một khúc nhạc thì thật là một điều thiên nan vạn nan. Khúc nhạc kỳ tuyệt này khiến cho ta cùng Lưu hiền đệ ở dưới suối vàng không khỏi ngậm ngùi.

Lão nói đến đây, lấy trong bọc ra một cuốn sách mỏng rồi nói tiếp:

– Đây là cảm phổ khúc *Tiểu ngao giang hồ*, Lưu hiền đệ còn có bản tiêu phổ về khúc này. Ta xin tiểu huynh đệ nghĩ tình hai ta tốn bao nhiêu tâm huyết mà đem cảm phổ cùng tiêu phổ đi khắp thế gian, ráng tìm cho được truyền nhân.

Lưu Chính Phong cũng lấy trong bọc ra một cuốn sách, cười nói:

– Nếu khúc *Tiểu ngao giang hồ* này mà còn lưu truyền được ở đời thì ta cùng Khúc đại ca có chết cũng nhắm mắt.

Lệnh Hồ Xung nhận cảm phổ và tiêu phổ mà trong lòng dâng lên nỗi bồi hồi khôn tả. Gã liền nói:

– Văn bối nguyên sẽ làm tròn sứ mệnh mà hai vị đã giao.

Hắn vừa nói xong thì Lưu Chính Phong cùng Khúc Dương mỉm cười và hai người cùng rủ nhau về thế giới bên kia. Nhưng khuôn mặt của họ vẫn toát vẻ yên bình và thanh thản.

Lệnh Hồ Xung cảm *Tiểu ngao giang hồ* khúc đứng nghĩ vẫn vợ như người mất hồn. Gã thắc mắc quyển sách nhỏ này có giá trị như thế nào mà thiên hạ tranh giành nhau đến máu đổ thịt rơi. Gã tò mò muốn lật xem.

Lệnh Hồ Xung vốn đã ít hiểu biết về văn tự mà cảm phổ lại toàn những chữ quái dị, văn lý rất uyên thâm huyền diệu, gã chưa từng đọc bao giờ. Gã đành dứt ngay sách vào bọc, quay lại bảo Nghi Lâm:

– Tiểu sư muội! Sư muội hãy nghỉ một chút rồi hãy vui lấp thi thể của Khúc trưởng lão và Lưu sư thúc.

Nghi Lâm đáp lại bằng một tiếng “ạ”.

Khúc Phi Yên nghe nói đến chuyện vui lấp di thể gia gia lại khóc òa lên. Nghi Lâm nghe cô khóc rất thảm thiết cũng không khỏi sa lệ.

Lệnh Hồ Xung ngẩng đầu lên buông một tiếng thở dài bụng bảo dạ:

– Lưu sư thúc vì việc kết giao bằng hữu mà cả nhà phải uổng mạng. Tuy y kết giao với một vị trưởng lão trong Ma giáo, nhưng hai người cùng nghĩa khí ngất trời, thiệt không hổ là những trang hảo hán lắm liệt khiến cho ai cũng phải khâm phục.

Trích: Tiểu ngạo giang hồ

Bản dịch: Hàn Giang Nhạn

Chỉnh lý bản dịch: Vũ Đức Sao Biển

Phụ lục V.

Vĩnh biệt A Châu!

Thật hạnh phúc cho những ai có một mối tình lớn trong đời. Tiêu Phong (tức Kiều Phong), người anh hùng Khiết Đan đã có được hạnh phúc tuyệt vời đó khi ông gặp gỡ và thương yêu cô gái Trung Quốc A Châu.

Nhưng định mệnh trớ trêu đã khiến ông xuống tay lầm lỡ đánh chết người tình, đánh chết tình yêu hạnh phúc của chính ông. Chỉ trong phút cuối vĩnh biệt, ông mới nhìn thấy hết cái đẹp tiềm ẩn trong tâm hồn A Châu: tình yêu thương nồng cháy, đức hy sinh tuyệt vời.

Đoạn trích sau đây từ *Lục mạch thần kiếm* truyện có tính chất ngậm ngùi đau đớn của bi kịch cổ điển. Nhưng vượt xa bi kịch cổ điển, đoạn trích mang dư vị rất Đông phương. Từ khi vĩnh biệt A Châu, Kiều Phong không còn yêu ai nữa, không còn muốn nhìn đến người phụ nữ đẹp nào nữa dù năm ấy, ông chỉ mới ba mươi....

A Châu nằm phục trong lòng Tiêu Phong; lưng nàng không ngớt rung động. Tiêu Phong cảm thấy trong lòng ấm áp, lấm lấm: Mình có được cô vợ thế này, thì cuộc đời còn chi đáng tiếc nữa?

Chỉ trong khoảnh khắc, tâm hồn ông bất giác như lạc vào cõi mộng phiêu diêu. Ông tưởng tượng đến phong cảnh bên kia quan ải. Sau đây một tháng, ông sẽ cùng A Châu cỡi ngựa rong ruổi trên cánh đồng cỏ bát ngát, hoặc thả trâu nuôi cừu, hoặc săn chồn đuổi thỏ, không còn để phòng kẻ thù hãm hại nữa. Lòng mà trút được hết nỗi lo âu thì sung sướng biết bao? Ông nhớ lại bữa trước ở Tự Hiền trang, được vị hảo hán áo đen đến cứu mạng cho, ông chưa báo được ơn to ấy thì trong lòng không khỏi thắc mắc. Song ông tự nhủ: Bạc đại anh hùng thì ân không cần báo đáp, món ân tình ấy mình chưa trả được cũng không sao.

Trời đã gần tối, A Châu nằm phục trong lòng Tiêu Phong, bật bật giấc nồng. Tiêu Phong lấy hai đồng cân bạc đưa cho chủ quán bảo y dọn cho một căn phòng riêng. Ông ẵm A Châu vào phòng đặt trên giường, đắp chăn cho nàng, rồi buông màn xuống. Còn ông thì ra nhà ngoài ngồi nhắm mắt dưỡng thần, ngủ gà ngủ gật chừng độ một giờ.

Tiêu Phong mở cửa ra ngoài, nhìn lên trời thấy mảnh trăng lưỡi liềm đầu tháng treo lơ lửng đầu cành. Từ góc Tây Bắc, mây đen kéo lên bao phủ nửa bầu trời. Đường như sắp có mưa to gió lớn.

Tiêu Phong khoác trường bào, trông về phía cầu đá xanh mà đi. Đi chừng được hơn năm dặm thì đến bờ sông. Mảnh trăng còn chiếu ánh vàng xuống nước long lanh, nhưng mây đen đã kéo đến gần, phủ kín mặt. Thỉnh thoảng tia chớp lóe lên làm cho cánh đồng hoang sáng rực một cái rồi trở lại tối om.

Xa xa, trên mộ địa, ánh lân tinh chập chờn lướt trên ngọn cỏ như thể ma trôi.

Tiêu Phong đi mỗi lúc một nhanh, chẳng mấy chốc đã đến cầu đá xanh. Thỉnh thoảng ánh sao Bắc đẩu lại ló ra. Ông thấy mình đến sớm quá, bấy giờ mới vào khoảng canh hai. Ông tự cười thầm: Ta vì việc báo thù mà nóng ruột quá không dần lòng được. Ai lại đi sớm hàng trống canh bao giờ?

Kể ra trong đời ông, ông đã bao lần ước hẹn cùng người tranh đấu một mất một còn, mà võ công của đối phương những lần trước so với Đoàn Chính Thuần còn lợi hại hơn nhiều. Mà lạ thay! Chuyến này lại khác với mọi khi. Ông cảm thấy lòng rất đổi băn khoăn, chứ không vững dạ như những lần trước.

Tiêu Phong đứng trên đầu cầu, nhìn dòng nước lững lờ trôi, miệng lẩm bẩm: Phải rồi! Trước kia ta chỉ có một mình, không ai ràng buộc nên chẳng lo lắng gì. Song bữa nay, ta còn có A Châu ở trong lòng. Hà hà! Thảo nào người ta thường nói: “Nhi nữ tình trường, anh hùng khí đoản” là phải lắm.

Nghĩ tới đây, bất giác ông liên tưởng đến mối tình êm dịu, khoe miệng thoáng lộ một nụ cười. Rồi ông tự nhủ: Giả tỷ A Châu kề cận mãi bên ta thì hay biết mấy!

Tiêu Phong hiểu rõ võ công Đoàn Chính Thuần còn kém mình xa. Cuộc thắng bại đêm nay chẳng đáng quan hoài. Ông thấy giờ hẹn còn lâu, bèn ngồi xuống gốc cây ở đầu cầu, ngưng thần tĩnh trí điều hòa hơi thở, dần dần tinh thần trở lại sáng suốt và sạch lắng lắng, không còn ý niệm phức tạp. Bỗng tia chớp lóe lên rồi

đánh “sấm” một tiếng vang trời. Tiếng sét từ trong đám mây dày đen ngịt đánh xuống.

Tiêu Phong giật mình, mở bừng mắt ra, tự nói một mình: Mưa to đến nơi rồi, bao giờ mới sang canh ba?

Giữa lúc ấy, một bóng người từ phía Tiểu Kính hồ thủng thỉnh đi tới. Người này khoác áo bào rộng thùng thình, thất đại cẩn thận. Tiêu Phong nhìn kỹ thì đúng là Đoàn Chính Thuần. Y đi thẳng tới trước mặt Tiêu Phong xá dài rồi nói:

– Kiểu bang chúa ước hẹn với tôi đến đây có điều chi chỉ giáo?

Tiêu Phong khẽ nghiêng đầu một chút, ghé mắt nhìn Đoàn Chính Thuần. Lửa giận bốc lên tận cổ, ông hỏi ngay:

– Đoàn tiên sinh! Tôi ước hẹn tiên sinh đến đây với dụng ý gì, chẳng lẽ tiên sinh chưa biết hay sao?

Đoàn Chính Thuần thở dài nói:

– Phải chăng vì câu chuyện năm trước ngoài Nhạn Môn Quan mà các hạ kêu tôi đến đây? Về vụ đó tôi lầm lỡ, tin lời kẻ gian, bị họ bày trò bịp bợm, làm tổn thương đến tính mạng lệnh mẫu cùng lệnh đường. Tôi xin chịu nhận sự lầm lẫn lớn lao đó.

Tiêu Phong lại hỏi:

– Sao tiên sinh còn sát hại nghĩa phụ nghĩa mẫu tôi là ông bà Kiểu Tam Hộc rồi lại đánh chết cả ân sư tôi là Huyền Khổ đại sư?

Đoàn Chính Thuần từ từ lắc đầu đáp:

– Tôi chỉ mong bung bít vụ này, ngờ đâu mình càng che lấp bao nhiêu càng tự hãm mình vào vòng tội lỗi bấy nhiêu. Rốt cuộc không thể nào thoát ra được nữa.

Tiêu Phong nói:

– Chà! Tiên sinh quả là một bậc hảo hán ngay thẳng. Vậy bây giờ tiên sinh tự xử lấy, hay để cho tôi động thủ?

Đoàn Chính Thuần đáp:

– Nếu không được Kiều bang chúa ra tay cứu viện thì Đoàn mỗ đã mất mạng trên bờ Tiểu Kính hồ từ giờ ngo hôm nay rồi. Sống được thêm đến lúc này là do nơi các hạ ban cho. Bây giờ Kiều bang chúa đòi mạng tại hạ thì xin động thủ!

Bất thành linh, một tiếng sét lại nổ vang trời, rồi những hạt mưa to âm âm đổ xuống.

Tiêu Phong nghe lời Đoàn Chính Thuần, bất giác không muốn động thủ, vì xưa nay ông ưa kết giao cùng những bậc anh hùng hảo hán. Từ lúc ông thấy Đoàn Chính Thuần là người thẳng thắn hiên ngang đã sinh lòng mến tiếc. Giả tỷ chỉ là việc tầm thường thì ông quyết bỏ qua cho rồi. Nhưng đây lại là mối thù giết cha, chẳng đội trời chung, không thể nào ông bỏ qua được.

Tiêu Phong giờ tay lên nói:

– Đạo làm đệ tử không thể không trả mối thù sát hại song thân cùng sư trưởng được. Tiên sinh đã sát hại song thân, nghĩa phụ nghĩa mẫu và ân sư tôi, cả thầy năm mạng. Tôi xin đánh năm chưởng để trả thù. Sau khi phóng hết năm chưởng, bất luận là tiên

sinh còn sống hay đã chết, thì mỗi thù cũ coi như thanh toán xong xuôi.

Đoàn Chính Thuần nhăn nhó cười:

– Mỗi mạng người chỉ đổi bằng một chuông, như thế thì Đoàn mỡ được xử nhẹ lắm rồi. Đoàn mỡ thâm cảm thịnh tình của các hạ.

Tiêu Phong nghĩ bụng: Dù võ công họ Đoàn nước Đại Lý có tuyệt vời, ta vẫn e rằng y không thể chịu nổi một chuông trong Hàng long thập bát chuông của ta. Nghĩ vậy, ông thủng thẳng nói:

– Tiên sinh hãy coi chuông của ta đây!

Nói xong, tay phải đánh ra một chuông, chính là chiêu Kháng long hữu hồi trong Hàng long thập bát chuông.

Tia chớp lại lóe lên; một tiếng sét dữ dội trên lưng trời đánh xuống đieck tai. Tiếng sét này dường như để trợ oai cho đòn chuông đánh ra đến “bình” một cái vào giữa ngực Đoàn Chính Thuần.

Đoàn Chính Thuần đứng không vững, ngã khuyu xuống tựa vào lan can cầu. Người y mềm nhũn ra không nhúc nhích được nữa.

Tiêu Phong giựt mình tự hỏi: Sao y không phóng chuông ra đở, mà cứ để mặc cho nên nổi này?

Ông liền nhảy tới nắm cổ áo Đoàn Chính Thuần nhấc lên. Lòng ông bất giác kinh ngạc dị thường. Bên tai sấm sét vang trời; mưa trút xuống đầy mặt, mà ông cũng không biết. Ông buột miệng tự hỏi: Sao giờ y lại biến ra nhẹ thế này?

Nguyên trưa hôm nay, Tiêu Phong đã ra tay cứu Đoàn Chính Thuần, cũng xách người y lên hồi lâu. Con người võ công cao cường như Tiêu Phong thì trọng lượng trong tay chỉ sút đi nửa cân cũng đủ phát giác ra ngay lập tức. Thế mà lúc này ông thấy Đoàn Chính Thuần nhẹ hơn lúc ban trưa đến mấy chục cân. Vì thế, lòng ông không khỏi nghi ngờ sợ hãi; toàn thân toát mồ hôi lạnh ngắt.

Giữa lúc ấy tia chớp lại lóe lên sáng rực. Tiêu Phong đưa tay sờ mặt Đoàn Chính Thuần thấy mềm xèo trơn tuột. Nhờ ánh chớp soi sáng, ông trông rõ mặt, thất thanh kêu lên:

– A Châu! A Châu! Trời ơi! Té ra là nàng!

Ông chẳng còn hồn vía nào nữa, chân tay bải hoải, không tự chủ được, quỳ phục ngay xuống, ôm lấy hai chân A Châu. Tiêu Phong biết rằng chiêu Kháng long hữu hối vừa dùng hết toàn lực đánh ra thì dù những bậc anh hùng hảo hán bậc nhất trong võ lâm cũng không chịu nổi, huống chi là cô bé A Châu ẻo lả thướt tha này? Cố nhiên, một chưởng cũng đủ làm cho nàng gãy hết gân cốt, ngũ tạng tan nát. Dù có Tiết thần y ở kề bên để đưa đến cứu chữa ngay, cũng khó lòng cứu vãn tính mạng cho nàng được.

Mình A Châu tựa vào lan can cầu từ từ tụt xuống trên người Tiêu Phong.

Nàng khẽ hỏi:

– Đại ca ơi! Tiểu muội có điều lầm lỗi với đại ca. Đại ca có oán giận không?

Tiêu Phong lớn tiếng đáp:

– Tôi không giận nàng, tôi chỉ giận mình thôi... Tôi chỉ giận mình thôi!...

Nói xong, ông giơ tay lên tự tát vào má mình luôn mấy cái.

A Châu cử động tay trái toan ngăn trở Tiêu Phong không để ông tự tát mình nữa. Nhưng tay không cất nổi, nàng liền nói:

– Đại ca ơi! Đại ca hứa với tiểu muội, vĩnh viễn không tự hủy hoại thân mình.

Tiêu Phong la lên hỏi:

– Tại sao? Tại sao nàng?...

A Châu khẽ đáp:

– Đại ca ơi! Đại ca cởi áo mà xem vai bên tả của tiểu muội sẽ rõ.

Tiêu Phong cùng nàng quan san muôn dặm, tuy cùng đi một đường, cùng trọ một nơi, mà thủy chung vẫn giữ lễ giáo. Bây giờ, ông thấy nàng giục mình cởi áo nàng ra, không khỏi tần ngần.

A Châu nói:

– Tiểu muội đã là người của đại ca rồi, tấm thân này hoàn toàn thuộc về đại ca. Đại ca mở vai bên trái của tiểu muội mà coi sẽ rõ.

Tiêu Phong nước mắt chạy quanh, nghe A Châu nói thần trí vẫn sáng suốt. Trong lòng ông vẫn còn ý niệm đứng đắn. Ông hạ thấp tay trái xuống lưng nàng, vội vàng vận động chân khí để dồn nội lực vào người nàng thử xem may ra có vấn hồi được lỗi lầm

của mình chẳng? Tay phải ông từ từ cởi áo nàng để lộ cánh tay và vai bên trái ra.

Một tia chớp suốt ngang trời sáng rực lên. Tiêu Phong nhìn rõ trên bờ vai nõn nà của A Châu có thíc một chữ Đoàn đỏ tươi như máu.

Tiêu Phong vừa kinh dị lại vừa đau lòng không dám nhìn lâu, vội cài áo lại chơ nàng để che kín bả vai đi. Ông nhẹ nhàng ôm nàng vào lòng rồi hỏi:

– Chữ Đoàn trên vai nàng là nghĩa gì vậy?

A Châu đáp:

– Khi gia gia cùng má má tiểu muội gửi tôi cho người khác nuôi, có thíc lên vai chữ này để về sau dễ nhận.

Tiêu Phong hỏi bằng một giọng run run:

– Chữ Đoàn này là...?

A Châu nói:

– Ngày hôm nay, trên vai A Tử muội nương có in một dấu ám ký, do đó mà ông bà ấy đã nhận ra cô ta là con gái mình. Đại ca... đại ca có nhận thấy dấu hiệu đó không?

Tiêu Phong đáp:

– Tôi không tiện để ý nhìn vào ám ký đó.

A Châu nói:

– Dấu hiệu ở trên vai A Tử có thíc chữ Đoàn đỏ, cũng giống hệt chữ Đoàn trên vai tiểu muội đây...

Tiêu Phong nghe A Châu nói mới tỉnh ngộ ra, ông hỏi:

– Nàng... nàng cũng là con gái y ư?

A Châu đáp:

– Trước kia, tiểu muội cũng không biết. Từ lúc thấy ám hiệu trên vai A Tử mới hay A Tử là em ruột của tiểu muội.

Tiêu Phong nói:

– A Châu ơi, lai lịch của nàng mười phần tôi đã hiểu đến bảy, tám. Nàng bị thương nặng lắm rồi. Tôi bỗng nàng đi tìm chỗ trú mưa rồi sẽ tìm cách cứu chữa cho nàng. Câu chuyện này rồi sẽ bàn sau vội gì?

A Châu nói:

– Không được, không được! Tiểu muội phải thuật rõ cho đại ca biết. Chỉ chậm một lúc là không kịp nữa. Đại ca nghe tiểu muội nói hết đã.

Tiêu Phong không nỡ trái ý nàng, liền bảo:

– Được! Tôi nghe nàng nói hết đây, có điều nàng chờ để tâm cho mệt.

A Châu mỉm cười nói:

– Đại ca thực tử tế quá! Lúc nào cũng lo lắng cho tiểu muội. Đại ca thương tiểu muội như vậy, tiểu muội cảm kích vô cùng!

Tiêu Phong nói:

– Sau này tôi còn thương nàng gấp trăm nghìn lần.

A Châu nói:

– Đại ca thương tiểu muội như vậy là quá đủ rồi. Tiểu muội không mong đại ca cư xử hơn thế này nữa, e rằng tiểu muội sẽ phóng túng quá độ không còn ai cai quản nữa! Đại ca ơi! Tiểu muội... nấp ở sau nhà, lén nghe gia gia, má má cùng A Tử nói chuyện với nhau. Thì ra gia gia lấy vợ để riêng một nơi, người cùng má má không phải là vợ chồng chính thức. Năm trước người sinh tiểu muội, rồi năm sau lại sinh ra em A Tử. Sau gia gia tiểu muội đòi về Đại Lý. Má má giữ lại không cho đi rồi hai người lớn tiếng gây lộn. Má má còn đánh gia gia là khác, nhưng gia gia chỉ chịu đòn chứ không đánh trả. Rút cục không biết làm thế nào, hai người đành đi đến chỗ chia tay. Gia pháp nhà ông ngoại tiểu muội rất nghiêm ngặt! Ông rất có thể vì việc này mà giết má má được, nên má má không dám đưa hai chị em về nhà, đành đem cho người ta nuôi. Hy vọng ngày sau có dịp trùng phùng, má má liền thích vào vai chị em tiểu muội chữ Đoàn để dễ nhận.

Tiêu Phong càng thêm muôn phần thương xót nàng, khẽ nhủ:

– Nàng thật là một đứa nhỏ rất đáng thương.

A Châu nói:

– Má má đem tiểu muội cho người khác nuôi khi tiểu muội mới hơn một tuổi. Dĩ nhiên, tiểu muội không biết gia gia là ai, mà cả đến má má cũng không nhận diện được. Đại ca ơi! Thân thể đại ca cũng tương tự như tiểu muội. Tối hôm đó ở trong rừng hạnh, nghe thấy người ta nói đến hoàn cảnh đại ca, tiểu muội cũng cảm

thấy bụi ngùi trong dạ. Thực ra vì tiểu muội trông người lại ngấm đến ta, đại ca cũng là một đứa bé khốn nạn như tiểu muội.

Giữa lúc ấy, chớp giạt nhoang nhoáng không ngớt, sấm sét nổ liên hồi vang trời. Đột nhiên sét đánh trúng vào một cây to. Cây đổ xuống, phát ra những tiếng rào rào. Hai người tuyệt nhiên không để ý gì đến sự vật bên ngoài, nên những cuộc đại biến của vũ trụ đến trời long đất lở, họ cũng không hay.

A Châu lại nói:

– Người sát hại gia gia má má đại ca lại chính là gia gia tiểu muội! Trời ơi! Trời bày chi ra những cảnh đau khổ này cho chúng ta. Trời đã độc địa thì chớ, lại còn xui khiến cho chính tiểu muội bày mưu lập kế đến hởi Mã phu nhân để bà ta phun ra tên họ gia gia tiểu muội. Giả tỷ tiểu muội không cải trang làm Bạch Thế Kinh đến đánh lừa Mã phu nhân thì đời nào bà ta chịu đem tên họ gia gia tiểu muội mà nói ra. Người ta thường nói rằng: “Bất luận việc gì cũng có trời ở trong”. Trước đây tiểu muội không tin như vậy nhưng dễ thường đúng thật. Còn đại ca! Đại ca có tin thế không?

Tiểu Phong ngẩng mặt lên nhìn. Đầy trời, mây kéo đen ngịt. Một luồng chớp ngoằn ngoèo chiếu sáng cả cánh đồng hoang, tựa hồ như nhà trời mở mắt ra vậy.

Tiểu Phong cúi đầu ủ rũ, thần trí băng khuâng, hỏi A Châu:

– Nàng có tin chắc Đoàn Chính Thuần là gia gia nàng không?

A Châu đáp:

– Nhất định rồi, không thể sai được. Tiểu muội nghe gia gia cùng má má ôm em A Tử vừa khóc lóc vừa kể lể chuyện bỏ phồng chị em tiểu muội. Rồi cả gia gia má má cùng biểu: còn trời còn đất thì thế nào cũng tìm cho thấy tiểu muội đưa về. Gia gia má má có biết đâu rằng con gái người đang nấp ngoài cửa sổ. Đại ca ơi! Mới rồi tiểu muội giả vờ sinh bệnh rồi cải trang làm đại ca đến nói với gia gia bãi cuộc ước hẹn đêm nay trên cầu đá xanh và bao nhiêu chuyện đã qua đều xóa bỏ hết. Tiểu muội lại cải trang làm gia gia đến đây tương hội với đại ca, để đại ca....

Nàng nói đến đây thì tựa hồ như người sắp hết hơi, chỉ còn thoi thóp thở.

Tiêu Phong vận nội kinh thêm vào lòng bàn tay, cố giữ cho A Châu khỏi thoát hết chân lực ra ngoài. Ông sa lệ hỏi:

– Sao nàng không bảo tôi? Nếu tôi biết y là gia gia nàng thì...

Ông nói dở câu rồi không biết nói gì thêm nữa. Ông không biết Đoàn Chính Thuần là thân phụ A Châu. Giả tỷ ông biết rõ từ trước kẻ tử thù của mình lại là người cha rất thân yêu của nàng thì ông sẽ đối phó ra sao?

A Châu nói:

– Tiểu muội nghĩ đi nghĩ lại đã nhiều, đắn đo rất lâu nhưng đại ca ơi, biết nói thế nào cho được? Chẳng lẽ tiểu muội lại xin đại ca đừng báo thù cho năm người rất thân ái của đại ca bị thảm tử. Tiểu muội suy đi tính lại nếu khấn cầu đại ca một điều vô lý như vậy, liệu đại ca có ưng thuận chăng?

Tiếng nàng nói mỗi lúc một nhỏ đi. Ngoài trời vẫn sấm sét âm âm không ngớt. Nhưng Tiêu Phong nghe mỗi câu nói của A Châu còn kinh hồn động phách hơn tiếng sấm sét nhiều.

Ông vò đầu bứt tai nói:

– Sao nàng không bảo gia gia trốn đi nơi khác đừng đến phó hội nữa? Nếu gia gia là bậc anh hùng hảo hán không chịu thất ước, thì nàng giả trang ra tôi ước hẹn lại với gia gia đến nơi xa xăm và dời cuộc tương hội đến một ngày khác. Sao lại chịu khổ thân thế này?

A Châu nói:

– Tiểu muội cũng muốn nhắc nhở đại ca rằng một người có thể lỡ tay đánh chết người khác mà chuyện ấy thực không phải là bản tâm họ. Cố nhiên là đại ca không muốn giết tiểu muội, nhưng làm lỡ đánh tiểu muội một chưởng. Gia gia giết song thân đại ca cũng do sự vô ý mà làm nên tội lỗi.

Tiêu Phong cúi xuống nhìn hai mắt nàng. Lúc này những đám mây đen ngẫu nhiên tản mát đi, để lộ ánh sao mờ mờ. Ông thấy mắt nàng lộ ra xiết bao tình lưu luyến. Ông rung động cả tâm can và phát giác ra rằng A Châu là người tình tứ rất sâu đậm mà trước đây mình không tưởng đến mối tình của nàng lại đậm thắm quá như vậy. Ông hỏi:

– A Châu! A Châu nàng ơi! Tôi coi dường như nàng còn nguyên nhân nào khác, ngoài nguyên nhân cứu phụ thân và để nhắc nhở cho tôi biết thế nào là vô tâm gây nên tội lỗi. Tôi biết rõ

nàng hy sinh đời sống cho tôi.

Ông đưa tay ra ẩm người nàng đứng lên. Trời vẫn mưa to. Từng dòng nước mưa đổ xuống đầu, vào mặt ông.

Nét mặt A Châu bỗng tươi lên, tựa hồ nàng thấy Tiêu Phong đã hiểu rõ thâm ý của mình. Nàng tự biết mình sắp chết đến nơi. Tuy nàng không mong gì tình lang hiểu rõ nỗi lòng thâm kín bấy lâu, mà bây giờ ông đã hiểu rõ, nàng cảm thấy rất hạnh phúc.

Tiêu Phong hỏi lại:

– A Châu nàng ơi! Thật là nàng hy sinh vì tôi, có đúng thế không?

A Châu đáp:

– Đúng.

Tiêu Phong hỏi dồn:

– Vậy là làm sao? Nàng nói rõ đi.

A Châu nói:

– Họ Đoàn nước Đại Lý có môn Lục mạch thần kiếm. Đại ca đánh chết Trấn Nam vương của họ, khi nào họ chịu bỏ qua? Đại ca...

Tiêu Phong giật mình tỉnh ngộ, bất giác hai hàng nước mắt nóng hổi chảy xuống như mưa.

A Châu lại hỏi:

– Tiểu muội xin đại ca một việc, đại ca có ưng cho không?

Tiêu Phong đáp:

– Đừng nói một việc, dù đến trăm việc, ngàn việc tôi cũng nhất trí y lời.

A Châu nói:

– Tiểu muội chỉ có một đứa em gái cùng cha mẹ sinh ra, từ thuở nhỏ không được ở với nhau. Xin đại ca chiếu cố đến nó, tiểu muội chỉ lo nó lắm đường lạc lối.

Tiêu Phong gương cười nói:

– Chờ cho người nàng khỏe hẳn đã rồi chúng ta sẽ đến tìm y đăng chị em đoàn tụ. Tính y tính quái lắm, e rằng không được như nàng. Vậy nàng sẵn sóc dạy dỗ y.

A Châu thều thào nói:

– Chờ cho tiểu muội khỏe hẳn... Tiểu muội khỏe hẳn rồi thì đại ca... cùng ra ngoài Nhạn Môn Quan thả trâu chăn cừu. Đại ca liệu em A Tử có chịu đi không?

Tiêu Phong đáp:

– Tất nhiên là y chịu lắm. Chị ruột cùng anh rể bảo đi, lẽ nào y không chịu?

Bất thành linh có tiếng người ho lên. Một người từ chỗ găm câu vọt lên, lớn tiếng la:

– Đẹp mặt chưa? Các người nói cái gì mà chị ruột với chồng chị? Tôi không đi đâu!

Người này thân hình bé nhỏ, mặc áo lợi nước, chính là A Tử.

Tiêu Phong từ lúc lỡ tay đánh A Châu một chưởng, bao nhiêu tâm trí để vào cả người nàng. Bản lãnh như ông lẽ nào không phát giác ra người nấp dưới gầm cầu? Nhưng một là vì mưa to gió lớn sấm chớp âm âm, hai là vì tâm thần rối loạn, nên mãi đến lúc A Tử xuất hiện ông mới biết. Ông giật mình, cất tiếng gọi to:

– A Tử, A Tử! Cô lại đây mà nhìn chị cô.

A Tử bĩu môi đáp:

– Ta nấp dưới gầm cầu định để coi người cùng gia gia ta đánh nhau quyết liệt. Nào ngờ người lại đánh phải tỷ nương ta. Hai người to nhỏ thâm thì, ta không muốn nghe. Các người đã nói chuyện tình ái với nhau thì chớ, sao lại dính cả ta vào?

Nàng vừa nói vừa tiến lại gần.

A Châu nói:

– Mọii nương ơi! Sau này Tiêu đại ca sẽ chiếu cố đến em... Em cũng phải hết lòng với đại ca.

A Tử cười khanh khách nói.

– Thằng cha man mọii thô lỗ khó coi này, không thể nhìn nhận y được đâu.

Tiêu Phong đang bỗng A Châu lên định tìm chỗ trú mưa, thì thấy người nàng giẫy lên mấy cái, đầu rũ xuống, mớ tóc đẹp xòa trên vai ông, người nàng không nhúc nhích nữa.

Tiêu Phong thất kinh kêu lên:

– A Châu, A Châu!

Mạch máu nàng đã ngừng chạy.

Tiêu Phong hoảng hốt, trái tim cơ hồ ngừng đập. Ông để tay lên mũi nàng, thì nàng đã tắt thở rồi. Ông vẫn gọi giạt giọng:

– A Châu, A Châu!

Nhưng dù ông có gọi đến trăm lần nàng cũng không thừa nữa.

A Tử thấy Tiêu Phong mặt mũi nhăn nhó gân guốc trông rất dễ sợ, cũng kêu lên:

– Mi... Mi đừng giết ta.

Tiêu Phong chạy gần lại hai bước, đưa tay xé áo đánh “roac” một tiếng. Áo rách để hở ngực ra. Ông nói:

– Cô có độc châm, độc chùy... cô phóng chết tôi đi!...

A Tử nhờ ánh chớp lóe lên, trông rõ ngực Tiêu Phong có thích đầu con sói xanh, nhe nanh giờ vuốt, hình thù dữ tợn, lại càng sợ hãi, hét lên một tiếng rồi ù té chạy.

Tiêu Phong đứng trên cầu đá ngăn người ra một lúc, phần thì thương tâm vô hạn, phần thì hối hận vô cùng. Bất giác, ông giơ tay lên đập mạnh một cái vào lan can cầu đánh chát một tiếng. Một phiến đá thành cầu rơi xuống sông.

Gan ruột Tiêu Phong cũng rã rời chẳng khác gì phiến đá rớt ra khỏi cầu. Ông muốn gào khóc mà khóc không ra tiếng.

Một luồng chớp nhoáng soi rõ mặt A Châu. Những nét thâm tình tha thiết như còn lưu lại trên đôi mi mắt nàng. Tiêu Phong gào lên một tiếng:

– A Châu!

Rồi ôm người nàng lên chạy thẳng vào chốn đồng hoang.

Trích Lục mạch thần kiếm truyện

MỤC LỤC

Chương I.	Ý thiên Đồ long ký, bài ca của chủ nghĩa yêu nước	13
Chương II.	Nghề kỹ nữ trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	23
Chương III.	Bang giao Trung – Nga nhìn qua Lộc Đỉnh ký	32
Chương IV.	Cảnh mai trên Thiên Sơn	40
Chương V.	Con trâu trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	44
Chương VI.	Con trâu thông thái	49
Chương VII.	Thiên hạ đệ nhất đại mỹ nhân	52
Chương VIII.	Thử bình bầu thập đại mỹ nhân	58
Chương IX.	Đào Cốc lục tiên, một luật sư đoàn ngộ nghĩnh	89
Chương X.	Từ Hiệp khách hành của Lý Bạch đến Hiệp khách hành của Kim Dung	96
Chương XI.	Chân dung Nhạc Bất Quần	107
Chương XII.	Vấn đề pháp luật trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	116
Chương XIII.	Vụ án “Di hoa tiếp mộc” trong Lộc Đỉnh ký	121
Chương XIV.	Tổ tụng hình sự theo luật giang hồ	127
Chương XV.	Những vụ án oan trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	134
Chương XVI.	Lam Phượng Hoàng	140
Chương XVII.	Đại phu Bình Nhứt Chỉ	144

Chương XVIII.	Vấn đề dịch, đọc và in truyện võ hiệp Kim Dung	148
Phụ lục I.	Ung trào công	164
Phụ lục II.	Ký ức của tiểu thuyết gia Kim Dung về Hồng Kông	168
Phụ lục III.	Vụ cướp phá Đông Lăng của nhà Thanh	171
Phụ lục IV.	Khúc Tiểu ngạo từ đây bật tiếng	177
Phụ lục V.	Vĩnh biệt A Châu!	207

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

(Quyển trung)

THIÊN HẠ ĐỆ NHẤT MỸ NHÂN

VŨ ĐỨC SAO BIỂN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LÊ HOÀNG

Biên tập:

PHẠM SỸ SÁU

Vẽ bìa:

NGUYỄN VIỆT HẢI

Sửa bản in:

NGUYỄN LỤC

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B, Lý Chính Thắng – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

In 1.500 cuốn, khổ 14x20cm tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng, số 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM. ĐT: 8555812 - 8552517. Số đăng ký KHXB : 175/274 do Cục xuất bản cấp ngày 29-02-2000 và giấy trích ngang KHXB số 313/2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 04 năm 2000.

CÙNG MỘT TÁC GIẢ:

VŨ ĐỨC SAO BIỂN (ĐỒ BÌ)

- Tiểu thuyết: Hoa hồng trên cát (1989)
 Ảo ảnh sương khói (1991)
- Âm nhạc: Một ngày cho tình yêu (1971)
 Thu, hát cho người (1998)
- Tiểu phẩm trào phúng:
 Bản báo cáo biết bay (1983)
 Vạn tuế đàn ông (1989)
 Vĩnh biệt thốt nốt (1996)
 Thỏ thẻ cùng hoa hậu (1998)
 Ba đời ham vui (1999)
- Biên khảo: Kim Dung giữa đời tôi.- toàn tập (1999)
 Quyển thượng: Kiều Phong - Khát vọng của tự do
 Quyển trung: Thiên hạ đệ nhất đại mỹ nhân
 Quyển hạ: Từ AQ đến Vị Tiểu Bảo
- Bút ký: Ngôn ngữ từ những phiến cẩm thạch (1998)
- Phóng sự điều tra:
 Người mang số Q1 2629 (1998)

SẮP IN:

Oan khuất AQ
Đi tìm sự thật
Thơ chữ Hán



Giá : 18.000đ